Quyết Mãnh Tấn.

Quyết tát cạn nguồn sông mê bể ái
Chảy trong lòng từ vô thỉ đến nay
Quyết nhảy khỏi lưới tưởng tạo chướng ngại
Trời dù lay, lõ tâm nào khó lay.

Quyết chiến thắng bao nghịch thù cám dỗ
Vung gươm thần tiêu diệt sạch đê hèn,
Quyết vười búa đập tan thành sầu khổ
Do từ lâu quần dục vọng gây nên

Quyết phấn đấu cho đến ngày cùng tột
Có dừng đâu, ta té ngửa đảo điên
Quyết đỉnh tinh còn Thiết-Thần sản sốt
Đà bổ lên, nhào tới mức ưu-tiên.

Quyết oanh liệt, ta quyết thề oanh liệt
Kẻ yếu hèn, ta toàn trốn đi đâu;
Quyết gặp cảnh, cứ đường đầu giải quyết
"Diệu Chân thường" ta hiệp nhất không lâu.

DIỄN BỒI PHÁP SƯ

Bát Quan Trai Giới

Thập Giảng

THÍCH THIỆN HUỆ VIỆT DỊCH

VẠN ĐỨC Tịnh Xá
2504 Comstock Street
San Diego, CA 92111 USA
Tel: (619) 268-9542

Mục Lục

Duyên Khởi 3
Lời Giới Thiệu 5
Huấn Luyện Xuất Gia 9
Chú Thích Danh Nghĩa 17
Chế Lập Duyên Khởi 29
Công Ích Thù Thắng 39
Thọ Giả Phân Biệt 48
Sám Hối Tất Yếu 58
Tác Pháp Lược Thuyết 67
Chi Số Biện Biệt 77
Vấn Đề Liệu Giản 88
Lục Niệm Tu Pháp 98
Kết Luận 106
Chú Thích 107
Phụng Khuyến Tăng Tục Nam Nữ
Phổ Trì Bát Quan Trai Giới Văn 112
Nghi Thức Thọ Bát Quan Trai Giới Tại Gia . 137
Nghi Thức Xả Giới 146

Duyên Khởi

Hơn năm năm trước, nhân chuyến chiêm bái Phật tích ở ấn, trên đường về, Đại Đức Minh Giác trụ trì chùa Niệm Phật (Hòa Lan) đã ghé thăm và đảnh lễ ngài Diễn Bồi tại Bát Nhã Giảng Đường ở Tân Gia Ba, và được ngài trao tặng cuốn sách nhỏ, mang tựa đề Bát Quan Trai Giới Thập Giảng. Về đến Âu Châu, thầy Minh Giác đã tặng lại tôi cuốn sách này. Vốn sẵn ngưỡng mộ tài đức ngài Diễn Bồi, thêm phần nhận chân sự thực lợi của pháp tu Bát Trai Giới, nhất là đối với hàng Phật tử tại gia, trong thời kỳ chính tà khó phân này, nên tôi quyết định phiên dịch cuốn sách trên, hầu làm tài liệu cho các Phật tử thích tu học, có sự hiểu biết rõ ràng và đúng đắn về Pháp tu Bát Trai Giới, pháp tu căn bản do chư Phật chế định và trao truyền cho tứ chúng.

Sau khi tài liệu nầy được diễn giảng trong các khóa tu học ở Âu Châu và Canada, nhu cầu tu học Pháp Bát Trai Giới gia tăng. Duyên may, được quý Phật tử người Hoa ở Montréal tặng một số sách, trong đó có bài văn Phụng Khuyến Tăng Tục Nam Nữ Phổ Trì Bát Trai Giới của ngài Từ Hàng, một trong tứ đại thánh tăng thời cận đại của Trung Hoa. Bản văn nầy liền được dịch thuật và giảng dậy trong các khóa tu học ở Oslo (Na Uy) và Bern (Thụy Sĩ).

Nhân dịp đó, nhằm giúp cho người Phật tử có được phương hướng tu tập chính xác, và còn để phổ biến Pháp tu Bát Trai Giới rộng rãi hơn, Đại Đức Quảng Hiền trụ trì chùa Trí Thủ ở Bern, đã cùng quý Phật tử tại Thụy Sĩ phát tâm ấn tống lần đầu tập tài liệu về Bát Trai Giới này. Song số sách ấn tống không đủ cung cấp cho mọi nơi, nhất là ở Hoa Kỳ, nơi nhiều tự viện nhất, và đa số các chùa đều thường xuyên tổ chức tu Bát Trai Giới hàng tháng. Vì vậy Sư Bà Đàm Lưu trụ trì chùa Đức Viên ở San José, phối hợp cùng đạo hữu Diệu Phụng, đại diện cho nhóm Phật tử tu Bát Trai Giới chùa Hương Tích ở Santa Ana, tái bản tập sách này. **Nay một lần nữa Phật Tử Vạn Đức Tịnh Xá San Diego hiệp tâm tái bản quyển Bát Quan Trai Thập Giảng năm 1994.**

Thành tâm tán thán công đức Sư Bà Đức Viên cùng quý Phật tử **Vạn Đức Tịnh Xá**

Mong rằng cuốn sách nầy sẽ là áo giáp, giúp người tu học ngăn được ma chướng, chặn đứng mũi tên dục nhiễm, để thân tâm luôn thanh tịnh trang nghiêm, chính pháp do vậy hiển bầy, hướng đến Tịnh Độ, xa rời trần lao, lợi mình lợi người, báo được Phật ân, không uổng một kiếp gặp được Phật Pháp.

Nguyện mười phương chư Phật chứng minh, hồi hướng mọi công đức lành đến pháp giới chúng sinh đều thành Phật đạo.

Thích Thiện Huệ.

Lời Giới Thiệu

Giới là chính nhân của xuất thế gian pháp, lìa giới ra không thể có giải thoát, nên kể từ sơ phát tâm cho đến bát tướng thành đạo, đức Phật trong hằng niệm không rời Tam Tụ Tịnh Giới, tu vô lượng thiện pháp, nhờ vậy mọi động tĩnh nơi ba nghiệp không gì không là pháp thiện xảo cứu độ chúng sinh. Giới có công năng phát sinh hạnh lợi mình, lợi người như vậy, nên trước lúc nhập diệt, đức Phật cũng chỉ ân cần dặn : "*Sau khi ta diệt độ, nên tôn trọng kính quý Ba La Đề Mộc Xoa (giới), như tối tăm gặp ánh sáng, như nghèo khó được của báu. Phải biết đó là bậc thầy của các vị. Như Lai có ở đời cũng không khác như vậy*". Ngay khi tại thế, đức Phật cũng dùng giới làm cửa ngỏ vào đạo cho người tu học, cả hai hàng Tăng Tục đệ tử đều được trao cho giới pháp để tu. Vì giới là nền tảng của muôn hạnh lành, không giới ắt thành thiên ma hoặc sa ác đạo.

Người tu học Phật ngày nay, vì lơ là giới pháp, nhất là hàng đệ tử tại gia, vọng cho giới chỉ dành riêng cho Tăng, không lo thủ trì ngũ giới, tâm ý nhiễm trần, đem tâm phi giới này cầu tìm pháp môn, nên không sao có trí phân biệt pháp, chính tà chẳng rõ, ma Phật không phân, nên dễ sinh tâm thích pháp tham dục, lạc vào nẻo dữ, thực uổng công tu hành. Hoặc có kẻ phát tâm tu học, nhưng cũng bởi coi nhẹ giới, nên chung cục không thực đạt được tự lợi lợi tha, vẫn lẩn quẩn trong vòng nhân ngã thị phi. Thế nên Diễn Bồi Đại Sư cũng

từng khuyến cáo : "*Chúng ta phát tâm tu học Phật, không phải để tiêu khiển, mà để mong cầu Thánh quả, song Thánh quả không chỉ mong cầu mà được, phải cầu bằng sự thực tiễn thật hành. Sự thực hành không ngoài hai phương diện hành thiện và đoạn ác. Nếu ác pháp không đoạn, thiện pháp tất khó tu*". Phương pháp hành thiện đoạn ác tích cực nhất chính là giới pháp. Vì vậy Như Lai đã từ bi rất mực, thương xót chúng sinh đa dục khó xả, nên dùng phương tiện thiện xảo lập nên pháp tu Bát Quan Trai Giới giúp người tu học có nền tảng Thánh đạo vững chắc, gieo duyên mật thiết với Tam Bảo. Bởi Bát Trai Giới là nhân xuất gia nên duyên với Tăng Bảo, bởi Bát Trai Giới là nhân của pháp xuất thế nên duyên với Pháp Bảo, bởi Bát Trai Giới là nhân thành Phật quả nên duyên với Phật Bảo. Vì vậy tu Bát Quan Trai Giới chính là chân thật phụng sự, cúng dường và thân cận Tam Bảo.

Song le hàng đệ tử Tăng tục dù đã nhiều lần thọ trì Bát Trai Giới, nhưng nơi ý nghĩa, công ích, tác pháp và các vấn đề khác liên quan đến Bát giới vẫn còn rất hàm hồ, hiểu biết lệch lạc, nên không thể đạt được điều quan trọng và tôn quý nhất trong pháp thọ trì là đắc được giới thể và phương cách dụng công tu tập cùng trì giới.

Chính vì các lý lẽ trên, để người tu học Phật có được pháp căn bản, để Phật pháp được cửu trụ, để thế gian thêm lợi lạc, các bậc Cao Tăng Đại Đức như ngài Diễn Bồi, Từ Hàng... đã ra công giảng giải và sửa đổi lại các thói quen sai lạc xưa nay trong pháp tu Bát Quan Trai, là pháp tu căn bản một tháng phải thọ trì sáu ngày vào thời Phật. Những lời giảng dậy này được gọi là Bát

Quan Trai Thập Giảng và Phụng Khuyến Tăng Tục Nam Nữ Phổ Trì Bát Quan Trai Giới Văn, là kim chỉ nam giúp người tu học có nhận thức chính xác về Trai Giới, không còn hoài nghi hay coi nhẹ giới pháp, nhờ vậy có thể thực tu thực chứng đạt được thực lợi. Mong người đồng tu đạt được nhiều lợi ích nơi quyển cẩm nang tu tập nhỏ bé này.

Nguyện mười phương chư Phật chứng minh và hồi hướng cho pháp giới chúng sinh đồng thành Phật đạo.

Thích Thiện Huệ
Bern, ngày 29 tháng hai năm 1992.

Chương I
Huấn Luyện Xuất Gia

Đức Phật chế Cận trụ luật nghi, mục đích để cho người tại gia có được phương pháp tu học xuất gia tạm thời. Như trong **Kinh Thập Thiện giới** dậy :"*Bát trai giới là do chư Phật quá khứ, hiện tại vì hàng tại gia chế pháp xuất gia*". Do đó ta thấy rõ ràng, chẳng riêng Đức Thích Ca chỉ bầy pháp xuất gia bát trai giới này cho hàng tại gia, mà chư Phật quá khứ cũng đều chỉ dậy như vậy. Từ quá khứ, hiện tại, suy đến vị lai, tất nhiên chư Phật vị lai cũng có chế độ này. Vì vậy bát quan trai giới tuy có vẻ đơn giản, song rất ư trọng yếu, đáng cho chư Phật tử thường luôn thọ trì học tập pháp xuất gia bát quan trai này, để từ từ tiến đến việc chính thức xuất gia.

Ở đây, hẳn có người tự hỏi :"Phật Pháp đã có hai chúng xuất gia và tại gia, hàng đệ tử tại gia có thể ở nhà tu học được rồi, cần gì phải chế pháp xuất gia tạm thời này ?". Về điểm này, tôi xin minh xác cùng quý vị : Phật Pháp tuy cũng nói có thế gian pháp, nhưng vẫn lấy xuất thế làm mục đích tối hậu, không hề coi thế gian pháp là trọng. Những người đảm nhiệm thế gian, dĩ nhiên muốn họ xuất thế không phải điều dễ, hơn nữa sức họ cũng không làm nổi chuyện đó. Nhưng bất luận họ đủ sức hay không, để đạt được mục đích tối cao, chỉ cần trong đầu óc người học Phật luôn tâm niệm rằng đây là mục đích duy nhất của mình. Không những chỉ vậy mà còn phải luôn luôn ghi nhớ không quên, mong mỏi

sẽ có ngày thực hiện trọn vẹn được mục đích xuất thế. Đó là căn bản của việc học Phật. Người học Phật, nếu không có ý niệm này, thì dẫu học hay tu hành môn nào, cũng vẫn không tương ưng với tinh thần chính yếu của Phật Pháp.

Phật Pháp đã coi xuất thế là mục đích cao nhất, xuất gia lại là con đường để đi tới mục đích này, nên tuy là hàng tại gia học Phật, cũng cần tìm cách học tập đời sống xuất gia, để sau này ắt có ngày chân chính xuất gia, dõng tiến trên con đường xuất thế giải thoát. Phật Pháp dĩ nhiên chẳng kêu gọi hết cả mọi người phải xuất gia, chỉ có điều hoàn cảnh thanh tịnh và phương thức sinh hoạt của đời sống xuất gia thích hợp với những người tìm cầu xuất ly và tiến tu giải thoát, bởi họ nhận ra rằng đây là con đường thích hợp nhất để đạt được xuất thể giải thoát.

Tại sao trong Phật giáo lại coi trọng pháp xuất gia như vậy ? Bất luận các thánh quả của hàng Đại hay Tiểu thừa, dù A La Hán quả hay Vô Thượng Phật quả, cũng đều do xuất gia mới hoàn thành. Như hỏi ba đời chư Phật thành Phật cách nào ? Đức Phật trả lời trong kinh, không có vị Phật nào không từ xuất gia mà thành Phật. Nếu đã như vậy, chúng ta học Phật, mong mỏi tương lai thành Phật, nếu không phát tâm xuất gia, làm sao thành tựu mục đích thành Phật ? **Luận Bồ Tát Bổn Sinh** nói :"*Lợi ích của xuất gia cao hơn cả Tu Di, sâu hơn biển cả, rộng hơn hư không. Sở dĩ như vậy, là do xuất gia mới thành Phật, ba đời chư Phật chưa có vị nào thành Phật mà không do nhờ xả gia xuất gia cả*". Vì vậy người hành Phật Pháp, nếu muốn chứng thành Phật

quả, tất phải có ngày xả tục xuất gia. Muốn khỏi xuất gia mà thành Phật, cứ y theo Kinh điển thì điều này không thể thành tựu được.

Chẳng những ba đời chư Phật như vậy, mà ngay đến cả La Hán của Tiểu thừa cũng thế. Cứ như thuở giờ vẫn thấy, người xuất gia chứng Sơ quả, tại gia cũng chứng Tu Đà Hoàn, cho đến hàng xuất gia chứng tam quả, tại gia chúng cũng chứng quả Bất Hoàn (A Na Hàm), điều này chẳng có gì lạ từ thời Phật đến sau này, nên ba quả đầu, xuất gia tại gia đều có thể chứng quả bình đẳng như nhau. Trừ ra A La Hán, tại gia không thể chứng được, điều này không có nghĩa hàng cư sĩ học Phật không có khả năng chứng quả A La Hán, mà ngụ ý phải hiện tướng xuất gia trước khi chứng A La Hán quả. Như sắp chứng La Hán quả mà vẫn xả không nổi mái tóc xuất gia thì vẫn dừng ở tam quả. Vậy nên mới biết, xuất gia mới đạt được quả vị cao nhất của cả Đại lẫn Tiểu thừa.

Nhưng vì đời sống xuất gia không đơn giản đến độ ai cũng làm được, nên đức Phật đại từ đại bi, vì hàng tại gia học Phật, chế ra Bát quan trai giới một ngày một đêm để huấn luyện cho người học Phật từ từ quen với đời sống xuất gia. Vì vậy **Thái Hư Đại Sư** nói :"*Đây là Phật vì cư sĩ tại gia chế ra giới điều để luyện tập ngắn hạn đời sống xuất gia*". Hoặc có người cho rằng : tôi đã thọ ngũ giới, hoặc đã thọ Bồ Tát giới, cần gì phải thọ bát quan trai giới ? Phải biết thọ bát quan trai giới là thọ sự huấn luyện đời sống xuất gia, cũng như tân binh phải tập tác chiến, từ từ tập luyện không ngừng sẽ trở thành thói quen, khác hẳn thọ ngũ giới hay tại gia Bồ

Tát giới sống đời thế tục. Đây là điều chư vị phải nhận thức rõ ràng trước tiên.

Có người ngõ đời sống xuất gia rất đơn giản, cho rằng xuất gia là chuyện dễ, thậm chí bảo rằng người xuất gia được hưởng phúc nhàn. Nào hay rằng đời sống xuất gia rất mộc mạc thanh bần, ngay đến nhu yếu trong đời sống như y phục, đồ ăn, chốn ở đều khác người thường. Trong giới luật đã dậy chúng ta : hàng nam tử nữ nhân xuất gia, phải mặc áo hoại sắc, phải bỏ hết các món trang sức, phải ở phòng ốc giản lậu, y lời Phật dậy, xuất gia còn phải ôm bát đi khất thực. Các vị hiện tại thọ bát quan trai giới, bao nhiêu nữ trang vàng ngọc đều rời bỏ, y phục hoa hoè đều được thay bằng áo hoại sắc, đó là tập sống đời thanh đạm của người xuất gia. Các vị đều nhất nhất làm tròn, chứng tỏ các vị đã nhận chân được trong lúc sống đời xuất gia, là đang quan sát để cải tiến đời sống vật chất hưởng thụ của ngày hôm nay. Các vị hẳn rất khó được như vậy.

Song thực sự xuất gia không chỉ có như vậy, trong giới luật dậy phải khéo nhẫn chịu mười việc :

1) Thứ nhất, trời lạnh phải chịu đựng được hàn khí xâm hại, chẳng nề mưa tuyết gió sương.
2) Thứ hai, trời nóng phải kham nổi nắng thiêu gay gắt, chẳng quản khí trời oi ả như thiêu như đốt.
3) Thứ ba, phải chịu đựng được các thứ bức hại từ thiên nhiên, chẳng ngại một thứ nào cả.
4) Thứ tư, phải chịu được sấm sét rung trời, quyết không vì vậy mà sợ sệt rúc trốn.

5) Thứ năm, khi bụng đói cồn cào vẫn phải chịu đựng được cơn đói.
6) Thứ sáu, miệng khô cổ rát, vẫn nhẫn được cơn khát.
7) Thứ bẩy, nghiêm cách tuân thủ không ăn quá ngọ, mỗi ngày chỉ ăn một bữa đúng ngọ, hoặc hai bữa sáng và ngọ.
8) Thứ tám, nghiêm cách trì giữ các giới hạnh của Đức Phật chế ra, cho dẫu lúc bị đe dọa tính mạng, cũng không được làm trái giới luật.
9) Thứ chín, nhẫn chịu các thứ ác ngữ khi nghe lời nhục mạ, chế diễu, nói bóng nói gió, nói sàm nói quấy của người khác, phải tảng lờ như không nghe, quyết không cho đó là điều ngang ngược.
10) Thứ mười, nhẫn chịu độc trùng làm hại. Bởi lẽ Ấn Độ là xứ nhiệt đới, các vị Tỳ kheo thường ngồi dưới gốc cây, trong 12 hạnh đầu đà có pháp ngồi dưới gốc cây, muỗi mòng và độc trùng đến bức hại, Đức Phật chỉ cho phép đuổi loài độc đi, hoặc các vị Tỳ kheo phải sắp xếp nơi chốn sạch sẽ, tránh làm chỗ sinh sản cho độc trùng, tuyệt đối cấm Tỳ kheo không được giết hại độc trùng.

Như mười điều đã nói ở trên, nghe có vẻ giản đơn, song biết bao người nhẫn chịu không nổi mười điều này, nên trong luật Đức Phật nói rằng :"*Chỉ có đại trượng phu mới nhẫn nổi*". Xuất gia cho đúng pháp, thục là điều cao quý, nếu chịu không nổi các sự bức hại của hoàn cảnh, sự đả kích của tha nhân, sự gây tổn hại của độc trùng, sự đạm bạc của đời sống, thì không sao trở thành người xuất gia chân chính được. Vì vậy thật tình mà nói, xuất gia không phải là chuyện dễ.

Đức Phật vì hàng tại gia học Phật, chế Cận trụ luật nghi học tập đời xuất gia, phải nói đó là thiện xảo phương tiện, bởi lẽ Đức Phật hiểu rõ căn lành giải thoát xuất thế, không thể gieo trồng trong chốc lát, phải huân tập lâu dần mới thành tựu. Tuy vẫn có thể học Phật tại nhà, song hiềm bị quyến thuộc bao quanh, ân ái trói buộc thân tâm, điều này gây trở ngại không ít cho mặt tu trì, nên Đức Phật phương tiện chế bát quan trai giới một ngày một đêm, khiến hàng nhị chúng nam nữ học Phật, tuy ở trong gia đình, mà vẫn làm được như trong **Kinh Bát Đại Nhân Giác** :"*Ngũ dục họa hoạn, không nhiễm thế duyên*", để có thể làm nổi :"*Thường niệm ba y, bình bát pháp khí, chí nguyện xuất gia*". Như vậy mới được nhân duyên thù thắng xả tục xuất gia, giải thoát ràng buộc. Cho nên bát quan trai giới chính là một trong những pháp môn phải tu của người học Phật tại gia muốn tiến lên con đường giải thoát.

Thọ trì bát quan trai giới, đã là sự huấn luyện cho người tại gia tập sống đời xuất gia, nên tôi rất mong trong số các vị thọ giới hôm nay, do sự huấn luyện này mà chân chính phát tâm xuất gia. Phật giáo ngày nay mong mỏi có người, đặc biệt là nam nhân, phát tâm xuất gia, điều này đã trở thành vấn đề cấp bách. Bởi vì trong nước cũng như hải ngoại, Tăng chúng càng ngày càng ít, nếu không có những người mới xuất gia bù vào, chẳng những không người hoằng dương chính pháp, mà ngay đến chùa chiền cũng thiếu Tăng trụ trì. Như thế há bảo vấn đề chưa đến nỗi nghiêm trọng ư ? Sự kiện này há không khiến cho những người quan tâm đến sự tồn vong huệ mạng Phật giáo lo như lửa đốt sao ? Há không tìm cách lôi kéo thanh niên đến chùa học Phật xuất gia

sao ? Há không vì mạng mạch của Tăng già sắp đứt mà tìm cách cứu vớt sao ?

Kinh luật dậy chúng ta : bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu, khuyên người xuất gia, khen ngợi kẻ xuất gia, hoặc chính mình xuất gia, hoặc để người xuất gia, đều có đại công đức. Như **Kinh Hiền Ngu Nhân Duyên** thuyết : "*Cho người xuất gia hoặc tự xuất gia, hoặc già hoặc trẻ, phúc đức vô cùng*". Nhưng tôi cho rằng ngày nay Tăng chủng sắp đoạn tuyệt, nếu khéo khuyên người xuất gia, hoặc huấn luyện người xuất gia, thì được công đức cũng không thể nghĩ bàn.

Phật giáo sở dĩ có chế độ xuất gia, Đức Phật sở dĩ lập Tăng đoàn, mục đích để cho chính pháp mà Như Lai cần khổ chứng được, được tiếp nối lâu bền ở thế gian. Cũng bởi lẽ này nên Đức Phật đã trịnh trọng giao phó trụ trì Tam Bảo cho hàng Tăng chúng. Có Tăng chúng hành hóa, một số người mới biết có Phật có Pháp, giả sử nếu không có Tăng chúng, thử hỏi ai biết được chính pháp của Như Lai ? Biết được bậc Đại Giác ? Vì thế bất cứ ở thời đại nào, đâu là thời chính pháp, tượng pháp hay mạt pháp đi nữa, Tăng già, một trong Tam Bảo, vẫn không sao thiếu được, nếu Tăng không có, Phật Pháp ắt diệt vong. Phật Pháp lưu hành được ở thế gian hay không cũng tùy thuận nơi có Tăng già hay không. **Luật** nói :"*Tăng có thì Pháp có, Pháp có tức Phật có*". Đây là nói rõ ý đó vậy.

Vì Tăng có để Pháp có, là do nơi có người xuất gia, như nếu không người xuất gia, thử hỏi Tăng ở đâu mà có ? Thế nên xét đến tột gốc, việc thứ nhất vẫn là khuyên

người xuất gia. Như tự mình không khuyên người xuất gia, người khác tự đến xuất gia, lý ra khuyến khích và tán thán, giả như không làm như vậy, mà ngược lại chế diễu khinh miệt, cản trở người xuất gia, khác gì diệt mất hạt giống Tăng già, cũng đồng với diệt hạt giống Phật, lỗi này rất lớn vậy. **Kinh Xuất Gia Công Đức** nói : "*Nếu có người phá hoại nhân duyên xuất gia của người khác, tức là cướp đoạt kho báu vô tận phúc thiện, hủy hoại nhân của 37 phẩm trợ đạo ở nơi 4 đường (địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, nhân), sinh ra thường đui, người này không có ngày giải thoát*". Như vậy vào thời buổi Tăng chủng sắp diệt này, chúng ta sao đành nhẫn tâm phản đối người ta xuất gia.

Xuất gia trong đạo Phật là việc cao thượng, không như một số người tưởng tượng, không còn cách gì nữa mới xuất gia. Nhưng người Trung Quốc đối với xuất gia, thuở giờ thường hay quan niệm cho rằng xuất gia rồi không được hoàn tục, làm cho nhiều người muốn xuất gia mà không dám, vì sợ xuất gia mà trở về thì rất khó coi. Kỳ thật, Phật Pháp không có quy định cứng ngắc, xuất gia không được hoàn tục, mà vẫn cho phép trở về. Vào thời không người phát tâm xuất gia này, điều này càng cần phải nhấn mạnh, như vậy bất kể ai, chỉ cần phát tâm xuất gia, không cần quy định kỳ hạn xuất gia, xuất gia hai ba tuần cũng được, hai ba tháng cũng được, đôi ba năm cũng tốt, được trường kỳ càng tốt. Đến lúc nào đó, muốn trở lại đời sống thế tục, cứ việc tự do rời đạo về thế.

Có điều hoàn tục cần có điều kiện, không được lén lút mà phải công khai trở về, phải trình bầy rõ với một vị

cao Tăng. Như vậy tuy hoàn tục, vẫn là đệ tử Tam Bảo, vẫn thường lui tới chùa chiền. Ngày trước những người xuất gia muốn hoàn tục phải lén lút trốn về. Tại vậy nên một khi hoàn tục, là bỏ hết mọi quan hệ với Phật Pháp, trong Phật Pháp không còn thấy bóng dáng người đó nữa, chẳng những mất đi một vị Tăng, còn mất thêm một vị tín đồ, thật là mất mát cho Phật giáo. **Thái Hư Đại Sư** hiểu rõ việc này, nên hô hào mọi người nên "*tôn trọng Tăng nhân hoàn tục*". Do đó, chư vị như không thể trọn đời xuất gia, cũng không nên ngại xuất gia ngắn hạn thử. Được tinh thần này, xuất gia cứ xuất gia, hoàn tục cứ hoàn tục, mà trôi chẩy chẳng dừng, khiến Tăng chủng không dứt, chùa chiền trụ trì cũng không thành vấn đề.

Chương II
Chú Thích Danh Nghĩa

Bát quan trai giới, căn cứ theo Kinh luật, bất kể hàng tại gia đã quy y Tam Bảo hay chưa, bất kể là người học pháp Tiểu hay Đại thừa, đều có thể thọ bát quan trai giới. Đây là điểm đầu tiên chúng ta nên biết.

Bát quan trai giới, thông thường cho rằng thọ vào các ngày lục trai nhật, nhưng căn cứ theo luật điển thì không cứ phải vào ngày lục trai (sáu ngày ăn chay). Ngay cả những ngày vía chư Phật, Bồ Tát, những ngày vía sinh hay kỵ của cha mẹ hay của sư trưởng, hoặc ngày sinh của mình, thường tụng niệm làm công đức, cũng có thể thọ bát quan trai giới. Đây là điểm thứ hai chúng ta nên biết.

Bát quan trai giới, thông thường cho rằng thích hợp nhất là phải đến chùa chiền, chốn đạo tràng thanh tịnh xa lánh trần tục, thỉnh một vị Tăng truyền thọ, nhưng cũng có thể tự mình thọ giới tại gia, bằng cách mời một vị Tăng đến nhà truyền giới.

Bát quan trai giới tuy là danh từ rất quen thuộc với chúng ta, nhưng trong **Kinh Phật Thuyết Trai,** Đức Phật vì phu nhân Duy Đa phân biệt có ba loại :
- Mục Ngưu trai,

- Ni Kiền trai,
- và Phật Pháp trai.

Nhưng không có nghĩa là có tất cả ba loại bát quan trai giới khác nhau, mà do cách dụng tâm của người thọ giới mà phân biệt xếp loại, hợp với tinh thần thọ trai của Phật Pháp, mới là bát quan trai giới của Phật giáo. Đây là điểm thứ tư nên biết.

Nguyên nhân Phật nói kinh **Phật Thuyết Trai**, *do có một lần Đức Phật trụ ở nhà Thừa Tướng tại Xá Vệ thành, sáng sớm hôm đó mẹ Thừa Tướng là bà Duy Da phu nhân dậy sớm tắm rửa sạch sẽ, dẫn con cháu đồng đến chỗ Phật lễ lậy. Đức Phật hỏi :"Sáng sớm đến có việc gì không ?" Duy Da phu nhân thưa :"Chúng con chỉ muốn thọ trai giới". Đức Phật dậy :"Các vị phát tâm muốn thọ trai giới, điều này rất tốt và rất khó được, nhưng có ba thứ là Mục Ngưu trai, Ni kiền trai và Phật Pháp trai. Vậy quý vị muốn thọ thứ nào ?". Phu nhân Duy Da không hiểu ba loại này khác nhau chỗ nào, xin Phật chỉ dậy. Đức Phật vì vậy giải thích chỗ sai biệt của ba loại.*

Thứ nhất, Mục Ngưu trai, các vị vừa nghe tên này đã lấy làm ngỡ ngộ. Thật ra đây là thí dụ : như người chăn bò, mỗi ngày ra đồng chăn bò, đến chạng vạng trở về, trong lòng luôn nghĩ, chỗ nào có cỏ nước nhiều, ngày mai đến chỗ ấy chăn cho bò được no nê, có vậy mới bớt thấy cực nhọc và không thấy chăn bò là khổ. Người chăn bò thường như vậy. Cũng thế, một số người phát tâm thọ trai theo Phật một ngày đêm, nhưng sau khi thọ giới, không chịu cố gắng thành tâm thọ trì các giới,

trong lúc thọ trai lòng luôn sinh vọng tưởng : tôi hôm nay thọ trai giới, cái gì cũng bị hạn chế không được hưởng thụ, ngày mai phải hưởng bù chút dục lạc để vớt vát lại ngày hôm nay phải chịu nhịn. Thọ giới, không lưu tâm đến các giới thọ, mà chỉ đặt tâm vào sự hưởng lạc ngày mai, như vậy không phải là chân chính thọ giới. Tỉ dụ như các vị hôm nay thọ giới, nghiêm trì giới quá ngọ không ăn, giả như có người nghĩ chiều nay không ăn cũng được, ngày mai về nhà ăn bù lại một bữa cho đã. Như thế, dưới con mắt đại trí của chư Phật, đó là thọ Mục Ngưu trai, không phải đệ tử Phật thọ giới chân chính.

Thứ hai, Ni Kiền trai : Ni Kiền tử là một thứ ngoại đạo ở Ấn, thường gọi là Ly Hệ ngoại đạo (lìa trói buộc). Họ có phương pháp tu của họ, hơn nữa mục đích dụng công tu của họ cũng để ra khỏi sự trói buộc của sinh tử ở tam giới. Nhưng, dẫu rất tinh tiến dụng công tu hành, vẫn không kiếm được con đường chân chính, kết cục chẳng sao tìm được sự giải thoát các thứ trói buộc. Do họ chuyên tu khổ hạnh, như trời nắng như thiêu, phơi mình dưới sức nóng bỏng của mặt trời, trời lạnh thì nằm ngoài sương giá chịu rét, hoặc bôi tro trét bùn trên người. Nhiều người thấy vậy cho là hy hữu khó được. Dưới mắt Đức Phật thì chỉ là sự khổ hạnh vô ích, chả có chút lợi ích gì nơi sự giải thoát sinh tử, cũng không chút công hiệu với việc thế ngộ chân lý. Họ thọ trai giới vào các ngày rằm mỗi tháng, khi thọ trai giới, nằm xoài ra đất, nói với chư Thần trong vòng mười do tuần :"*Tôi hôm nay thọ giới, không còn dám làm các việc không như pháp, không hợp lý nữa. Tôi nay rời gia đình, đồng với không có nhà, vợ con nô bộc trong nhà, nay không*

còn là của tôi, tôi cũng không phải là chủ họ". Như vậy không khác bát quan trai giới cho lắm, chỉ không kê khai từng điều giới tướng mà thôi. Họ tuy miệng nói như thế, nhưng không thiết thật thực hành, chỉ phô bầy bên ngoài làm hài lòng tai mắt thiên hạ, thật thì khi người dối mình, kết quả vẫn đắm chìm trong biển sinh tử. Người phát tâm thọ giới, nếu trong ngày thọ giới không buông bỏ được hết, hay lợi dụng ngày này thật tiến tu tập như pháp, thì khác gì Ni Kiền tử thọ giới, qua hôm nay rồi, ngày mai mọi việc lại vì Ta (ngã), đâu phải là trai giới nên thọ của người học Phật.

Thứ ba, Phật Pháp trai : chính là bát quan trai giới chúng ta đang đề cập đến hôm nay, trong luật điển có nhiều tên gọi khác nhau. Đơn giản nhất là Bát giới, có nơi gọi là Bát chi giới, thông dụng nhất là Bát quan trai giới. Nay lược giảng danh nghĩa này như sau :

Bát trong bát quan trai giới là số mục. Tại sao lại là tám (bát) ? Vì khi thọ giới này, để phòng và ngăn chận tám việc, nên gọi là tám nhánh (bát chi) hay tám phần (bát phần), tức tám pháp ngăn che này, có khi gọi là giới, khi gọi là trai, hoặc gọi là quan, vì sao ? Trong Phật Pháp, giới có nghĩa là ngừa quấy ngăn ác (phòng phi chỉ ác). Như hai nghiệp thân khẩu, thân có ba là sát sinh, trộm cướp, dâm dục, khẩu có bốn là hai lưỡi, ác khẩu, nói điêu, thêu dệt, tổng cộng bảy chi, đều là việc quấy. Các việc quấy ác này, sau khi thọ bát quan trai giới, nơi thân tâm sẽ phát sinh sức mạnh hoặc tác dụng có thể ngăn chận được tám việc xấu, như tội sát sinh, nếu không thọ trai giới, ắt sẽ sát sinh thẳng tay không chút suy nghĩ, nhưng khi thọ giới rồi, khi sắp sát, giới

nơi tâm sẽ phát sinh một sức mạnh, bảo mình rằng : không nên giết, không được giết. Nhờ vậy mà chận đứng được việc làm sát sinh hại mạng kia, phải biết đó chính là sức mạnh và tác dụng của giới.

Quan, giải theo chữ có nghĩa là đóng, hàm nghĩa người thọ bát giới này, không còn làm bất cứ việc ác hại nào, nên cánh cửa của tam ác đạo bị đóng chặt lại, không còn có thể vào trong ba đường dữ nữa. Té ra ba đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh đều có cửa để vào. Bình thường cánh cửa tam ác đạo luôn khép kín, bất cứ ai muốn tiến vào, đều phải mở lấy, nhớ rằng không ai mở giùm mình ngoài chính mình tự mở. Đằng sau cánh cửa rõ ràng toàn điều khốn khổ, sao lại tìm đến ? Cũng chỉ vì không tự chủ được mình, tạo bao điều ác nghiệp, cánh cửa tam ác đạo kia tự mở, rồi mình bước vào hồi nào không hay, chịu bao điều quả báo khó kham. Hiện nay thọ bát quan trai giới rồi, không tạo các tội ác nữa, đừng nói cửa tam ác đạo chưa mở, chúng ta quyết không đến mở, mà ngay đến cửa này có mở rồi, ta cũng đóng nó lại, để có muốn vào, vào cũng không được. Như vậy chúng ta thấy rõ ràng : cửa tam ác đạo mở là do tự ta mở, bằng cách gây biết bao tội lỗi. Và cũng do chính chúng ta đóng, bằng cách tu các thiện pháp, tạo bao việc lành. Cho nên tục ngữ có câu : "*Họa phúc không cửa, do ta tự mời*" (họa phúc vô môn, duy nhân tự chiêu). Hay còn nói "*thiên đường có lối không ai đến, địa ngục không cửa vẫn tự vào*" (thiên đường hữu lộ nhữ bất tẩu, địa ngục vô môn nhữ tự khai). Nên đã là đệ tử Phật, chẳng những không nên đi mở cửa tam ác đạo, mà còn phải đi đóng cửa này lại, có vậy mới hợp với ý thú học Phật.

Trai, thường giải thích như sau : Vì tư tưởng con người từ sáng đến tối tạp loạn không dừng, khi nghĩ đến này, lúc tưởng đến kia, không bao giờ ngừng nghỉ. Hiện tại vận dụng một phương pháp khiến các tư tưởng tạp loạn được chuyên chú vào một cảnh, không còn lăng xăng rối loạn. Trai, còn có nghĩa thanh tịnh, như thế tục thường có Trai thái quán (tiệm chay), vừa bước vào đã cảm thấy thực thanh khiết. Phải biết hoàn cảnh thanh khiết rất quan trọng, như đến nơi nào sạch sẽ, vẫn thấy thư thái, nếu chỗ dơ dáy, ắt sinh tâm nhờm gớm. Nội tâm con người thường nhận thức và cảm giác như vậy trước cảnh bên ngoài. Sở dĩ gọi Trai là thanh tịnh bởi vì trai giới có thể giúp cho tâm được thu nhiếp tịch tĩnh, đoạn được hết mọi tội lỗi, phát sinh được sức phòng hộ căn môn. Căn môn là cửa của sáu căn. Thế gian đầy dẫy tội ác, đều do sáu cửa này tạo ra. Như mắt thấy sắc, thích thì khởi lòng tham, ghét thì khởi lòng sân, rồi đưa đến hành động hoặc chiếm hoặc bỏ, gây ra bao tội ác. Nếu muốn không tạo ác, phải tìm cách thủ hộ đề phòng căn môn, đừng để cho nó chạy theo cảnh giới bên ngoài. Có vậy mới dứt trừ hết được các tư tưởng tạp loạn, xa rời các thứ gây đến lỗi lầm, không còn bị tà dục ở thế gian ô nhiễm. Chính vì Trai có nghĩa thanh tịnh, nên hàng kẻ sĩ và thục nữ, thích gọi tịnh thất hay thư phòng mình là trai, biểu thị siêu nhiên thoát tục, không bị nhiễm thế.

Như trên đã giảng, chư vị đã hiểu danh từ trai giới, gốc từ Trung Quốc. Các điển lễ trong sách xưa ghi :"*Trai giới để thưa với quỷ thần*" (trai giới dĩ cáo quỷ thần), cho nên người xưa trước khi cúng quỷ thần phải trai giới tắm rửa cho sạch sẽ. Lúc tu trai tất phải có giới, cho

nên gọi chung là trai giới. Đặc tính của trai là tẩy sạch nội tâm, không để cho các ý niệm bất tịnh tồn tại. Năng lực của giới ở chỗ phòng hoạn, không để cho các hành vi bất chính được hoạt động.

Trai theo Ấn có nghĩa Bố Tát hoặc Bao Sà Đà, bao gồm hai ý nghĩa tịnh trụ và trưởng dưỡng. Cư sĩ tại gia vào các ngày lục trai, thọ bát quan trai giới, để trừ khử dần các ác pháp, đồng thời tu tập thêm các pháp lành, thiện pháp mỗi ngày mỗi tăng, ác pháp mỗi ngày mỗi giảm, nhờ vậy thân tâm mới trụ nơi thanh tịnh, không bị trụ trọn ngày nơi phiền não và tội nghiệp, vì vậy gọi là tịnh trụ. Thứ nữa, hàng tại gia học Phật, nhờ thọ bát vào các ngày lục trai, thiện pháp mỗi ngày một tăng trưởng, bởi lẽ bất kỳ ai nếu muốn công đức được trưởng dưỡng, bắt buộc phải tu tập không ngưng, nếu nay tu mai nghỉ, ắt không sao trưởng dưỡng. Trong **Trí Độ Luận**, ngài **Long Thọ** dậy :"*Hành thọ bát giới, đó là Bố Tát, Tần gọi Thiện túc*", ý nói Bố Tát còn dịch là Thiện túc, nghĩa là thọ trì bát giới, khéo an trụ nơi pháp thanh tịnh, không còn bị dục nhiễm trần lao quấy phá, nên gọi là thiện túc (khéo trú).

Liên quan đến vấn đề nầy, trong **Trí Độ Luận** ghi :"*Thọ hành tám giới, tùy học các Phật Pháp, gọi là Bố Tát, nguyện giữ phúc đức Bố tát này, đời đời không đọa ba ác*(1) *tám nạn* (2) , ý nói người học Phật tại gia, phát tâm thọ trì phụng hành tám giới, tự nhiên có thể tùy thuận học hết mọi Phật Pháp, tu học và phụng hành Phật Pháp như vậy gọi là Bố Tát. Phúc đức Bố Tát này, nguyện hồi hướng đời đời kiếp kiếp không đọa ba ác tám nạn. Ba ác tám nạn, nói theo Phật Pháp là không

mỹ mãn, không lý tưởng. Khổ như ba ác không lý tưởng đã đành, mà đến như những nơi sung sướng tợ thiên đường hay Bắc Câu Lô Châu, dù kiếp sống rất thỏa thích, nhưng vì không có cơ hội tu học Phật Pháp, nên không những không được cho là chỗ tốt lành, mà ngược lại còn bị coi là nơi hoạn nạn nữa. Phải biết điều quan trọng nhất của học Phật là có cơ hội tu học, nếu sinh vào lúc không có Phật Pháp thử hỏi làm sao y pháp tu hành được ? Cho nên sau khi thọ hành tám giới, nên phát nguyện do công đức này không còn đọa vào ba đường tám nạn. Do đó chứng minh tám giới của Phật Pháp, bất luận ở Luật hay Luận đều gọi là Bố tát, còn có thể thêm chữ Hộ gọi là Bố tát hộ. Hộ có nghĩa là thủ hộ, chỉ sự gìn giữ tự tâm, ý nói người phát tâm thọ trì tám giới, phải thời thời khắc khắc thủ hộ tự tâm, vì tâm là đầu mối của tội họa, tội ác nào cũng do từ tâm ra, nếu khéo hành đúng tinh thần tám giới, luôn luôn phòng giữ tự tâm, ắt không phát triển ác nghiệp nữa, nên gọi là Bố tát hộ. Thọ trì bát quan trai giới, dĩ nhiên không chỉ chuyên phòng hộ nội tâm, mà phòng hộ cả thân khẩu nữa, chính vậy **Cổ Đức** thường bảo : "*Nơi tâm gọi hộ, nơi thân khẩu gọi giới*".

Còn có Trai của bát quan trai giới, có người bảo quá ngọ không ăn gọi là trì trai, do nghĩa này làm tự thể của trai, thậm chí các giới trước như bất sát... chẳng qua chỉ trợ thành trai thể mà thôi. Lại có người bảo ăn chay trường là trường trai, ăn sáu ngày là hoa trai. Đâu biết trai của trường trai, hoa trai vốn không ăn nhập gì với trai của bát quan trai, lại cũng chẳng quan hệ gì với giới ăn ngọ. Vì không ăn quá ngọ, chỉ là duyên phòng phạm, cùng trai thể vô can.

Trong kinh đức Phật dậy : căn cứ vào truyền thuyết của các tôn giáo Ấn, thế giới này khi mới thành lập, gọi là kiếp sơ, có rất nhiều ác thần, ác quỷ có nhiều thế lực, thường ở thế gian hút lấy tinh khí của con người vào các ngày lục trai. Sự tồn vong của sinh mạng dựa vào sự duy trì của tinh khí, mà hễ tinh khi bị rút mất ắt sự sinh tồn phải bị đe dọa, vì vậy, ai nấy cũng vì sự sinh tồn mà sinh tâm đề phòng. Bấy giờ có một vị đại trí huệ, muốn trừ sạch các mối nguy này, nên bảo mọi người rằng : Đừng sợ sệt, đã có biện pháp, chỉ cần mọi người cứ vào sáu ngày trai, không ăn nguyên ngày, cho tâm tịch tĩnh, thân được tiết chế, nhờ vậy ác thần ác quỷ không sao hút được tinh khí, tinh khí được bảo toàn, mạng sống khỏi phải lo mất.

Như thế, thuở giờ bên Ấn đã có lục trai nhật, hơn nữa, vào lục trai nhật còn không ăn bất cứ gì. Sau này khi Phật xuất thế, Ngài thấy phương pháp lục trai nhật có thể duy trì song cần phải sửa đổi để thích hợp với Phật Pháp, nên thay vì không ăn, đổi thành quá ngọ không ăn, gọi là không ăn phi thời. Phi thời, ý chỉ sau 12 giờ, quá giờ đó rồi thì không ăn nữa, đó là một trong bát giới.

Không ăn phi thời đã là một trong tám giới, đương nhiên không phải là trai thể, ai bảo đó là trai thể tức ngộ nhận đó vậy. Nhưng có thể có người bảo : ăn cơm đâu phải là tội ác, không phải giờ mà ăn thì có sao đâu ? Phải biết rằng ăn uống là duyên tăng thượng trầm luân sinh tử của chúng sinh, do đó không nên xem thường. Tại sao ăn uống lại là tăng thượng duyên cho sự trầm luân sinh tử của chúng sinh ? Chúng ta thường hay nói :

"*Ăn no ấm cật sinh tà vạy*". Đời sống người nào quá đầy đủ, ăn ngon hưởng đủ hay sinh chuyện nghĩ bậy. Để giúp ta thanh tịnh ít dục, Đức Phật chế quá ngọ không ăn, để tiết chế sự tham ăn không cho tăng trưởng, ngăn chận ác pháp không để lan rộng, cho nên **Đạo Tuyên Luật sư** bảo là :"*Duyên phòng đó vậy*" rất đúng. Nếu bảo giới không ăn phi thời là trai thể, các giới khác là trợ thành trai thể, thì không hạp với nghĩa trên. Chúng ta phải hiểu cho rõ điểm này, nếu không thọ trì bát quan trai giới, chỉ mải lo đặt nặng vấn đề không ăn phi thời mà sao lãng các giới kia, như vậy không hợp với tinh thần của bát giới.

Bát quan trai giới, còn gọi là Cận trụ luật nghi, hay Trưởng dưỡng luật nghi. Ý nói, người phát tâm thọ bát quan trai giới, thiện căn ban đầu vốn rất nhỏ nhưng lâu ngày sẽ tăng trưởng nhờ thọ tám giới. Hoặc có thể nói như vầy, người học Phật tại gia, khéo phát tâm thọ trì tám giới, huân tập công đức này không ngừng, lâu dần căn lành xuất gia càng tăng trưởng. Bởi vì thọ bát quan trai giới chủ yếu để tập đời xuất gia, tuy chỉ trong một ngày đêm, nếu một tháng thọ một lần hay nhiều lần, ắt sẽ huân tập và trưởng dưỡng căn lành xuất gia, cho dù vốn không có ý niệm xuất gia, do vì thường thọ bát quan trai giới, chịu sống đời xuất gia, lâu ngày sẽ cảm nhận được đời xuất gia rất hợp với mình, do vậy ắt tự nhiên nghĩ rằng tại gia chẳng bằng xuất gia, đó chính là trưởng dưỡng căn lành xuất gia. Bởi vì khéo trưởng dưỡng như vậy, nên Đức Phật còn gọi bát quan trai giới là Trưởng dưỡng luật nghi.

Còn tại sao gọi là Cận trụ luật nghi ? Nói giản lược là do vì thân cận Tam Bảo, an trụ ở đạo tràng của Tam Bảo, chịu sự huân tập của tư tưởng Tam Bảo, như chư vị hiện tại đang trụ ở đạo tràng này vậy. Nói rõ hơn có ba nghĩa :

Thứ nhất, Cận thời nhi trụ (ở thời gian ngắn). Ý nói chỉ thọ giới trong một ngày đêm, xét về mặt thời gian, chỉ trụ trong giới một thời gian quá ngắn tạm, trong vòng 24 giờ, vì vậy gọi là Cận trụ luật nghi.

Thứ hai, Cận tận thọ giới trụ. Chúng xuất gia, bất luận là Tỳ kheo hay Sa di, không thọ giới thì thôi, như phát tâm thọ giới, tất phải cả đời trì giới. Như hôm nay thọ giới Tỳ kheo rồi, thì phải giữ cho đến khi thọ mạng hết, giới thể mới lìa thân. Trước lúc chết, chỉ cần đừng phá giới căn bổn, giới thể luôn luôn tại thân tâm, có tác dụng phòng quấy ngăn ác, cho nên hàng tứ chúng xuất gia phải giữ giới đến chết. Bát quan trai giới, tuy chỉ tạm thời một ngày đêm, nhưng đó là quy tắc xuất gia tạm thời cho hàng nhị chúng tại gia, tuy chưa xuất gia, song vẫn tạo được thắng nhân cho giới xuất gia tận hình thọ. Bởi vì từng lần từng lần thọ trì huân tập không dừng tăng trưởng căn lành xuất gia, dần dà nhận thấy thọ từng lần chẳng bằng một lần xuất gia thọ đại giới đến trọn mạng sống. Như vậy đủ thấy bát quan trai giới một ngày đêm tọ hồ rất ngắn, nhưng rất gần với giới xuất gia một đời, nên còn có thể gọi là phương tiện ban đầu cho giới xuất gia trọn đời, vì vậy gọi là Cận trụ luật nghi.

Thứ ba, cận A La Hán trụ. Ý nói thọ bát quan trai giới, học tập đời xuất gia, đó là hành môn của A La Hán, nên thọ giới chính là tu học A La Hán. Như thường tu học A La Hán pháp, người thọ hành bát quan trai giới này, chẳng bao lâu, trong tương lai, ắt chứng được A La Hán quả. Tuy hôm nay còn là một kẻ phàm phu, song nhờ thân cận chốA La Hán, cùng A La Hán gần gũi, nên gọi là Cận trụ luật nghi.

Danh nghĩa của bát quan trai giới, tóm tắt giải nghĩa như vậy, chúng ta có thể thấy rõ ràng, tu bát quan trai giới trong vẹn vẹn có một ngày đêm, thanh tịnh thân tâm, phòng hộ giữ mình, tuy chưa xuất ly tam giới ngay được, nhưng nhờ nương công đức trai giới này, gieo trồng hạt nhân xuất thế thù thắng, tương lai chắc chắn được giải thoát. Học Phật mục đích quan trọng và lớn nhất chính là sự giải thoát dứt sinh tử, như nếu chưa đạt được giai đoạn này, thì rồi sẽ lại bị chìm đắm trong biển sinh tử mãi không ngày ra. Chư Phật vì muốn hóa độ chúng sinh, nên đặc biệt chỉ bầy pháp môn hy hữu, phương tiện tối thắng này, mong chư vị thọ giới không nên xem thường đó vậy.

Chương III
Chế Lập Duyên Khởi

Tất cả giới luật trong Phật Giáo đều do Đức Phật chế, có hai loại khác nhau, một loại phải đợi nhân duyên mới chế, một loại không cần. Loại có nhân duyên rồi chế là Thanh Văn Luật Nghi giới, loại không cần nhân duyên là Bồ Tát Tam Tụ giới. Gọi là đợi nhân duyên mới chế, là vì phải có một nhân duyên nào xẩy ra, Đức Phật mới nhân đó chế giới. Cho nên Sa Di có nhân duyên chế lập Sa di giới, Tỳ kheo có nhân duyên chế lập Tỳ kheo giới. Hiện nay quý vị thọ bát quan trai giới là một loại luật nghi giới, tất nhiên phải có duyên khởi chế lập của nó. Đại thừa Bồ Tát giới không vậy, do Như Lai nhất thời chế lập, trong một lần Ngài chỉ bầy cặn kẽ giới Đại thừa Bồ Tát mà chẳng phải đợi đến một nhân duyên nào xẩy ra mới chế giới, cho nên giới Đại Tiểu thừa không chỉ khác nhau ở nội dung, mà còn khác ở phương thức chế lập.

Đức Phật vì chúng ta chế bát quan trai giới do nhân duyên nào, đó là điều hôm nay tôi muốn trình bày đến chư vị. Chư vị phát tâm thọ bát quan trai giới, điều này thực tốt, song nếu không biết duyên khởi chế lập bát quan trai giới, thì thực không mỹ mãn.

Cầu thọ bát quan trai giới, thực mà nói, vốn không cần hạn định thời gian, như thọ hằng ngày cũng được, một tháng thọ hai mươi ngày, mười lăm ngày gì cũng được,

thọ càng nhiều ngày càng được lợi ích, song vì một số người, đầu óc rối ren chuyện gia đình, vì để duy trì đời sống gia đình, đôi khi phải tìm cầu niềm vui thế tục, không thể xả bỏ hết được, cũng không có nhiều thì giờ để thường đến thọ bát quan trai giới. Đức Phật vì muốn thích ứng với thời gian của mọi người nên chế định thọ bát trong lục nhật trai. Như **Kinh Ưu Bà Di Đọa Xá Ca** thuyết minh cho điều này "*Người ta có nhiều nỗi lo chuyện nhà, cho nên ta dùng cách cho thọ bát giới trong lục nhật trai. Nếu có người hiền thiện nào muốn được quả A La Hán, muốn mau thành Phật, hoặc muốn sinh thiên, phải tự đoan nghiêm tâm, nhất ý bất loạn, một tháng mười lăm ngày trai cũng tốt, hai mươi ngày trai cũng tốt. Người lo nhiều chuyện gia đình chỉ cần một tháng sáu ngày*". Đức Phật chế định thọ bát quan trai giới vào lục trai nhật, hoàn toàn vì hàng tại gia học Phật.

Theo tình hình hiện nay xét, phải nói rằng sự chế định này của Đức Phật, quả là sự chọn lựa từ nơi trí huệ của Ngài, bởi lẽ đến cái thời đại phát triển máy móc này, đừng nói một tháng thọ bát sáu ngày khó làm, mà đến một tháng một ngày cũng không phải dễ. Ngày xưa vào thời đại nông nghiệp, công việc đã không bận bịu như ngày nay, mà đời sống cũng không chật vật như hiện giờ. Cứ xem tình trạng hiện nay, ai nấy cũng bận cả ngày, bận đến bù đầu bù cổ, đến chuyện nhà còn lo không xuể, vì vậy từ vợ đến chồng cả ngày lo chuyện gia đình, giờ lại bảo ông hay bà bỏ chuyện nhà đi thọ bát thì quả là chuyện nan đắc. Bởi thế quý vị trong trăm thứ lo, bỏ chút giờ nghỉ thọ bát quan trai giới, thực rất đáng tán thán.

Bậc đại thánh Thích Ca Mâu Ni, xuất hiện cách đây hơn 2 500 năm quan sát tình thế lúc ấy, biết thế nhân không dễ thọ giới, nên mới chế trong lục nhật trai thọ bát quan trai giới, phải nói Đức Phật đã sớm biết, thời kỳ mạt pháp càng khó thực hiện. Sự thực quả vậy, đừng nói một tháng sáu ngày, một tháng một ngày cũng không mấy ai phát tâm.

Lục trai nhật Đức Phật chế định là sáu ngày nào ? Theo nông lịch của chúng ta thì vào các ngày 8, 14, 15, 23, 29 và 30 mỗi tháng. Nhưng vì nông lịch có tháng đủ tháng thiếu, tháng thiếu không có ngày 30, phải lấy 28 và 29 thế 29 và 30, như vậy vẫn đủ một tháng sáu ngày.

Hàng cư sĩ tại gia thọ bát quan trai giới danh xưng khác với hàng cư sĩ không thọ bát giới. Dù thọ tam quy ngũ giới nhưng không thọ bát quan trai giới, thì chỉ gọi là Ưu Bà Tắc hoặc Ưu Bà Di, còn nếu có thọ bát quan trai giới thì được gọi là tịnh hạnh Ưu Bà Tắc hoặc tịnh hạnh Ưu Bà Di. Tịnh hạnh ở đây có tính cách rất trọng yếu. Như thọ ngũ giới vốn không chủ trương tuyệt hẳn dâm dục, sự quan hệ chính thường giữa vợ chồng vẫn được chấp nhận, cho nên gọi là "tận hình thọ bất tà dâm" (đến chết không tà dâm). Nhưng trong một ngày đêm thọ bát quan trai giới, chẳng những không được tà dâm, mà ngay đến sự quan hệ chính thường giữa vợ chồng cũng bị cấm chỉ, cho nên khi tuyên giới thường nói :"*nhất nhật nhất dạ bất dâm dục*" (một ngày một đêm không dâm dục), là để hiển thị tinh thần hoàn toàn thoát ly quan hệ nam nữ, có vậy mới thành chân chính thanh tịnh hạnh. Cho nên tịnh hạnh Ưu Bà Tắc, tịnh hạnh Ưu Bà Đi chẳng phải hành tam quy y thọ ngũ

giới mà được gọi. Phải thọ bát quan trai giới vào lục nhật trai mới có danh xưng là tịnh hạnh.

Phật Pháp nói chữ Trai trong lục trai nhật, chủ yếu chỉ thọ bát quan trai giới, điều này đã giảng trong phần danh nghĩa. Nhưng thuở giờ nhiều người ngộ hội cho rằng ăn chay là Trai, cho nên dân gian vẫn thường hay nói "*phát tâm tín Phật, ăn chay trường kỳ gọi là trường trai, còn nếu chỉ phát tâm ăn chay vào sáu ngày gọi là hoa trai*". Đúng vậy, chỉ chuyên ăn chay không còn ăn thịt, là điều Phật Pháp đề xướng cực lực, hy vọng trong lúc trường trai, bồi dưỡng tâm đồng tình, tăng trưởng tâm từ bi. Nhưng nói chính xác, Trai của Phật Pháp không phải chỉ ăn chay, còn phải thọ trì giới không ăn quá ngọ và các giới của bát giới, mới được là chân chính trì trai. Điểm này chúng ta cần phải phân biệt cho rõ, không nên nhập bừa làm một.

Nhân duyên chính Đức Phật chế định thọ bát quan trai giới trong lục nhật trai, là để cho hàng tại gia nhị chúng gieo trồng căn lành giải thoát. thú hướng xuất ly, nên vào những ngày lục trai, nên đến trước chư Tăng thỉnh truyền tám giới này, nương nhờ thời gian ngắn ngủi này xa rời mọi sự phiền lụy ở thế gian, chuyên tâm nhất chí tu học Phật Pháp, để tuy thân còn ở nhà, mà không hề bị bụi trần làm mê, vững bước trên con đường giải thoát. Đức Phật đại từ, đối với sự hóa độ hàng đệ tử này, một mặt quán sát tìm thời gian cho họ tu học, một mặt không quên dẫn dắt họ hướng đến giải thoát. Đây là thiện xảo phương tiện của Ngài. Đức Phật luôn vì chúng ta nghĩ bầy, chúng ta nên tuân theo sự chỉ dậy

của Ngài thực hành từng bước chắc, để khỏi cô phụ ân đức hóa độ của Ngài.

Tại sao thọ bát quan trai giới vào các ngày lục trai ? Căn cứ theo Kinh Luật, có hai lý do khác nhau, phân biệt như sau :

Thứ nhất, theo ngài **Long Thọ** trong **Trí Độ Luận** : sở dĩ Đức Phật chọn lục trai nhật tu bát quan trai giới, vì theo truyền thuyết của các tôn giáo cổ bên Ấn, trong sáu ngày này, ở thế gian thường có loài quỷ dữ theo sau con người, rình đoạt lấy sinh mạng, nếu không đoạt mạng, thì cũng gây cho họ những thứ bệnh lạ, hoặc gây cho họ đủ chuyện nghịch ý. Vì vậy vào thời kỳ dân trí chưa mở mang, người ta cho rằng sáu ngày này là những ngày cực xấu, và ai cũng sợ hãi khi tới những ngày này, do vậy theo truyền thuyết có một vị thánh nhân đại trí huệ, vì muốn trừ diệt sự khủng bố và tai họa này, nên dậy mọi người phải làm phúc tu thiện vào sáu ngày đó. Nhưng sự trì trai tu phúc đó, không giống sự thọ trì bát quan trai giới của Phật giáo, chỉ dậy cả ngày đừng ăn gì cả, vì cho rằng như vậy quỷ dữ không theo được. Theo Phật giáo thì quỷ phần nhiều là ngạ quỷ, các tôn giáo xưa của Ấn Độ cũng đều nhận như vậy. Bởi vì là ngạ quỷ (quỷ đói) nên khi thấy người ăn uống, phải chịu đựng cơn đói rất là khổ sở, nên may gặp loại quỷ có chút thiện lương có khổ sở và đói cũng nhẫn nại chịu đựng, còn chẳng may gặp quỷ dữ ắt sinh khởi ác tâm, cho rằng tại sao loài người được no đủ mà mình phải chịu đói khát, nên nghĩ cách làm khổ con người. Rồi thì loài người vì tránh hoạ quỷ nên trong ngày đó không dám ăn. Đó là truyền thuyết của Ấn giáo.

Các tôn giáo cổ ở Ấn đã bầy ra lục trai nhật, và truyền đến đời Phật vẫn được thịnh hành, bấy giờ Đức Phật thấy trì trai tu phúc là một việc tốt, nhưng Ngài sửa đổi lại thành bát quan trai giới, dậy mọi người : trì trai tu thiện làm phúc rất đúng, nhưng đâu phải chỉ trọn ngày không ăn là đủ, còn phải trì giới, mới thực sự trừ tai tránh nạn được. Như **Trí Độ Luận** nói : "*Phải như chư Phật giữ tám giới trong một ngày một đêm, không ăn quá ngọ, công đức này đem mình đến Niết Bàn*". Đức Phật coi nặng chuyện không ăn quá ngọ, vì Ngài cho rằng tảo và ngọ phạn, hai bữa ăn này không ảnh hưởng đến sự đói khổ của ngạ quỷ, còn buổi chiều là giờ ăn của ngạ quỷ, nên hễ thấy ai ăn, thì ngạ quỷ phải chịu sự đói khổ dầy vò, vì lẽ ấy Đức Phật thay vì cấm ăn như Ấn giáo, thì cấm ăn quá ngọ và thêm các giới khác. Nhờ vậy không những tu thiện tăng phúc, tiêu tai miễn nạn, mà còn nhờ công đức này đến được Niết Bàn. Do đây biết rằng nghi thức tôn giáo trì trai vào lục trai nhật không phải là của Phật giáo bầy ra, mà có sẵn ở Ấn, Đức Phật chỉ sửa đổi thành bát quan trai giới, để không phải chỉ trừ tai nạn, mà còn để gây trồng nhân xuất gia giải thoát, đó là thiện xảo phương tiện của Phật.

Phật Pháp sửa đổi lại nhiều nghi thức của Ấn giáo cổ xưa, như **Kinh Tạp A Hàm quyển 93**, từng đề cập đến việc Bà La Môn dùng ba thứ lửa để tế tự. Đức Phật xem hành động đốt lửa tế trời của Bà La Môn hoàn toàn là mê tín. Nhưng khi đi hóa độ Bà La Môn, Ngài khéo dùng thiện xảo phương tiện, không trực tiếp chỉ cái sai lầm của họ, mà vẫn khen họ dùng tam hỏa tế trời rất hay, "*nhưng có điều trong giáo pháp của ta cũng có ba*

thứ lửa, nếu được giống như thứ lửa của ta, thì còn đạt được công đức vô kể". Bà La Môn nghe lấy làm kỳ quái, không biết Ngài thờ lửa gì, nên cầu hỏi Phật. Ngài bèn khai thị :"*Ba thứ lửa của ta là : cúng dường cha mẹ gọi là lửa căn bản (gốc), cúng dường vợ con quyến thuộc gọi là lửa nhà, cúng dường Sa Môn Bà La Môn gọi là lửa phúc điền*".

Mục đích thờ lửa của Bà La Môn không ngoài mong muốn được chư Thiên ban phúc, nhưng đâu biết chỉ như vậy thôi thì thực không sao đạt được phúc. Đức Phật nhận rằng cầu Thiên ban phúc chẳng bằng cầu phúc ngay ở thế gian hiển thật này, đó là con đường cầu phúc hợp lý nhất, vì lẽ nơi gia đình không lối, nhờ hiếu thuận cúng dường cha mẹ, làm cho tình chồng vợ thêm hòa thuận, về mặt tôn giáo thì cúng dường Sa Môn, Bà La Môn được công đức vô cùng. Bà La Môn nghe Đức Phật nói, thấy được cách thờ lửa của Ngài rất hợp lý, nên vứt bỏ hết khí cụ thờ lửa, theo Ngài học đạo. Nên biết lửa đại biểu cho sự ấm áp, quan hệ giữa người với người quan trọng nhất vẫn là đạt được sự ôn noãn, gia đình và tôn giáo cũng vậy, phải được sự ôn noãn, nên gọi là tam hỏa (ba thứ lửa).

Ngoài ra còn có tín đồ thần giáo lễ bái sáu phương. Đức Phật cũng dậy lễ bái sáu phương, những đó là nghĩa vụ giữa cha con, thầy trò, chồng vợ, bạn bè quyến thuộc, chư Tổ, Sư trưởng và tín đồ (**Trung A Hàm Thiện Sinh Kinh**). Qua các sự việc trên, chúng ta đều nhận thấy : để cảm hóa tín đồ các tôn giáo khác, không nên đả kích chê bai họ là sai trái, mà nên khéo léo dùng lý chỉ cái hay cho họ, người có chút lý trí ắt sẽ tiếp nhận mọi điều

hợp lý, trừ ra những kẻ cực kỳ cố chấp. Đức Phật đã dùng lề lối này sửa đổi lại nhiều nghi thức của các tôn giáo cổ, thành cách thức hợp tình hợp lý của Phật Giáo có nhiều hiệu quả hơn nữa. Vì vậy trong Phật Pháp có nhiều nghi thức căn bản không phải của Phật giáo lập ra.

Thứ hai, theo kinh **Tứ Thiên Vương** : Sở dĩ Đức Phật cho thọ bát quan trai giới vào lục trai nhật, vào các ngày này, chư Thiên thường đến nhân gian để xem xét thiện ác. Vì vậy Đức Phật dậy đồ chúng : mỗi ngày trai, các người phải chú ý tâm mình, xem hướng thiện hay hướng ác ? Nếu là hướng thiện, thì phải gìn giữ luôn luôn, nếu là hướng ác, thì phải lập tức dừng ngay lại. Chẳng những quan sát tâm như vậy, mà ngay đến thân và khẩu cũng phải cẩn thận, không thể lơ đãng. Đức Phật dựa vào truyền thuyết của Ấn giáo : Đế Thích thiên của Dục giới, đầy đủ phúc đức, bên dưới có Tứ Thiên Vương. Vào các ngày trai, Đế Thích sai sứ giả đi tuần tra nhân gian, xem thiên hạ làm thiện nhiều hay ác nhiều, nếu ác nhiều thì trừng phạt, gây cho nhân loại nhiều điều nghịch ý, nếu thiện nhiều thì ủng hộ, bằng cách cho nhân loại nhiều việc tốt lành. Đó là trách nhiệm của Tứ Thiên Vương. Theo trong kinh : ngày 8 mỗi tháng, Tứ Vương phái sứ giả đi tuần tra nhân gian, xem hoạt động của nhân loại, bất luận thiện hay ác đều phải báo cáo, như ông Táo ở Trung Quốc, có bức liến đề :"*Trên trời tâu chuyện tốt, dưới đất được bình an*". Ngày 14 của mỗi tháng, sai Thái tử của Tứ Thiên Vương đi tuần tra, ngày 15 Tứ Thiên Vương đích thân đi, ngày 23 lại sai sứ giả tuần xét, ngày 29 đến Thái tử tuần tra, ngày 30 Tứ Thiên Vương đi xem xét. **Luận Tỳ**

Bà Sa quyển 41 nói : "*Vào các ngày trăng sáng, tối, thường ngày 8, hoặc 14, hoặc 15, chư Thiên 33 từng trời tập họp ở Thiện Pháp Đường, luận kể thế gian bao nhiêu thiện ác, thấy người làm thiện thì ủng hộ, thấy người làm ác thì hủy đi*". Đế Thích cân nhắc việc thiện ác ở thế gian, hoàn toàn theo lời báo cáo của Tứ Thiên Vương. Trong Kinh nói : khi chư Thiên đi tuần nhân gian, nếu thấy nhân loại trì giới như pháp, cần hành bố thí, hiếu thuận cha mẹ, liền báo với Thiên Đế Thích, Đế Thích hoan hỉ ban phúc cho nhân loại, khiến thế gian mưa thuận gió hòa, quốc thái dân an, nếu ngược lại, nhân loại hẳn không thể sống bình yên. Đế Thích có kệ : "*Tháng sáu ngày Thần du, thọ trì thanh tịnh giới, người này mạng chung rồi, công đức chẳng khác tôi*". Đức Phật nghe Đế Thích nói kệ rồi, liền bảo các Tỳ Kheo :"*Đế Thích nói kệ tuy không phải cứu cánh, nhưng không phải là sai, các ông nên tin vậy*".

Như vậy chúng ta biết rằng, bất cứ nơi đâu, chỉ cần có người thọ trì bát quan trai giới, thì ác quỷ nào cũng phải lánh xa, nơi đó được tốt lành, nên nơi sáu ngày đó thọ trì bát quan trai giới được công đức nhiều hơn các ngày khác. Có điều ở đây xin mọi người lưu ý để tránh hiểu lầm, đừng cho rằng trong sáu ngày ấy có chư Thiên lai vãng, nên quy quy củ củ, không dám làm bậy, qua trai nhật rồi đâu lại vào đó. Nên biết rằng làm người ở thế gian này, bất cứ lúc nào, ba nghiệp thân khẩu ý đều phải như pháp thanh tịnh, hành vi phải hợp đạo lý.

Theo **Thành Thật Luận** : *Tháng giêng, tháng năm, tháng chín gọi là ba tháng lành, là tháng Tỳ Sa Môn Thiên Vương phân trấn Nam Châu*, tại gia nhị chúng

nên thọ trai tu phúc, tại sao trong Kinh chưa từng nói đến ? Thọ trai vào ba tháng lành đối với Phật đương nhiên là chuyện tốt vô cùng, nhưng đối với tục nhân thực khó mà thi hành nên phải tùy thuận sức và khả năng họ, không bó buộc cứng ngắc ép họ phải thực hành. Còn lục trai nhật, vì thời gian ngắn, thực hành tương đối dễ, không đến nỗi cảm thấy bất tiện, nên Đức Phật chọn thọ bát quan trai giới vào lục trai nhật.

Chương IV

Công Ích Thù Thắng

Thọ giới, bất cứ giới nào cũng có công đức của nó. Thọ ngũ giới có công đức của ngũ giới, thọ bát giới có công đức của bát giới. Chư vị hiện thọ bát giới, công đức như thế nào ? Trước hết phải so sánh với công đức của ngũ giới, thì mới rõ được công đức thù thắng của sự thọ trì bát quan trai giới và mới có thể kiên quyết tín nguyện thọ trì.

Trong Kinh nói : giả sử có người nào phát tâm dùng y phục, ẩm thực, thuốc men, giường nằm cúng dường cho chúng sinh trong khắp bốn phương, như vậy cho đến cả trăm năm trường kỳ cúng dường, công đức người này tất nhiên không thể nghĩ bàn, nhưng cho dù công đức có nhiều đến đâu đi nữa, cũng không bằng công đức thọ trì bát quan trai giới trong vỏn vẹn một ngày đêm. Giới đức cao tột thù thắng, điều này ở đây có thể chứng minh.

Thọ trì ngũ giới, tuy có công đức lớn, nhưng so với công đức thọ trì bát quan trai giới còn kém xa. Trong **Trí Độ Luận**, ngài **Long Thọ** tỉ dụ rất hay : "*Thí dụ như vị tướng đem quân đi đánh trận, nếu khiếp nhược nhát gan, thì dầu có nhiều năm tác chiến cũng không thể tạo công lao phá địch. Còn nếu là viên dũng tướng uy mãnh, mau lẹ phá tan cường địch, chỉ trong một ngày lập nên công lớn trong thiên hạ. Phải hiểu công đức của ngũ giới và bát*

giới không đồng, cũng giống như vậy". Bởi ngũ giới chỉ có thể lìa tà dâm, chưa thể trừ tận căn của dục. Bát giới đoạn trừ hết dâm, không còn bị dục nhiễm làm loạn, sự tướng đồng với vô lậu. Thời gian tuy chỉ một ngày đêm, song được rất nhiều giới hạnh, cho nên công đức vượt xa ngũ giới.

Tuy nhiên, cũng có điểm phải cần nói rõ, bất luận thọ trì ngũ giới hay bát giới, theo **Đại Trí Độ Luận**, điều quan trọng nhất là phải phát tâm rộng lớn. Có phát tâm rộng lớn thì tuy giữ giới một ngày đêm vẫn đạt được phúc đức thù thắng, nếu không phát tâm rộng lớn, dầu giữ ngũ giới đến trọn đời, cũng chỉ được phúc đức hữu lậu. Thế nên các vị phát tâm thọ bát trai giới, không nên vì giải thoát hay công đức riêng mình, mà nên vì tất cả chúng sinh thọ giới hạnh này, nghĩa là không xem công đức thọ giới là của riêng mình, mà coi như của chúng sinh chung có, nguyện cùng chúng sinh đồng hướng đến quả vô thượng Phật Đạo, như vậy mới có thể đạt được công đức tối thắng. Đại thừa Phật giáo rất đặc sắc ở chỗ muốn mỗi người đệ tử, bất luận làm việc công đức lành nào, cũng vì nghĩ tưởng đến hết thảy chúng sinh, không bao giờ vì lợi ích riêng tư của mình.

Hoằng Nhất Luật Sư nói : "*Ngũ giới bát giới đều thuộc về Tiểu thừa, thế nhưng muốn thọ giới phẩm, phải phát đại bồ đề tâm. Chưa thể riêng tu thiện cho mình, thiên cầu tịch diệt, tuy vẫn khai già trì phạm, song không khác Thanh Văn. Phải nên đồng như bậc Đại sĩ mà phát tâm hành thọ, như hàng tin trong sạch nỗ lực tu tiến*". Luật Sư lại nói :"*Bát giới thông cả Đại lẫn Tiểu thừa. Tiểu thừa như các luận Thành Thật. Đại thừa tức Bồ Tát bát*

giới, như các Kinh Văn Thù Vấn hoặc Bát Chủng Trưởng Dưỡng Công Đức đều nói rõ. Chúng ta đã thọ Bồ Tát giới, nay thọ bát giới tức là Đại Thừa Bát giới vậy".

Cho nên đã thọ Bồ Tát giới, cũng có thể thọ bát quan trai giới. Ai bảo thọ Bồ Tát giới rồi, khỏi cần thọ bát quan trai giới thực là lầm. Cứ như lời **Hoằng Nhất Đại Sư** thọ Bồ Tát giới và thọ bát quan trai giới đã không lập lại cũng không trở ngại nhau.

Công đức thọ bát quan trai giới thuộc vô lậu, và còn là Đại thừa nên công đức hữu lậu thế gian không thể so được, vì vậy Đức Phật đã từng trách mắng Đế Thích. Một hôm Đế Thích nghe Đức Phật nói các công đức thù thắng của bát quan trai giới, liền vui mừng tán thán : *"Tháng sáu ngày thần du, phụng hành tám trai giới, công đức thù thắng này, đồng với tôi không khác"*. Một số người nghe tu bát quan trai được công đức đồng như Đế Thích rất hoan hỉ, song Đức Phật quở Đế Thích : *"Ông nói không đúng đạo lý, ông cũng không đủ tư cách để nói lời này. Chỉ có bậc A La Hán mới nói như vậy được. Vì sao vậy ? Đế Thích ông nên biết, ông đã không xa rời các phiền não tham sân si, cũng không giải thoát được khổ lớn sinh lão bệnh tử, biết bao ưu sầu khổ não còn vây chặt thân tâm ông, sao lại dám bảo thọ trì bát quan trai giới được công đức như ông ? Thực ra, công đức của ông chỉ có thể cảm thọ được quả báo Đế Thích, không thể ra khỏi tam giới, còn công đức của người thọ trì bát quan trai giới đủ chứng được quả Bồ Đề xuất thế của tam thừa thánh. Như bậc A La Hán xả gánh nặng sinh tử mới có thể bảo công đức của người thọ bát quan*

trai giới đồng với ta không khác. Phần ông không nên nói như thế". Như vậy chúng ta thấy rõ phúc đức của Đế Thích so với phúc đức vô lậu của bát quan trai giới thực là một trời một vực.

Hơn nữa, công đức thọ trì bát quan trai giới chẳng những tương đồng với công đức A La Hán, mà còn là Bồ Tát ở thế gian. Trong **Văn Thù Vấn Kinh** nói :"*Bồ Tát thế gian, chính là tám giới*" (Thế gian Bồ Tát, bát giới giả thị). Vậy đủ thấy muốn làm vị Bồ Tát ở thế gian cũng chả khó mấy, chỉ cần phát đại bồ đề tâm thọ trì bát giới, liền thành thế gian Bồ Tát. Công đức thọ trì bát giới còn hơn nữa. Như trong kinh **Xử Thai** nói : "*Bát quan trai giới là cha mẹ chư Phật*". Có thể nói công đức này đồng với chư Phật, thậm chí chư Phật đều do bát quan trai giới mà sinh. **Kim Cương Kinh** nói :"*Tất cả chư Phật và pháp A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề đều từ kinh này mà ra*". Dựa theo câu này có thể bảo rằng :"*Hết thảy chư Phật và các pháp Tam Miệu Tam Bồ Đề đều do từ bát quan trai giới mà ra*". Như thế công đức thù thắng của bát quan trai giới thực là không thể nghĩ bàn.

Luận Bồ Tát Bổn Sinh Man cũng nói rõ công đức bát giới như sau : *Nếu có người có thể trì pháp bát trai giới, tuy họ không mặc y phục hoa lệ, nhưng họ có y phục tàm quý* (3). *Phải biết y phục tàm quý trang nghiêm hơn hết mọi y phục. Người thọ trì bát giới trai pháp, tuy không có bức tường ngăn chận trộm cướp bên ngoài, lẻn vào trộm của báu, nhưng họ có thành trì vô hình, chế ngự oán tặc lục căn, cướp đoạt công đức nội tâm.* Nói theo Phật Pháp, của cải có mất cũng không đáng tiếc, Pháp bảo

mất mới đáng tiếc. Muốn Pháp bảo không bị trộm mất, phải xây tường trai giới. Thọ bát quan trai giới, dù là chủng tộc thấp hèn như Chiên Đà La, nhờ thọ bát giới cũng ở địa vị của Thánh, trải qua một thời gian chứng thành Thánh quả. Nhờ vậy bát giới thực cao quý. Ngày xưa Ấn Độ cho anh lạc là món trang sức cao quý, người thọ bát quan trai giới tuy không có anh lạc châu bảo, nhưng nhờ có bát giới trai pháp trên thân, nên được đủ các thiện pháp công đức trang nghiêm thân, hơn nữa loại trang nghiêm này không một bảo vật nào ở thế gian có thể bì được. **Kinh Ưu Bà Tắc Giới phẩm Bát Giới Trai** nói :"*Bát giới trai tức chính là anh lạc trang nghiêm vô thượng Bồ Đề*". Như vậy, người thọ trì bát giới trai pháp tuy không có thất bảo kim ngân, nhưng chứa đủ bẩy pháp tài (4) của nhân thiên, không cần cầu bè cũng băng qua được hiểm đạo.

Công đức thọ trì bát giới thù thắng như vậy, cho nên trong Kinh nói : dùng tất cả trân bảo của mười sáu nước lớn cúng dường các Tỳ Kheo Tăng, không bằng công đức trì giới một ngày đêm. **Tát Bà Đa Luận** cũng nói : "*Nếu có vị vua Diêm Phù Đề hành hạnh bố thí rộng lớn, khiến cho hết thảy nhân dân được đủ các bảo vật, công đức này rất lớn, nhưng so với công đức thọ trì bát giới trai pháp, công đức vua Diêm Phù Đề chưa bằng một phần mười sáu*". Các kinh luận sở dĩ tán thán công đức bát giới như vậy, vì đây là căn bản của xuất gia lìa tục, là hạt giống đắc tam thừa Bồ Đề, cho đến thành Phật cũng do một niệm thọ trì bát giới trai pháp.

Thọ trì bát giới công đức thù thắng như vậy, ắt tự nhiên có thể trừ diệt các tội. Điều này trong **kinh Thiện Sinh**

nói rất rõ :"*Thọ trì bát giới có thể trừ được các tội nặng ngũ nghịch*". Kỳ dư các tội khác dĩ nhiên không thành vấn đề. Ngũ nghịch gồm các tội giết cha, giết mẹ, giết A La Hán, phá hoà hợp Tăng, làm thân Phật ra máu, các tội nặng này tương lai phải chịu quả khổ vô gián. Nhưng hiện tại nhờ thọ trì bát giới, tội nặng ngũ nghịch liền được tiêu trừ, công đức thù thắng của bát trai giới quả khó nghĩ bàn. Trong **Trung A Hàm Kinh** cũng nói : "*Hàng thánh đệ tử đa văn, khi trì tám giới này, ghi nhớ mười hiệu của Như Lai, nếu có các điều bất thiện nghĩ ác, đều được trừ diệt*". Hàng đa văn thánh đệ tử còn phải nương công đức này để diệt tội trừ khiên, tu thiện tiến đức, vậy những ai muốn trừ tội tăng phúc nên nhân lấy cơ hội này thọ trì bát trai giới.

Thọ trì bát giới được công đức thù thắng như vậy, không phải là vấn đề, vấn đề ở chỗ trong thời gian ngắn ngủi một ngày một đêm, làm sao cho tịnh niệm tương tục để gìn giữ cho thân tâm thanh tịnh, nhờ vậy mới đạt được công đức như nói ở trên. Nếu không, do vì tâm không nhất niệm, tưởng đông nghĩ tây, không chú tâm vào trai giới, nên công đức không sao thành tựu. Cho nên trong một ngày đêm thọ trai giới, phải buông bỏ hết mọi việc thế tục, đem trọn thân tâm tắm gội trong Phật Pháp, chịu sự thấm nhuần của Phật Pháp và tương ưng với pháp Phật. Nếu chỉ làm hùa theo người, thọ giới thì thọ giới, nhưng chưa hề chuyển theo giới, kết quả một ngày trôi qua luống không, thực là đáng tiếc.

Tịnh niệm tương tục, cố nhiên là phương pháp rất tốt để bảo trì cho bát giới thanh tịnh, ngoài đây ra, trong

Thành Thật Luận nói :"*Có năm pháp có thể khiến cho giới hạnh được thanh tịnh. Thứ nhất, trong thời gian thọ giới, có thể đúng pháp hành thập thiện. Thứ hai, trong thời gian thọ giới, đoạn trừ hết các điều gây não hại cho chúng sinh từ trước hay sau này, không còn làm chúng sinh chịu khổ nữa. Thứ ba, trong thời gian thọ giới, không để cho ác tâm làm não loạn nội tâm, tức không để cho các niệm không chính đáng khởi lên, để khỏi trở ngại cho sự thanh tịnh của giới hạnh. Thứ tư, trong khi thọ giới, luôn luôn nhớ tưởng Phật, Pháp, Tăng, Giới, Xả, Thiên, để thủ hộ cho giới hạnh. Dựa vào công đức của sáu niệm này, bảo trì cho giới hạnh thanh tịnh. Thứ năm, trong khi thọ giới, nguyện đem công đức trì giới này, hồi hướng đến cứu cánh Niết Bàn, quyết không dùng công đức này cầu phúc báo nhân thiên. Thọ trai giới như vậy, giới hạnh ắt thanh tịnh*".

Tỳ Bà Sa Luận phân biệt công đức thọ trì bát giới, có được đại quả hay không, bằng năm câu :

Thứ nhất, như có người tự tại thọ trai giới này, biết nhà bếp sắp sát sinh để nấu cho mình ăn, người ấy bảo đầu bếp : hôm nay tôi thọ trai giới nên không sát sinh, hãy cất đi, để mai làm chưa muộn. Đó là quan niệm chung của mọi người. Lại có người lính chiến, bắt địch quân giải đến thượng quan, xin xử tội kẻ địch. Thượng quan bảo, hôm nay tôi thọ trai giới không thể sát sinh, nhốt lại mai giết cũng được. Thọ bát trai giới kiểu này, căn bổn nghiệp đạo tuy thanh tịnh, song cận phận thì không thanh tịnh. Đức Phật bảo vậy tuy là thắng nghiệp, song không đủ để chứng đại quả.

Thứ hai, lại có người thọ bát trai giới, chẳng những căn bổn nghiệp đạo rất thanh tịnh, mà cận phận cũng rất thanh tịnh. Nhưng bị dục tầm tư (5), khuể tầm tư và hại tầm tư gây tổn hại, thọ trai giới như thế vẫn chưa phải là lý tưởng. Phải biết ba loại tầm tư, dục, khuể và hại, là một thứ ác phân biệt, có chúa sự phân biệt bất chính này, nội tâm không sao thanh tịnh được, và dĩ nhiên ảnh hưởng đến sự thủ trì giới hạnh. Chính do vì cái ác tầm tư nhiễu loạn tâm linh này, mà Đức Phật nói người phát tâm thọ giới, và giới họ thọ, tuy là thắng nghiệp, nhưng không thể nhờ đó mà đạt được đại quả.

Thứ ba, còn có người thọ trai giới này, chẳng những căn bản nghiệp đạo và cận phận rất thanh tịnh, hơn nữa cũng không bị ác tầm tư gây tổn hại, tất nhiên rất khó được. Nhưng vẫn không lý tưởng, vì họ chưa khởi được chính niệm, không nhất tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Xả, niệm Thiên, và vẫn còn hiện khởi các niệm bất chính đương. Do vì vọng niệm không ngừng hiện hành, nên tâm không sao an trụ được nơi tịnh giới, do đó không thể cầu thanh tịnh giới hạnh được. Chính vì vậy, Đức Phật nói người phát tâm thọ giới này, và giới họ thọ, tuy là thắng nghiệp, song không chứng được đại quả.

Thứ tư, lại có người thọ trì bát trai giới, căn bổn nghiệp đạo cũng như cận phận đều thanh tịnh, cũng không bị ác tầm tư làm tổn hại, lại hay đề khởi chính niệm, thực là nan đắc. Nhưng vẫn không mỹ mãn, vì họ vẫn không thể đem công đức thọ trì bát giới, hồi hướng về quả xuất thế giải thoát, chỉ mong cầu sinh thiên hưởng lạc.

Do vậy Đức Phật nói người này và giới họ thọ, tuy là thắng nghiệp, song không chứng được đại quả.

Thứ năm, lại có người thọ giới này, nghiệp đạo căn bổn và cận phận đều thanh tịnh, cũng không bị ác tầm tư tổn hại, nhiếp thọ chính niệm, hồi hướng giải thoát. Đức Phật bảo người này và giới họ thọ, chẳng những là tu thắng nghiệp mà còn chứng được đại quả. Theo Tiểu thừa là giải thoát Niết Bàn, theo Đại thừa là Phật quả Bồ Đề.

Thọ trì bát giới xác thực có công đức thù thắng, nên phải thường phát tâm phụng hành bát giới, có điều trong xã hội máy móc này, nếu cứ vào lục trai nhật, thì ít có người thọ được, vì vậy tối thiểu mỗi tháng một lần. **Hoằng Nhất Luật sư** nói :"*Nếu thấy một tháng sáu ngày hơi nhiều, có thể giảm xuống một hay hai ngày. Bởi chỉ cần một ngày còn có công đức lớn, huống là cả sáu ngày*". Tuy nhiên khi phát tâm thọ giới, bất luận là trước hay sau, hoặc trong khi thọ giới, phải nghiêm túc dùng tám giới rửa sạch thân tâm, khiến thân tâm tương ưng với giới, do vậy mới được thanh tịnh và đủ công đức thù thắng.

Chương V

Thọ Giả Phân Biệt

Phần trên đã cùng chư vị hai lần bàn về giới đức thù thắng, giới đức đã thù thắng như vậy, lẽ ra mọi người đều nên thọ bát quan trai giới để được công đức thù thắng. Song tuy nói vậy, nhưng không phải ai cũng có thể thọ bát quan trai giới. Muốn thọ phải đủ tư chất, nếu không, dù có phát tâm đến đâu đi nữa, cũng không được phép thọ giới. Như vậy, ai là người được thọ, ai là người không được thọ, do đâu phân biệt được điều này ? Việc này trước khi thọ giới, phải tra xét kỹ càng xem họ có phải pháp khí thọ giới không, rồi sau mới quyết định truyền giới. Trong giới luật, gọi sự khảo xét trước khi truyền giới là vấn già nạn. Truyền giới sư phải hỏi tường tận người phát tâm xem có làm các điều gây nạn (nạn) hay ngăn che (già) việc thọ giới không ? Nếu có, thì gây trở ngại không ít cho việc thọ giới, nên không thể cho thọ giới. **Chú Yết Ma** nói :"*Trước khi thọ giới, phải nên hỏi Già, Nạn*" ý chỉ việc này.

Những việc gì chướng ngại cho sự thọ giới ? Theo **Kinh Thiện Sinh** kể ra bảy điều ngăn che như sau :

1) Có từng trộm vật của hiện tiền Tăng không ?
2) Có từng hành dâm với nam nữ trong lục thân không ?
3) Có từng phá thanh tịnh hạnh của Tăng ni không ?
4) Có từng bỏ màng khi cha bệnh không ?
5) Có từng bỏ mặc khi mẹ đang bệnh không ?

6) Có từng bỏ màng khi sư trưởng đang bệnh không ?
7) Có từng giết hại người phát bồ đề tâm không ?

Tăng vật, là những đồ vật cúng dường chư Tăng, hoặc tài vật thuộc về thường trụ. Vật thường trụ theo luật có bốn loại :

- Thứ nhất, Thường trụ thường trụ, như phòng ở của chư Tăng, đồ dùng hoa quả hay cây cối của chư Tăng trồng, vườn tược đất đai của chư Tăng, ở đâu thuộc về nơi đó, không được di chuyển đi nơi khác, cho nên gọi là thường trụ. Chư Tăng trụ trong phạm vi thường trụ này, chỉ có thể thọ dụng, nhưng không được chia hay bán, phải để của này tồn tại vĩnh viễn, nên lại gọi là thường trụ.

- Thứ hai, Thập phương thường trụ, tức các đồ dùng cùng phẩm vật ăn uống cung cấp cho chư Tăng trong chùa chiền, chẳng những chư Tăng hiện tiền trong chùa được quyền thọ dụng, mà ngay các khách Tăng từ nơi khác đến cũng được quyền dùng, cho nên gọi là thập phương. Các đồ dùng ẩm thực này thuộc về chùa, tuyệt đối không được đem đi nơi khác, nên gọi là thường trụ.

- Thứ ba, Hiện tiền hiện tiền, như có tín đồ nào phát tâm cúng dường tài vật, nói rõ là cúng cho chư Tăng trụ trong chùa này, hoặc cúng đích danh cho vị Tăng nào trong chùa, gọi là hiện tiền. Người phát tâm cúng thí như vậy, nay đem vật cúng đó chia cho các người được cúng, không để lại chút nào, nên lại gọi là hiện tiền.

- Thứ tư, Thập phương hiện tiền, như hàng ngũ chúng xuất gia sau khi chết, các di vật có thể phân chia, nên cử hành phép Yết Ma phân chia, trước khi hành Yết Ma, các di vật của người mất thuộc về Thập phương Tăng, bất luận ông Tăng khách từ đâu đến, cũng được một phần. Còn nếu đã làm Yết Ma, hiện tiền Tăng chúng tự chia, bấy giờ có khách Tăng nào lại cũng không được dự phần, gọi là hiện tiền.

Tăng vật có bốn loại bất đồng, nhưng chúng ta không có quyền trộm bất cứ loại nào ; nếu trộm Tăng vật, lỗi này rất nặng. Theo Phật Pháp thì vật của Tam Bảo thứ nào cũng nặng nhưng Tăng vật là nặng nhất. Trong **kinh Phương Đẳng Hoa Tụ Bồ Tát** nói : "*Năm tội nghịch, bốn tội trọng, tôi còn có thể cứu, trộm cắp Tăng vật, tôi không cứu được*". **Kinh Đại Tập** nói :"*Người trộm Tăng vật, tội đồng ngũ nghịch*". **Kinh Quán Phật Tam Muội** nói :"*Người dùng Tăng kỳ vật, tội còn hơn giết tám vạn bốn ngàn cha mẹ*".

Ở đây hoặc có người hỏi : trộm Tăng vật, tại sao tội lại nặng như vậy ? Phải biết đàn tín cúng thí cho chư Tăng dầu một hạt gạo, cũng vốn muốn cúng cho mười phương các phàm thánh Tăng, cho nên mỗi lần trong chùa nổi chuông, bất luận xa gần đều nghe, hoặc phàm hoặc thánh đều có thể thọ dùng, như vậy vừa trợ thành đạo nghiệp cho Tăng chúng, vừa được các phúc đức sâu kín. Phước đã nhiều tất nhiên tội không nhỏ. Vì vậy trộm Tăng vật không kể nhiều ít, tội này không thể tha thứ.

Trong hàng đệ tử Phật có Tỳ Kheo Ngưu Thí, tuy tu chứng A La Hán quả, nhưng vẫn có tướng ăn như trâu nhai cỏ, có người hỏi Phật do nhân duyên gì mà có tướng như vậy. Phật bảo các vị Tỳ Kheo : Quá khứ Ngưu Thí từng ăn trộm năm sáu hạt gạo cho vào miệng nhai, vì vậy bị đọa làm bò năm trăm đời, bò thường nhai cỏ như vậy, nên trải qua năm trăm đời đã thành tập quán, vì thế tuy tu chứng A La Hán quả mà tướng ăn vẫn vậy.

Trộm dùng Tăng vật, dĩ nhiên phần đông là người xuất gia, hàng tục nhân, nhất là các tín chúng rất ít phạm tội này, song không phải không có. Như hiện nay ở các nơi, hạng tự xưng là đại biểu tín đồ, đổi khách làm chủ, là hạng chuyên môn xâm tổn của thường trụ, đem Tăng vật chiếm cứ làm của sở hữu của mình. Tín đồ Phật giáo như vậy, chẳng những không đủ tư cách thọ bát quan trai giới, mà còn không đủ tư cách để gọi là chính tín Phật tử.

Đừng nói trộm dùng Tăng vật có lỗi lớn, ngay đến hàng chính tín Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di cho đến các bậc chính nhân quân tử, cũng đều biết Tăng vật không dễ có, của này thọ dùng khó tiêu hóa, nên Tăng chúng có không chiêu đãi, cũng chẳng những không nên không hài lòng, mà còn nên sinh hoan hỉ, cho rằng đó là quy luật của Phật Pháp. Thế nên tín chúng đến chùa, phải có quan niệm chính xác, đến vì pháp, không đến vì ăn.

Hiện nay là thời mạt pháp, ở khắp nơi đều thấy người vì pháp đến thì ít, mà đến để ăn thì đông. Không tin xin xem : bất luận nơi nào, hễ là pháp hội giảng kinh,

thính chúng lác đác dăm người, trong số thính chúng lác đác này, số người thực lòng nghe pháp lại càng lơ thơ, ấy nhưng nếu pháp hội có đãi ăn, thì luôn luôn đông đảo, đó là chưa kể, đại đa số đều chờ đến gần giờ ăn mới tới, đã không dự tụng kinh lễ sám, lại ăn xong là đi. Chẳng những ở các đạo tràng không có thuyết pháp cũng vậy, mà ngay đến các đạo tràng thuyết pháp, có pháp để nghe cũng thế. Vậy mà có người cho rằng đó là điềm Phật Pháp hưng thịnh, nhưng dưới mắt người hiểu Phật Pháp, thì điều đó khác gì những nơi nhiệt náo ở thế gian, thực là điềm suy thoái của Phật Pháp.

Thế nên làm đệ tử Phật, bất luận Tăng hay tục, phải thương tiếc vật của chư Tăng như thương quý con mắt, đã không dám dùng bừa, lại không dám lấy trộm. Quá khứ không biết tội này là nặng nên đã từng vi phạm, hiện tại phát tâm thọ giới, ắt phải sám hối cho thanh tịnh, nếu không tuyệt đối không được thọ giới, cho dù vì không biết mà truyền giới cho bạn, bạn cũng không thể được giới thanh tịnh, cho nên có từng trộm Tăng vật hiện tiền hay không, khi nói Già Nạn, phải đáp thành thật, có nói có, không nói không, không được đáp hàm hồ.

Lục thân nam nữ là những người có quan hệ mật thiết với mình, bất kể là thế pháp hay Phật Pháp, đều không nên có các hành vi bất chính, giả như có, là kẻ địch chướng đạo, không thể thọ giới. Tỳ kheo, Tỳ kheo ni là những người tu phạm hạnh, là bậc thượng sĩ cầu xuất trần giải thoát, là phúc điền vô thượng của nhân thiên, là khuôn mẫu cho chúng sinh, thực như các bậc thánh

thần, và cấm chỉ dâm dục, nếu có người nam nữ nào làm các việc ô phá tịnh hạnh của Tăng ni, là tội ác vô cùng. Phải biết dâm dục tuy không phải căn bản của sinh tử, song nó làm chướng ngại đạo pháp, không những chướng ngại việc hiện thế đắc Niết Bàn, mà còn chướng ngại cho việc chứng Bồ Đề của đời sau, thậm chí ngăn ngại cả việc sinh thiên. Bởi vì từ trời sắc giới trở lên đều không có dục của nam nữ như ở trời dục giới và nhân gian. Đừng nói người thường đắm sắc còn bị nguy hại, ngay đến Độc giác tiên nhân bay trên trời, vừa mới nhiễm sắc, liền bị dâm nữ cưỡi trên cổ bay vào nhân gian, từ đó mất hết thần thông, không còn bay được nữa. Còn chúng ta là bậc nào mà có thể coi thường dục nhiễm được ? Cho nên khi chưa học Phật, có phạm các điều này, cũng phải thành thật mà bộc bạch.

Cha mẹ sư trưởng, nếu không phải là người ân đã nuôi nấng chúng ta, thì cũng là người ân dạy dỗ chúng ta nên người, không có cha mẹ, thì ngay cái mạng sống này cũng không có, mà dẫu có cũng chưa chắc đã trưởng thành như ngày nay. Không có sư trưởng, thì sự hiểu biết tối thiểu cũng không có, nói chi đến kiến thức cao sâu.

Cha mẹ đối vởi con cái từ ái vô hạn, không có giấy mực nào đủ để diễn tả tâm từ ái đó. Chỉ cần thấy con cái đau ốm, tuy rõ ràng người con bệnh rên khổ thống, vậy mà cha mẹ trong lòng còn đau hơn là chính mình bệnh, nên cả ngày quanh quẩn bên giường bệnh, chốc lại sờ xem con bớt nóng chưa, lát lại ép con ăn, xem chừng đến giờ uống thuốc, là đưa thuốc đến tận miệng con.

Chăm sóc chu đáo hơn hết những vị y sĩ tận tâm nhất, cha mẹ săn sóc con đến quên hết mọi việc khác, đến lúc cha mẹ bệnh, phận làm con lẽ ra phải lo phụng dưỡng thuốc men, một giây cũng không rời cha mẹ, vậy mới biểu lộ được phần nào hiếu tâm. Giả sử hiện giờ có một người con, bình thường đã không biết làm vui lòng cha mẹ, đến lúc cha mẹ đau ốm lại chẳng ngó màng, để mặc cha mẹ hoặc bệnh hoặc chết, thử hỏi như vậy có đáng làm con người không ? Người như vậy quả đã mất hết nhân tinh.

Sư trưởng là một vị thần thánh, vì muốn giáo dục đời sau, họ đem hết mọi điều hiểu biết cùng đạo lý làm sao để nên người, tận tình tận lực dậy bảo cho chúng ta. Thấy chúng ta học vấn mỗi ngày mỗi tiến, vị thầy rất vui, thấy chúng ta không tiến, vị thầy bất an như vì chính mình không hết lòng dậy dỗ. Sư trưởng ngoài sự truyền thọ kiến thức cho ta, còn khích lệ và ái hộ chúng ta nữa. Vì một vị thầy tận tâm luôn luôn mong muốn học trò mình thành sự nghiệp, và còn mong cho học trò mình có được phẩm cách thanh cao nữa. Sư trưởng không chỉ dậy chúng ta chữ nghĩa và kiến thức bằng trí thức của người, mà còn lấy đời sống tự thân mình ra dậy ta nữa, nói chung, dậy từ lý thuyết đến hành động. Lại khéo khuyến dụ, sửa sai mỗi khi học trò có chỗ sai lầm, có lúc đánh mắng để cho học trò nên người, vì vậy bổn phận người học trò, bất luận nơi đâu thấy sư trưởng đều phải kính lễ, khi sư trưởng không còn, cũng thường ghi nhớ những điều người dậy, chân thành tha thiết như hiếu tử nhớ cha mẹ, như người đói nhớ ăn. Khi thầy có bệnh phải gần gũi chăm lo thuốc men, coi sóc mọi việc

cho thầy. Không được bỏ mặc, chẳng màng thầy sống hay chết, học trò như vậy sao đáng gọi là người có học.

Theo Phật Pháp thì cha mẹ sinh dưỡng sắc thân này của ta, còn sư trưởng sinh dưỡng pháp thân ta. Thực khó mà nói hết được ân đức lớn này đối với chúng ta, đến đức Phật cũng không sao diễn bày hết được. Trong **Kinh Tâm Địa Quán**, Đức Phật bầy tỏ :"*Ta có ở đời nói một kiếp, cũng không thể nói hết*". Trong kinh, Đức Phật cũng dậy khi cha mẹ hay sư trưởng có bệnh, phải cung cấp mọi thứ, chăm sóc thuốc men, nhất nhất không được thiếu sót. Giả sử hạng làm con hay học trò, chẳng lo nuôi bệnh cha mẹ hay sư trưởng, chỉ lo hưởng thụ, như vậy tư cách làm người còn chưa đủ, làm sao lãnh thọ giới của chư Phật được. Vậy trước khi thọ giới phải hạch hỏi xem có phạm lỗi này không, phải thành thật trình bầy, nếu có thì sám hối, sau đó mới được thọ bát giới.

Những người phát Bồ Đề tâm, tuy hãy còn là phàm phu nhưng công đức của họ đủ vượt quá nhị thừa, vì vậy chúng ta đối với họ nên tôn kính thương mến, vì sao ? Bởi Bồ Tát phát tâm Bồ Đề, đầy đủ tinh thần quên mình, tất cả đều vì chúng sinh, bất kể tiền tài hay tri thức của mình, hoặc sức mạnh hay khả năng chính mình đều cung cấp cho chúng sinh, bất kể xa gần thân sơ. Bồ Tát bố thí như vậy cho tất cả chúng sinh, mà chẳng cầu báo đáp, cũng chẳng cầu danh văn lợi dưỡng, chỉ một lòng chân chính cứu độ hết thảy chúng sinh , nhiếp thủ nhiêu ích chúng sinh mới làm được như vậy. Vì Bồ Tát chỉ có một niệm thương xót chúng sinh, thấy chúng sinh đắm chìm trong chốn đau khổ vô hạn, tự

hỏi mình có đủ năng lực cứu vớt hay không, ngoài ra chẳng còn niệm nào khác. Do vì niệm thương xót, nên phát tâm rộng thí, cứu giúp chúng sinh không điều kiện, cho dù không đủ sức, Bồ Tát cũng không nhẫn tâm nói tôi chả có gì để cho bạn.

Phát tâm Bồ Tát quên mình vì người như vậy, chúng ta phải nên giúp họ đủ mặt, để họ có thể rộng làm chuyện lợi người. Nếu không làm nổi như vậy, cũng đủ làm cô phụ Bồ Tát sơ phát tâm, huống chi còn sát hại những người phát tâm Bồ Tát như vậy, khiến cho vô số người không được Bồ Tát cứu giúp. Thử hỏi như thế tội lớn đến dường nào. Cho nên nếu đã phạm tội này, tất không thể là bậc pháp khí thọ giới. Vậy khi hỏi Già, Nạn, nếu có, phải chân thành sám hối, mới được thọ bát giới.

Già, Nạn, như trên đã nói. Ba giới sát, đạo, dâm trong bốn loại tính tội (6), giết người phát Bồ Đề tâm, trộm của Tăng hiện tiền, hành dâm với lục thân, là các trọng tội trong các tính tội. Cư sĩ tại gia nếu phạm phải, ắt chướng ngại giới thể vô tác, do vậy giới thể không thể phát khởi. Ở đây hoặc có người hỏi : tội vọng ngữ trong bốn loại tính tội, tại sao không bị liệt vào già, nạn ? Đó là bởi vì "*chưa chứng thánh quả nói chứng, chưa đắc đạo nói đắc*", đại vọng ngữ này đa phần là người xuất gia phạm, hàng tại gia khó phạm phải giới này, cho nên trong già, nạn không đề cập đến.

Yết Ma Sớ theo **Thành Thật Luận** nói : chẳng những chỉ có bảy điều Già, Nạn trên không được thọ giới, mà còn có tội ngũ nghịch, gã tặc trụ, làm ô Tỳ kheo ni đều

không được xuất gia. Bởi vì các tội này của họ làm chướng ngại thánh đạo vô cùng, chẳng phải sám hối mà thanh tịnh lại được, nên dù có cho người đó xuất gia, họ cũng không sao chứng được thánh quả thanh tịnh, nhất định phải chịu quả báo nặng. Tuy nhiên bát quan trai giới chỉ để luyện tập xuất gia, không phải chính thức xuất gia, nên chỉ cần nhận chân sám hối, và chứng tỏ rằng sau khi sám hối không còn dám tái phạm, thì vẫn được thọ bát quan trai giới, và có thể y đó tu hành bố thí, tạo dựng sự nghiệp từ thiện, lợi ích cho nhân quần chúng sinh.

Gọi là tặc trụ là người chưa thọ cụ túc giới, lén lút xâm nhập vào hàng ngũ Tăng để được lợi dưỡng, hoặc nghe lén yết ma trong Tăng đoàn, điều này cũng làm trở ngại vô cùng cho sự xuất gia. Bởi lẽ bọn họ sau khi xem và nghe luật, sinh khởi tâm kiêu mạn đối với Pháp và Tăng, đó là điều tệ hại nhất. Nhưng nếu là tặc trụ, cũng có thể thọ bát giới nếu sám hối chân thật. Cho nên người chân chính phát tâm thọ bát giới, chắc chắn là người pháp khí thân tâm an lạc.

Chương VI

Sám Hối Tất Yếu

Các pháp sự trong Phật giáo phần đông đều bắt đầu bằng lễ sám hối, đặc biệt là quy y và thọ giới, lại càng không thể thiếu phần sám hối. Người sơ phát tâm quy y Tam Bảo, nếu thực tâm muốn trở thành một người mới mẻ tu Phật, mà không chịu đúng pháp sám hối, vẫn mang đầy thói hư tật xấu cũ vào cửa Phật, thì không sao thấm nhuần được đạo pháp, để trở thành một người theo Phật hoàn toàn mới. Vì cho dù trên hình thức đã theo Phật, song tội lỗi chất chứa nơi thân chướng ngại cho sự huân tu Phật Pháp, cho nên trước tiên phải thành khẩn thiết tha sám hối, sau đó mới quy y hay thọ giới.

Chẳng những bó buộc phải sám hối trước khi quy y hay thọ giới, mà sám hối vẫn có tính cách quan trọng ngay sau khi quy y và thọ giới rồi, bởi vì hạng phàm phu chúng ta, dù có cẩn thận đến đâu đi nữa, hay vô cùng tôn trọng các giới đã thọ, song có mấy ai dám bảo đảm rằng, mình không hề phạm các giới đã thọ. Phàm phu vẫn là phàm phu, đôi khi không tránh được phiền não vọng khởi, rồi không chế ngự được mình mà phạm giới, khiến thân tâm ô nhiễm. Nếu muốn khôi phục sự thanh tịnh, còn cách nào khác hơn sự sám hối, vì vậy Phật Pháp rất coi trọng pháp sám hối. Bất cứ ai muốn vào đạo Phật hay đã vào rồi, đều phải hành pháp sám hối,

để duy trì sự thanh tịnh của thân tâm, và khỏi bị chướng ngại khi tu học Phật.

Tính chất quan trọng của sám hối chúng ta đã rõ rồi, nhưng sám hối nghĩa là gì ? Phạn ngữ là Sám-ma-tì, gọi tắt là Sám-ma. Trung quốc dịch là yếm ly (chán bỏ) hoặc cải hối. Hoa phạn hợp xưng là sám hối. Có người giải thích sám là đầu, hối là cúi xuống, có nghĩa là cúi đầu chịu tội. Trong Phật Pháp cũng vậy, những người vi phạm giới luật, chỉ còn biết thuận theo đạo pháp, cúi mình dưới chân Tam Bảo, chân thành thiết tha sám hối, biểu lộ từ nay về sau không dám làm các chuyện như vậy nữa, có vậy mới là thành tâm sám hối.

Lại có người giảng như vầy : sám là chỉ cho bạch pháp, còn hối là hắc pháp. Hắc pháp là các tội ác, nên hối cải không được tái phạm. Bạch pháp là các thiện pháp, nên cần cầu và đúng pháp thực hành, như vậy gọi là sám hối. Còn có nghĩa như sau : sám là sự tu học kể từ nay, trước kia bỏ bê không tu học các thiện pháp, từ nay trở đi thệ nguyện tinh tiến dõng mãnh tu học không ngừng. Hối là sự sửa đổi về sau, trước kia từng làm biết bao việc bất thiện, từ nay về sau thệ nguyện, tha thiết thực lòng sửa đổi. Theo hai cách giảng trên, chúng ta có thể thấy rằng : sám hối đủ cả hai phương diện tiêu cực và tích cực. Bỏ ác là mặt tiêu cực, hưng thiện là mặt tích cực. Phải bỏ ác hưng thiện như vậy mới là ý nghĩa cụ thể của sám hối.

Còn có một điểm rất quan trọng của sám hối, đó là phơi bầy các lỗi của mình, bộc bạch các tội đã gây, không dám che đậy chút nào, như vậy rồi còn phải đoạn

trừ tâm tương tục, ăn năn chán ghét các tội lỗi tự gây, tuyệt đối xả bỏ không bao giờ tái phạm. **Ấn Thuận luận sư** nói :"*Quy chế sám hối của Phật Pháp, phải bầy tỏ trước đại chúng hết mọi lỗi lầm, chịu sự xử phạt của Tăng đoàn. Trải qua một phen chân thành thống thiết sám hối, thanh tịnh mới phục hồi. Như trong bình có độc, phải đổ hết chất độc, súc bình cho sạch, mới có thể đựng vị quý được. Như vải dơ, trước tiên dùng tro hoặc xà bông tẩy cho sạch, sau đó mới có thể nhuộm. Cho nên phải như pháp sám hối, mới có thể trì luật thanh tịnh, và khiến các động cơ không thuần dần dà hợp với luật*". Vì vậy phát tâm sám hối, phải thẳng thừng bầy tỏ hết mọi tội lỗi.

Chính do như vậy mà có người nói : phạn ngữ vốn gọi là A Bát Để Đề Xá Na. A Bát Để dịch là tội. Đề Xá Na dịch là nói, có nghĩa là nói tội. Ý chỉ người học đạo nếu vi phạm giới luật không nên che dấu, mà phải thành thật bầy tỏ với đại chúng, cầu xin đại chúng chuẩn hứa cho mình được sửa đổi, bao giờ được đại chúng chấp nhận, thì tội lỗi đó được tiêu trừ, hơn nữa nhờ oai đức của đại chúng, khiến họ đối với tội lỗi sinh tâm sợ sệt không còn dám phạm nữa. Ngài **Luận sư Ấn Thuận** nói :"*Quy tắc của giới luật, không ở nơi một người, ở nơi đại chúng... Người học nên theo chân tinh thần của cổ thánh, phát lồ tội lỗi, không dám che dấu, không dám tái phạm, để thân tâm được thanh tịnh, thừa thọ vô thượng pháp vị*".

Công khai bộc bạch hết mọi tội lỗi, điều này không phải dễ làm. Bởi tâm lý chung của mọi người, không muốn người khác biết được lỗi mình, hoặc giả nếu tội nhỏ có

thể thổ lộ riêng cho những người thân, còn nếu tội nặng cho đến vợ chồng cha mẹ cũng không dám nói, cũng bởi họ biết tội lỗi là chuyện mất thế diện, hại danh dự, vì vậy mà kẻ phạm tội nhiều, người nhận tội ít, do tại nguyên nhân này, họ nào biết chính vì vậy mà cứ đắm mãi trong hố sâu tội lỗi không có ngày ra.

Đại sư Linh Phong Ngẫu Ích rất khẩn thiết bảo với những người không dám phát lồ tội lỗi :"*Người ta khi tạo tội, thực đang làm ác mà không biết xấu hổ. Nay phát lồ trước mọi người, đó là điều thiện, lại cho là xấu hổ. Cam lòng giữ ác, mà tránh điều thiện, dần dà thành ác trong ác, vĩnh viễn không có ngày ra, điên đảo ngu si, còn có gì hơn đây nữa ?*". Không làm chuyện ác, thì muốn mọi người biết, nhưng khi làm ác, do vì phiền não xung động, chẳng còn biết xấu hổ, có can đảm làm quấy. Đợi đến lúc chuyện ác đã rồi, biết rõ đó không phải là việc đúng, nhưng vì thể diện, nên che dấu không chịu tiết lộ với ai. Nào hay, vì không dám phơi bầy tội ác, nên cội gốc tội ác của họ không sao thanh tịnh được, như vậy chẳng phải là điên đảo ngu si hay sao ?

Sám hối lấy gì làm thể ? Lấy tàm quý làm thể, vì vậy có thuyết cho sám gọi là tàm, hối gọi là quý. Người ta sở dĩ tạo ác, do bởi không đủ tâm tự giác đạo đức, lại bị tâm vô tàm vô quý sai sử, nên vô tình tạo tội tầy trời, song con người vẫn có nhân tính, nên sau khi làm điều lầm lẫn, đôi khi tự vấn lương tâm và cảm thấy bất an trong lòng, hoặc cảm thấy mình không phải đối với cha mẹ sư trưởng, hoặc tự trách mình vì sao lại gây ra những chuyện quấy như vậy ? Phải biết lúc đó tâm tàm quý, tự dõng hiện ra, nhờ tâm tàm quý dõng hiện tự nhiên

sinh tâm cầu sám hối, cho rằng nếu không tha thiết cầu sám hối, từ rày về sau khó mà làm người. Người ta ở thế giới đầy tội ác này, đôi khi có thể chiến thắng được tội ác, đều do sức mạnh trọng thiện khinh ác của tàm quý.

Tàm quý có nhiều đối tượng khác nhau, nên sức phát sinh tàm quý cũng có sai biệt. Giả sử bạn có tâm tàm quý đối với thầy bạn, biết việc này là quấy, đối với thầy bạn thực không phải, nên khi thấy thầy bạn, bạn tự dưng không dám làm các chuyện quấy, nhưng vẫn có thể làm quấy khi không thấy thầy bạn, như vậy là sức tàm quý còn yếu. Giả sử bạn đối với Trời Phật phát tâm tàm quý, cho rằng nếu mình làm việc ác, tuy người khác không biết, nhưng Trời Phật đều thấy rõ, làm sao bạn dám làm chuyện không phải đối với Trời Phật. Như vậy cứ nghĩ đến Trời Phật thì không dám làm ác, nhưng hễ quên đi hay không nghĩ đến thì vẫn làm ác, như vậy sức tàm quý của bạn vẫn chưa đủ mạnh.

Tàm quý thực sự mạnh và đủ sức, chính là tâm tàm quý đối với tự thân, vì thường cho rằng ta với Phật vốn đồng một giác tính, mà giác tính của chư Phật đã từ trong muôn lớp phiền não trùng điệp bủa vây, chiếu phá hiển hiện ra, thành vị Thánh giác cao tột ở thế gian, vậy mà ta giờ vẫn là một gã phàm phu chịu sinh tử, chẳng những chưa thể tịnh hóa được giác tính, mà còn điên đảo tạo bao ác nghiệp, đối trước chư Phật, xét lại tự thân sao khỏi thẹn thùng ? Một niệm tàm quý tâm này hiện khởi, liền lập chí sửa đổi con người, không chỉ sửa sai mọi lỗi lầm trong quá khứ, còn quyết tâm không tái tạo mọi ác nghiệp, nhờ vậy dần dà khai mở giác tính

sẵn có nơi mình, mà đạt được quả chính giác. Như vậy người nào tự biết nhân cách tôn nghiêm, thì có thể khiến tâm tàm quý lìa ác hướng thiện kia hoạt động hữu hiệu, sửa các điều quấy, tu các pháp lành.

Tàm quý sám hối, là sự tu trì quan trọng của người học Phật, nó quan hệ vô cùng đến sự thanh tịnh thân tâm. Cho nên người học Phật phải coi trọng pháp này, nếu chúng ta niệm niệm tàm quý, tức chính là niệm niệm tu trì trang nghiêm thanh tịnh, đâu đến nỗi phạm giới hay tạo ác, và căn lành công đức của ta cũng được tăng trưởng trong niệm niệm. Đồng thời phải biết, các tội ác ẩn dấu trong tâm, nếu không do tâm tàm quý khởi sức sám hối, ắt nội tâm không bao giờ được an lạc. Nên trong **Giới Kinh** nói :"*Có tội nên sám hối, sám hối ắt thanh tịnh*", hoặc nói :"*Có tội nên sám hối, sám hối ắt an lạc*". Từ tâm tàm quý sinh sám hối, hiệu lực vô cùng như chúng ta đã thấy.

Chúng ta phát tâm học Phật, không phải để cầu tiêu khiển, mà để mong cầu Thánh quả, song Thánh quả không phải chỉ mong cầu là được, phải cầu bằng sự thực tiễn thực hành. Sự thực hành không ngoài hai phương diện là đoạn ác và hành thiện, nếu ác pháp không đoạn trừ, thiện pháp ắt khó tiến tu. Song phương tiện hay nhất để đoạn trừ ác pháp không gì hơn sám hối. **Kinh Lục môn Đà La Ni** nói :"*Các ma nghiệp ở nơi ta, nếu không sám hối trước, ắt không sao phát tâm duyên Vô Thượng Giác, cho nên mọi tội lỗi cần phải sám hối trước*". Một số người không chịu công phu sám hối, vì mắc bệnh cho rằng tội mình nhẹ không cần sám hối, hoặc đối với tội ác không chút bố úy, thực ra đến tội

nhẹ cũng không nên coi thường, hôm nay làm một chút, mai làm thêm chút nữa, tích thiểu thành đa, lâu dần ác nhuộm đầy tâm, sao lại không sợ ? Há lại không cần đến sám hối sao ?

Do đó, tất cả các hạnh bất thiện do ta tạo từ quá khứ, bất kể hiện phát sinh, hay chưa sinh, giờ đây phát tâm thọ bát giới, phải tận tình phát lồ tội ác của mình, khóc mà khất cầu pháp diệt tội. **Kinh Tăng Nhất A Hàm** nói : "*Nếu thọ bát quan trai, trước tiên phải sám hối các tội tạo từ trước, sau đó mới thỉnh thọ giới pháp*". Chỉ có như pháp sám hối như vậy, mới có thể đạt được lợi ích của sự cầu giới. Bởi vì giới pháp vốn thanh tịnh, nếu tâm địa mình bất tịnh làm sao lãnh thọ được giới pháp thanh tịnh này ? Có điều khi cử hành pháp sám hối, phải chí thành tận đáy lòng quyết cải đổi các lỗi xưa, triệt để tịnh hóa thân tâm, mới tiêu trừ được mọi nghiệp chướng từ vô thủy. Nếu chỉ bằng hình thức bề ngoài sám hối, thì không sao tiêu trừ được tội nghiệp. Điều này cần phải chú ý.

Chư vị đến đây thọ bát trai giới, mỗi lần truyền giới mở đầu tôi luôn luôn dậy chư vị sám hối :"*Con tên... nếu thân nghiệp bất thiện, nếu khẩu nghiệp bất thiện, nếu ý nghiệp bất thiện, bởi do tham dục, sân khuể và ngu si. Nếu đời nay, nếu đời trước, có tội như vậy, hôm nay thành tâm sám hối, thân thanh tịnh, khẩu thanh tịnh, tâm thanh tịnh, thọ hành bát giới*". Tuyên đọc lời sám hối này, chúng ta có thể hiểu rõ, tất cả tội nghiệp của chúng sinh, đều do ba nghiệp thân ngữ ý tạo thành, như sát sinh, trộm cắp là do động tác của thân tạo thành tội ác, còn nói dối, nói lời hai chiều... là do lời nói tạo thành

nghiệp tội. Các hoạt động nội tâm hướng ác là do nơi ý nghiệp phát sinh. Lìa các hoạt động của ba nghiệp thân khẩu ý, còn tội ác nào đáng kể nữa.

Đã rõ mọi tội ác đều do nhân duyên ba nghiệp sinh ra, hiện tại muốn sám hối thanh tịnh, đương nhiên phải từ nhân duyên ba nghiệp khởi sám, mới có thể khiến tội nghiệp tiêu trừ thanh tịnh, nên phải cần dùng ba nghiệp cầu sám hối. Trước khi sám hối phải đủ tàm quý, tàm quý từ tâm sinh, lấy ý nghiệp làm nhân, lễ bái là thân, xưng tán là miệng, hai nghiệp thân khẩu làm duyên. Dùng nhân duyên ba nghiệp như vậy, chí thành cầu diệt hết thảy tội chướng, ắt được tâm thanh tịnh, khẩu thanh tịnh, thân thanh tịnh, sau đó mới thọ bát giới, như vậy thân tâm mới lãnh thọ được giới pháp. Hết thảy tội chướng như ngôi nhà tối ngàn năm, tàm quý sám hối như ngọn đèn, chiếu phá bóng tối ngàn năm. Cho nên quý vị thọ giới nếu sinh đại tàm quý, chân thật sám hối, chí thành lễ Phật, chẳng những mọi sự đều thành tựu, mà ba nghiệp đều được thanh tịnh.

Quy chế sám hối của Phật giáo chẳng những phải chân thành sám hối khi thọ giới, mà thường nhật cũng phải tùy thời sám hối, nên người học Phật tốt nhất phải lập khóa sám hối hằng ngày, hoặc khi nhận thấy mình có lỗi, là phải làm lễ sám hối chí thành, quyết không để cho chút tội ác nào tồn tại, làm nhiễm ô thân tâm. Có người không biết tầm quan trọng của sự tự mình sám hối, muốn thỉnh người khác sám hối cho mình, điều này không thể được, người khác sám hối giùm, tuy cũng có công đức, nhưng như trong kinh nói, chỉ được một trong bảy phần. Nếu như tự mình sám hối, bao nhiêu

công đức mình đều được cả, hơn nữa sám hối không hạn chế thời gian, nên lấy thành Phật làm kỳ hạn mà như pháp sám hối, như vậy bao nhiêu tội chướng đều tiêu tan.

Vua xứ Ma Kiệt Đà là Tần Bà Ta La, một người Phật tử thuần thành, vì túc nghiệp đời trước nên bị con là vua A Xà Thế bắt nhốt trong ngục tối, tự biết mình nghiệp nặng, nhà vua chí thành sám hối, hướng về phía Đức Phật thưa :"*Đại Mục Kiền Liên là bạn con, xin Phật từ bi cho Ngài đến truyền bát giới cho con*". Mục Liên tuân lời Phật liền đến truyền giới cho vua mỗi ngày. Sau cùng đức Phật từ nơi miệng phóng hào quang năm mầu chiếu đến đảnh của vua, nhà vua tuy bị giam cầm trong ngục, song vẫn thấy được Đức Phật, đầu diện đảnh lễ, chứng quả A Na Hàm. Do tàm quý sám hối thọ bát quan trai giới, được công đức thù thắng khó nghĩ bàn. Phương pháp sám hối có rất nhiều cách. Nay chỉ nói công đức sám hối mà thôi.

Chương VII
Tác Pháp Lược Thuyết

Người tại gia học Phật phát tâm thọ giới, dù là ngũ giới hay bát giới, trước khi chính thức thọ giới, vị Giới sư truyền giới cần nói rõ ý nghĩa thọ giới, và giảng rõ duyên cảnh rộng hẹp cho Giới tử, để khai mở trí huệ cho họ, khiến họ hiểu rõ tầm quan trọng của giới hạnh, khích lệ họ phát khởi tâm chí duyên với cảnh tướng rộng lớn, vừa khiến họ lập thệ thực hành như vậy trong thời gian đã quy định, vừa khiến họ khởi tâm từ bi đối với cảnh giới vô biên của tình và phi tình. Có như thế giới mới tăng trưởng. Nhận thức được cảnh giới, tâm trí được khai phát, vì sao lại coi quan trọng như vậy ? Vì đó là điều chủ yếu để nạp thọ giới thể. Nếu người thọ giới không nhận thức được cảnh giới vô biên này, không mở tâm chí xa rộng, thì không sao nạp thọ được giới thể. Vậy mà hành lễ thọ giới, thực có khác gì làm trò chơi trẻ con ? Như thế làm sao không thuyết pháp khai đạo cho người thọ giới hiểu điều đó được ?

Nói gì đến thời mạt pháp này, các vị Truyền giới sư hành sự hàm hồ, mà trước dây cả ngàn năm, cũng từng sơ sót rất nhiều trong việc truyền giới, đến độ **Nguyên Chiếu Linh Chi Luật sư** của Nam Sơn Nhất Tông đời nhà Nguyên phải than thở :*"Nhiều vị Truyền giới sư không rành nguyên lý giới pháp, nên không thể giải thích được cho người thọ giới hiểu tầm trọng yếu của giới, chỉ như kẻ thuộc lòng, y theo sách vở mà tuyên đọc các giới,*

nào biết làm như vậy, không những kẻ thọ giới bị tội, mà người truyền giới cũng có lỗi lớn. Nếu cứ như vậy mà truyền giới mãi, thì giới pháp của Như Lai không những không được nâng cao, mà ngược lại còn bị hạ thấp". Quá khứ đã vậy, hiện tại còn muốn tiếp diễn nữa sao ? Quý vị mỗi lần thọ bát giới, lại được nghe thêm chút ý nghĩa của giới, mong sao các vị hiểu rõ về giới, và biết được cảnh tướng vô biên của giới.

Các vị hôm nay tuy chỉ thọ bát giới, nhưng rất liên hệ đến tiền đồ học Phật mai sau, nên khi phát tâm thọ giới, trước hết cần có sự hiểu biết đại lược đối với các giới đang thọ. Chúng ta đã biết, kinh điển của Phật giáo không phải chỉ do Phật nói mà có cả thầy năm hạng người nói, nhưng giới luật của Phật giáo, chỉ duy có Phật chế định, không ai có quyền chế. Đức Phật vì Phật tử chế đủ các giới pháp. Giới nào cũng là chế ước của mọi hành vi tư tưởng của chúng ta, chẳng hạn nơi thân không được có những hành vi bất chính, nơi khẩu không được có những lời lẽ bất hợp lý, nơi ý không được có những ý niệm tà vạy. Đó là những điều cho người mới phát tâm nên đúng pháp học tập, và ngay đến chư Phật, Hiền thánh cũng nhờ tu tập giới pháp này mà thành tựu, vì vậy nên gọi là Thánh pháp. Hiện tại phát tâm thọ giới pháp, cần nên biết cụ thể nội dung của giới pháp, để tự mình có được nhận thức chính xác.

Đã là người chân thành phát tâm thọ giới, tất nhiên sẽ được giới thể, có sức mạnh kháng lại các hành vi phạm giới sau này. Nhưng giới thể này làm cách nào phát được ? Dựa theo khuôn khổ của ngũ giới và bát giới, sở dĩ phát được là nhờ nương vào sự duyên nơi các cảnh

y báo, chính báo của pháp giới chúng sinh. Như duyên nơi mười phương ba đời tứ thánh lục phàm ở pháp giới chúng sinh thì phát được giới thể của cảnh hữu tình, còn như duyên nơi hết thảy vi trần quốc độ, sơn hà đại địa, thì phát được giới thể của cảnh phi tình. Đối với những điều này, người truyền giới pháp phải giảng giải rõ cho người thọ giới, để họ biết đối tượng phát được giới thể là gì ? Đối tượng gìn giữ giới hạnh là gì ? Nếu không, khi thọ giới đã không thể đắc giới thể, mà sau khi thọ giới rồi, vẫn không biết phải trì giới thế nào. Ngẫm coi, điều này quan hệ vô cùng đối với người thọ giới, nên người truyền giới bắt buộc phải giảng rõ, và người thọ phải học hỏi điều này.

Giới sư khi khai đạo cho giới tử, phải xem trình độ tiếp thọ của họ đến đâu, nếu cao thì phân tích cặn kẽ, nếu thấp thì chỉ bầy tổng quát, nhưng điều quan trọng nhất phải cho họ biết cảnh lượng của giới mà họ phải phát sinh là gì, nếu họ không biết chút nào điều này, ắt có thọ giới cũng vô ích. Điều đáng buồn nhất, là hiện nay người truyền cũng như người thọ, thực sự hiểu rõ được các điều trên, có được mấy người ? Từ xưa cho đến nay đều vậy, chả trách Linh Chi Luật Sư than thở, cho đó là bằng chứng không may của Phật Pháp.

Hoặc giả có người nói, thọ giới thì cứ thọ là đủ rồi, cần gì phải nói giới cảnh của nó nữa, chỉ làm cho người thọ thêm rối tâm. Trong **Tư Trì Ký, Linh Chi Luật Sư** giải thích :"*Sở dĩ chúng sinh tạo tác đủ ác nghiệp, chính vì không hiểu biết chính xác về tình và phi tình, giả như có nhận thức chính xác, đâu đến nỗi tạo nghiệp vô cùng như vậy. Tất cả ác nghiệp, đều sinh khởi từ cảnh giới*

tình và phi tình, hiện tại phát tâm thọ luật nghi giới, dĩ nhiên vẫn từ cảnh giới này mà sinh, nghĩa là cũng phải duyên nơi cảnh tượng bao la của tình và phi tình, mới có thể phát được giới thể. Đức Phật y cứ theo đó mà chế lập giới pháp. Người phát tâm thọ giới, nếu không hiểu rõ giới cảnh, ắt khi thọ giới, không thể dụng tâm lãnh thọ. Như vậy đương nhiên sự khai thị giới cảnh là điều tất yếu, không thể xem thường được".

Đã có nhận thức chính xác về cảnh sở duyên của sự phát sinh được giới thể rồi, làm thế nào khai đạo người thọ giới nương cảnh phát tâm ? Phát tâm thọ giới thì dễ, nhưng phát tâm mạnh hay kém có ảnh hưởng đến sự đắc giới thể có thù thắng hay không, nếu phát tâm kém, ắt được giới thể không thù thắng, ngược lại phát tâm mạnh ắt giới thể thù thắng, dĩ nhiên, vì phát tâm và đắc giới thuận chiều. Vì vậy Giới sư khi khai thị cho Giới tử luôn luôn khích lệ :"*Nên phát tâm thượng phẩm, cầu được giới thượng phẩm*". Có tâm thượng phẩm, ắt có trung và hạ phẩm, nhưng trong luật không nói rõ ba phẩm tâm này khác biệt thế nào. Có lẽ trung và hạ không thù thắng nên không đề cập tới.

Muốn cho người thọ giới niệm niệm liên tục phát tâm thượng phẩm, điều quan trọng nhất là trước khi thọ giới, phải được một vị Giới sư hiểu biết chính xác về giới luật, chỉ bày thêm những điều tất yếu, để có sẵn một khái niệm rành rẽ về những điều sẽ gặp khi thọ giới. Có vậy, khi chính thức thọ giới, mới đạt được sự thanh tịnh của giới thượng phẩm. Nếu không trải qua sự khai thị trước như vậy, đến khi thọ giới, mới bảo họ phát tâm thượng phẩm thì chẳng có hiệu quả gì, bởi lẽ

lúc đó nói sơ qua danh từ thượng phẩm, người thọ làm sao hiểu được tính chất trọng yếu của giới pháp, chỉ hàm hồ làm theo nghi thức truyền giới, mà thậm chí nhiều khi ngay nghi thức truyền giới đã không làm nên sự, nói gì đến chuyện đắc giới thượng phẩm, chỉ e đắc giới cũng đủ là vấn đề rồi.

Người thọ giới sau khi trải qua sự khai đạo của Giới sư, chân chính phát khởi tâm thượng phẩm, hợp cùng phép Yết Ma đúng pháp, thành sự cảnh tương ưng, nên được giới thể. Song lúc lãnh thọ điều hệ yếu của giới thể, người thọ phải lưu ý, cần phải chuyên tâm nhất ý vận dụng tư tưởng duyên khắp cảnh giới tình và phi tình, do nhờ cảnh giới được quán rộng lớn vô biên, nên tâm lượng năng duyên cũng theo đó mà rộng lớn vô hạn, lại quán tưởng tự thân đồng như hư không, biến khắp pháp giới, còn phải giữ cho quán tưởng niệm niệm phân minh, không để cho mảy may vọng tưởng xen tạp, và không được để cho tưởng duyên nơi cảnh giới vô quan này. Có vậy mới nạp thọ được giới thể, giả như để vọng niệm xen tạp, cho dù trên hình thức đang thọ giới, song thực tế vẫn không đắc được giới thể.

Chỗ này hoặc có người hỏi : thể của mạng sống người thọ giới là cái thân cao sáu thước này đây, tại sao phải quán tưởng thành như hư không rộng lớn ? Phải biết giới pháp mà ta muốn lãnh thọ, nào phải chỉ có chút đỉnh, mà nhiều như cát bụi, làm thể nào cái sinh mệnh thể chút xíu này dung chứa được các giới pháp nhiều như vậy ? Cho nên cần phải vận dụng quán tưởng, quán tự thân biến khắp pháp giới, mới dung nạp hết mọi thiện pháp của vô biên pháp giới. Đủ thấy sắc thân ngũ

uẩn hiện tiền này, tuy quá khứ là chỗ chiêu cảm của các hoặc nghiệp hữu lậu, nhưng nhờ tác pháp mà sinh khởi giới pháp nhiều như cát bụi, trôi chảy trong thân tâm của sắc thân, do vậy nhờ sắc thân này đắc được giới pháp. Khi chúng ta chính thức tác pháp thọ giới phải vận dụng công phu quán tưởng, để đưa giới pháp quy nhập thân tâm.

Điều quan trọng của thọ giới là phải được giới thể, nếu không được giới thể, thì thọ cũng như không thọ. Vấn đề là người thọ giới được giới thể vào lúc nào ? Có người cho rằng, sau khi thọ tam quy, lúc thuyết giới tướng, mới là chân chính thọ giới, và cũng mới có thể được giới thể. Nhưng thực tế chưa hẳn vậy, khi thọ xong tam quy là đắc được giới thể. Trong **Ngũ Giới Chính Phạm** nói :"*Thọ Tam quy rồi, liền đắc giới thể*". Thọ ngũ giới, tiếp theo là tuyên thuyết ngũ giới tướng, thọ bát giới, tiếp theo là tuyên thuyết bát giới tướng. **Yết Ma Chú** nói : "*Truyền Tam quy rồi nói : hướng về tam quy chính là giới thể, nay lại tam kết* (7), *là chỗ quy hướng của giới*". Đủ thấy vừa nói dứt tam quy, lập tức đắc giới thể.

Quá trình tam quy đắc giới như thế nào ? **Hoằng Nhất Luật Sư** căn cứ theo **Tam pháp thứ đệ** trong **Tư Trì ký** giải thích : "*Bất luận thọ ngũ giới hay bát giới, khi nói ba lần thệ nguyện quy y, là đã đem giới thể quy nạp nơi tâm, quá trình của nó như sau : khi nói thệ quy y biến thứ nhất, do sức quan hệ của tâm, vô biên thiện pháp ở pháp giới, có thể khiến tâm niệm chuyển động hoàn toàn, khi biến đổi ác pháp thành ra thiện pháp. Khi nói thệ quy y biến thứ hai, vô biên thiện pháp hoàn toàn tụ lại trên không, như mây che, khiến thân tâm được thanh*

lương. Khi thệ quy y biến thứ ba, vô biên pháp giới thiện pháp bỗng từ không trung rơi xuống, rót vào thân tâm, tràn đầy trong sinh mạng thể. Vô biên thiện pháp như vậy, chứa trong thân tâm, từ đó nương theo giới pháp này, tu tập định huệ vô lậu, lâu dần vượt được dòng sinh tử, đến thành Niết Bàn, được đại giải thoát".

Giới thể đã đắc được ngay khi thuyết tam quy, trước khi truyền giới đương nhiên phải nói tam quy, và tình cảnh lúc đó như sau : người phát tâm thọ bát trai giới, quỳ chắp tay trước Phật va Truyền giới sư, nói theo Giới sư : "*Con tên là....., quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, một ngày một đêm làm tịnh hạnh Ưu Bà Tắc (Di)*". Nói như vậy ba lần, tiếp theo nói :"*Con tên là....., quy y Phật rồi, quy y Pháp rồi, quy y Tăng rồi, một ngày một đêm làm tịnh hạnh Ưu Bà Tắc (Di)*". Cũng nói ba lần như vậy. Đó là theo **Trí Độ Luận**. Chỗ khác còn thêm câu :"*Như Lai cho đến bậc chính giác, là Thế Tôn của con*". Sở dĩ **Trí Độ Luận** không ghi câu này, vì đa số người thọ bát trai giới đều đã thọ ngũ giới, nên đã từng nói như vậy khi thọ ngũ giới, nên hiện tại lược đi không nói.

Trong **Văn Quy Y** dùng hai chữ Tịnh Hạnh như trên để phân biệt với bất tà dâm của ngũ giới, biểu thị người thọ bát trai giới đã không tà dâm, mà còn tuyệt dâm. Một ngày một đêm là kỳ hạn thọ giới, khác với ngũ giới là giới suốt đời. Phật Pháp Tăng là đối tượng quy y cho đệ tử Phật, nhưng danh từ Tam Bảo, vào thời kỳ đó ở Ấn, không riêng Phật giáo dùng, mà có đến 96 ngoại đạo cũng dùng từ ngữ Tam Bảo, nên để khỏi lầm lẫn giữa Tam Bảo của Phật giáo với ngoại đạo, phải xưng

đủ là quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng để chỉ rõ tôn hiệu của Phật, Pháp, Tăng, mà trong các ngoại đạo, không ngoại đạo nào đủ tư cách để xưng như vậy. "*Con tên là*" là xưng pháp danh của mình, bầy tỏ chính mình quy y, không phải quy y giùm ai.

Sau khi tam quy tam kết rồi, chẳng những đã đắc giới thể, lại còn có chỗ quy hướng, lại thuyết thêm giới tướng, để người thọ đúng pháp hộ trì. Giả như không biết giới tướng ra làm sao, thì có phạm cũng không hay, điều này thực tệ và rất nguy hại. Giới tướng nên nói thế nào ? Theo **Trí Độ Luận** : "*Như Chư Phật cả đời không sát sinh, cũng vậy con trọn một ngày đêm không sát sinh. Như Chư Phật cả đời không trộm cắp, cũng vậy con nay trọn một ngày đêm không trộm cắp. Như Chư Phật cả đời không dâm dục, cũng vậy con nay trọn một ngày đêm không dâm dục. Như Chư Phật cả đời không nói dối, cũng vậy con nay trọn một ngày đêm không nói dối. Cho đến không uống rượu, không ngồi nằm giường cao rộng, không trang sức anh lạc hoa man, không thoa ướp phấn hương nơi thân, không tự ca múa hát và cố ý xem nghe cũng giống vậy. Đã thọ tám giới, như Chư Phật cả đời không ăn quá ngọ, con cũng vậy trọn một ngày đêm không ăn quá ngọ. Con thọ hành bát giới, tùy học các Pháp Phật, gọi là Bố Tát*". Y theo văn tựa hồ có đến chín giới, nhưng thực chỉ có tám, vì sao ? Xin dành lại cho phần "Chi Số Biện biệt" sẽ giải thích. Đối với giới tướng này, trong **Yết Ma Sớ** từng giải thích : Như Chư Phật không sát sinh là đem cảnh giới thù thắng của chư Phật cùng các việc nên làm đề ra trước, từ chỗ "Con tên là" trở xuống, hiển thị Giới tử nên làm như Phật. Nói cách khác, lấy Đức Phật làm chuẩn, Đức Phật làm

sao ta làm vậy. **Trí Độ Luận** giản lược, nhưng trong các kinh luận khác, phải qua phần vấn đáp mới tuyên thuyết giới tướng. Như hỏi có thể giữ được không, được hay không, không nhất định bó buộc, tùy sức mà hành.

Trước tiên thọ tam quy, rồi cảm phát giới thể của bát giới, sau đó tuyên giới tướng, để hiểu rõ sự thọ trì từng giới. Tuy vậy vẫn chưa kể là tác pháp viên mãn, còn cần người thọ giới phải phát nguyện nữa, nếu thọ giới mà không phát nguyện, tuy có công đức, nhưng rất ít. Phải biết bát giới thuộc về hạnh, phát nguyện thuộc về nguyện. Hạnh nguyện tương ưng phối hợp, mới thành phúc huệ thắng nghiệp. Nếu chỉ có giới hạnh, không có nguyện lực duy trì, khác nào đồ gốm không qua lò nung, chung cục dùng không được. Cho nên Giới sư sau khi truyền Tam quy ngũ giới, nhất định phải bắt Giới tử đối trước Tam Bảo chí thành khẩn thiết phát thệ nguyện. Lúc phát nguyện, chỉ e người sơ tâm thọ giới không biết cách nào để phát, nên phải do Giới sư thuyết, cho Giới tử nói theo như : "*Con tên là....., chí thành phát nguyện : nay do công đức bát quan trai không đọa ác thú bát nạn biên địa, trì công đức này, nhiếp thủ hết thảy ác pháp của chúng sinh. Công đức có được, xin huệ thí đến muôn loài, khiến họ thành đạo Vô thượng chí chân, tương lai nơi ba pháp hội của Phật Di Lặc được độ tận sinh lão bệnh tử*". Nói ba lần, mỗi lần lậy một lậy, nhờ tâm nguyện này, vừa trừ được tam đồ bát nạn, vừa nhiếp thủ mọi ác pháp của chúng sinh, lại hồi hướng công đức trì giới đến chúng sinh, khiến đều thành tựu Vô thượng bồ đề. Tự thân không còn đọa ác thú bát nạn, thuộc về tư lợi, khiến chúng sinh thành

chính giác, đó là lợi tha. Tự lợi lợi tha là tinh thần vì người mà thọ giới, không phải vì mình.

Chương VIII

Chi Số Biện Biệt

Các giới của hàng đệ tử Phật thọ, phần đông có số mục nhất định, như ngũ giới của tại gia, mười giới của sa di... Nay bát quan trai giới mà quý vị thọ, hiển nhiên là bát chi giới, chẳng có gì đáng nói, nhưng từ các số mục được liệt ra trong kinh luận, lại có sai khác, ngay đến thứ tự của giới điều, cũng có sự khác biệt về trước sau. Sâu hơn nữa, còn khác về khai và hợp. Có kinh khai giới điều này, kinh khác ngược lại, sự kiện này không khỏi khiến chúng ta cảm thấy bát quan trai giới có phần nào phức tạp.

Tuy bề ngoài có nhiều sai khác, nhưng xét về thể nghĩa thì tính chất của nó vẫn không thay đổi, đã chẳng tăng cũng chẳng giảm bớt, vẫn là bát quan trai giới mà chúng ta muốn nói đến. Vấn đề ở chỗ chúng ta phải xử lý thế nào sự sai khác đó. **Luận Tỳ Bà Sa** nói : "*Do vì Cận trụ luật nghi có đủ tám chi, nơi năm tăng ba, nơi mười giảm một, hợp hai làm một, khai một làm hai*". Đó là so sánh giữa ngũ giới, bát giới và thập giới, nói rõ bát giới sở dĩ thành bát giới, là do ngoài ngũ giới tăng thêm ba giới, hoặc tại thập giới giảm bớt đi một. Đủ thấy ngũ giới, bát giới và thập giới có tính chất tương thông với nhau. Nói đúng hơn, lìa ngũ giới và thập giới ắt không có bát giới.

Trong Luận gọi là nơi năm tăng ba, ý chỉ bát giới không phải cái gì riêng khác, mà chính là ngũ giới thêm ba thành ra bát giới. Ba giới tăng thêm, trong Luận đã chỉ rõ :"*Không thoa hương thơm, đeo hoa, múa ca xem nghe*" là giới thứ sáu trong bát giới, lấy "*không nằm ngồi giường cao rộng*" làm giới thứ bẩy trong bát giới, lấy "*không ăn phi thời*" làm giới thứ tám. Bát giới theo thứ lớp như vậy, rõ ràng hợp "*không thoa hương hoa*" với "*ca múa xem nghe*" làm một. Lại ba giới tăng thêm, chính là bốn giới sau của Sa di giới. Do hợp hai giới sáu và bẩy làm một, nên chỉ còn bát giới. So với mười giới Sa di, Cận trụ luật nghi chỉ thiếu một giới "*không cất giữ kim ngân bảo vật*".

Trong Luận gọi là nơi mười giảm một, ý nói hai chúng tại gia thọ bát quan trai giới, so với mười giới Sa di chỉ bỏ bớt một là đủ. Phải biết mười giới sở dĩ được gọi là mười giới, do vì phân khai "*trang sức hương hoa*" với "*ca múa xem nghe*" làm hai giới, đó là điều trong Luận gọi là "*khai một làm hai*" và thêm giới "*không cất giữ kim ngân bảo vật*" thành mười giới Sa di. Luận theo ngũ trần thì : "*ca múa xem nghe*" chỉ hai trần sắc và thanh, "*bôi thoa trang sức hương hoa*" chỉ cho hai trần hương và xúc. Bốn trần này nhiễm ô, không dễ gây tán loạn hay trạo cử, mà dễ gây kiêu sa phóng dật, tạo chướng ngại cho việc tu học. Cho nên bất luận đã sống hay đang tập đời sống xuất gia, đều bó buộc phải xa rời những thứ này, giả sử không thể xả hẳn thứ đó, tất khó sống an trong cảnh xuất gia.

Bốn trần sắc thanh hương xúc, đã là nhân duyên chướng đạo, vì sao "*thoa sức hương hoa*" và "*ca múa*

xem nghe" lại khai hợp bất định như vậy ? Trong **Luận Bà Sa** có nói như sau :"*Vì sự trang nghiêm thay đổi tùy chỗ, nên hợp lại lập thành một chi*". Trang nghiêm ở đây có nghĩa là trang điểm, ăn mặc. Thói thường người đời, bất luận là nam hay nữ, ở đông hay tây, đều có thiên tính thích đẹp. Cứ bắt đầu đến tuổi, dù không ai dậy, cũng tự biết trang điểm, chẳng những khảo cứu giỏi về y phục, lại rành rẽ về các món trang sức, chưa đủ, còn thêm các mùi nước hoa, phấn son đủ cả bôi trên thân thể, để tăng vẻ diễm lệ cho mình, sao cho kẻ qua đường cũng phải liếc ngó. Nhưng do vì phong tục mỗi nơi mỗi khác, nên các món trang sức không giống nhau.

Một số người cho rằng đó là trang nghiêm, hay gọi theo thế tục là đẹp xinh, nào dè đó là căn nguyên của tội ác, tội ác tầy trời nào cũng do đây sinh. Đức Phật biết họa này không phải là nhỏ, nên chẳng những bắt người xuất gia phải mặc áo hoại sắc, mà đến hàng tại gia đến chùa tu học cũng phải ăn mặc chỉnh tề đơn giản, tuyệt đối không được ăn mặc hoa hoè diêm dúa. Nước hoa phấn sáp thoa thân, Đức Phật chẳng những không cho người xuất gia dùng, mà cả những người phát tâm tu học đời xuất gia cũng không được dùng, bởi vì những thứ này là những ngoại duyên có sức xúc phạm đến giới pháp.

Ca múa xem nghe, thuộc về cảnh giới mắt thấy tai nghe của hai trần sắc và thanh. Ca múa có tính cách bảo thủ của ngày xưa, mà Đức Phật còn cấm, huống hồ loại ca múa có tính chất đồi trụy của ngày nay. Những thứ làm vui tai mắt này, thoạt nhìn thì không thấy nguy hại, nhưng nếu thường tiếp xúc, chẳng những đạo nghiệp

của ta phải hủy phế, còn từ từ phát sinh dục niệm, khiến bao chí hướng trong sáng, không còn an trụ nơi Phật Pháp nữa, lâu dần bị chuyển, lìa xa Phật Pháp, đến chốn sa đọa, đắm trong ca múa không thoát ra được. Cho nên bất luận xuất gia rồi hay đang tập xuất gia, tự mình không được ca múa, và còn không được cố ý đến ca lâu vũ sảnh xem nghe.

Giới tướng của bát giới, chẳng phải chỉ có "*thoa hương trang sức*" với "*ca múa xem nghe*" hoặc khai hoặc hợp bất đồng, cũng có khi hợp "*ca múa xem nghe*" với "*ngồi nằm giường cao to*" làm một chi. Như **Tứ Phần Luật Yết Ma** và **Bát Thức Chính Phạm** đều hợp như vậy. Cho dù trong kinh luận có nhiều cách giải sai biệt, nhưng người thọ bát quan trai giới vẫn nên chấp hành nghiêm chỉnh các giới điều của Đức Phật quy định, như vậy thì vẫn không có khác biệt. Chẳng qua khi thuyết giới tướng, có khi đem điều này thuyết vào giới điều này, khi thuyết vào giới điều kia, người không biết cho là có sự sai khác, kỳ thật, chỉ bảo chúng ta, những người thọ giới pháp, không nên làm cái này cái nọ là được rồi, còn chuyện nên theo cách hợp nào, không phải vấn đề quan trọng. Cho nên chúng ta chỉ coi trọng tinh thần giới luật, bất tất coi trọng thái quá đến sự khai hợp trong văn tự.

Còn vấn đề "*giường cao rộng lớn*", thiên hạ bận rộn cả ngày, đến chiều tối ắt muốn ngủ nghỉ, để khôi phục lại sức khoẻ sau một ngày mỏi mệt, nếu không cái thân mong manh này ắt không chịu đựng nổi. Giấc ngủ chỉ để khôi phục sức khoẻ, nên chỉ cần ngủ sao cho ngon giấc, còn giường chiếu chỉ là phương tiện phụ thuộc.

Như thế nhân chú trọng giường nằm, nệm dầy trướng rũ, mềm mại thư thích, đã ngược lại khiến họ điên đảo mộng tưởng, không thể được giấc ngủ ngon lành, như vậy đâu còn đúng như ý nghĩa chính yếu của giấc ngủ nữa. Đức Phật biết điều này có ảnh hưởng nhiều đến sức khoẻ của thân thể, nên đặc biệt chế giới "*không nằm ngồi giường cao rộng*" để khiến hành giả ngay đến lúc ngủ nghỉ, cũng niệm chính đạo, tránh không để thời giờ luống không.

Giường cao rộng không được dùng, như vậy giường theo Phật chế như thế nào ? Phật chế sàng tòa, cao không quá tám gang tay Như Lai (Như Lai toàn thân cao trượng sáu thước, gang rộng hai tấc), theo thước tầu là một thước sáu tấc. Rộng ba khuỷu tay Như Lai (khuỷu tay Như Lai dài một thước tám tấc), theo thước tầu là năm thước bốn tấc. Trong **kinh A Hàm** nói rõ : "*Chiều cao thước sáu chẳng cao, chiều rộng bốn thước chẳng rộng, chiều dài tám thước chẳng to*". Theo kích thước này là thủ trì cấm giới của Như Lai. Nếu vượt qua kích thước này ắt phạm giới. Người xuất gia luôn sống đơn giản, tránh kiêu xỉ, mới tương ưng với Thánh đạo, nên các vị Tỳ kheo thời đức Phật có nhiều vị thường ngủ dưới cội cây, có vị lại qua đêm tại gò mả, chẳng khi nào nghĩ chuyện giường nằm có thư thích không. Còn như các vị ở đây chỗ nằm đơn giản, đó là tuân theo luật chế đó vậy.

Giường năm cao thấp to nhỏ, chẳng phải chỉ về mặt đo lường, mà cả về mặt chất liệu nữa. Như các nhà giầu có ngày xưa ở Trung Quốc, giường nằm cũng được điêu khắc chạm trổ tinh chí, còn đính ngọc lát vàng, cho đến

các ngọa cụ, như màn, mền, đều toàn bằng gấm vóc tế nhuyễn, hoa lệ cực kỳ. Như thế tuy về mặt đo lường không quá sự quy định của đức Phật, nhưng về mặt chất liệu lại cao xa hoa lệ thái quá, nên cũng không phải chỗ dùng của Phật tử. Nếu thọ dụng những thứ trân quý như vậy, không những thành thói quen mê nhiễm những món xa xỉ, quên cả tu Thánh đạo, mà còn tăng trưởng tính kiêu mạn cao ngạo, thành thử đức Phật không cho hàng đệ tử hưởng thụ như vậy. Chư vị ngày nay học tập đời xuất gia, nên tập các thói quen như vậy.

Sau cùng là vấn đề "*không ăn phi thời*". Có người cho giới này là giới quan trọng nhất trong bát giới, thật thì bát giới giới nào cũng quan trọng, khó mà phân biệt được giới nào quan trọng nhất. Có điều đối với người xuất gia, nên nghiêm cách sống không ăn phi thời. Tăng đoàn thời đức Phật rất coi trọng giới này, ngay đến hiện nay Tỳ kheo của các xứ Nam Tông đều như pháp nghiêm thủ giới này. Giả sử có vị Tỳ kheo nào ăn quá ngọ, chẳng những Tăng đoàn không chấp nhận, mà ngay đến tín chúng cũng không bỏ qua điều này. Nhưng ở Trung Quốc giới này đã không được xem trọng, đừng nói người xuất gia không ăn ngọ, đã không bị xã hội phê bình, mà dẫu có vị Tăng nào ăn ngọ, cũng thường bị mọi người khuyên bỏ. Chư Tăng Trung Quốc chưa từng nghiêm trì giới này, phải nói do tại hoàn cảnh mà ra cả.

Ăn uống vốn dĩ là động lực chủ yếu để duy trì sinh mạng, dù là sinh mạng của ai, nếu không ăn uống tuyệt đối không thể tồn tại. Nên trong kinh Phật nói :"*Tất cả chúng sinh đều nương vào ăn uống mà còn*". Quan sát

hiện thật ở thế gian cũng đủ thấy chưa từng có ai không nhờ ăn uống mà được tồn tại lâu dài. Thế gian sở dĩ phát sinh đủ chuyện, chỉ do vì vấn đề sinh tồn. Sinh tồn tất cần sinh hoạt, sinh hoạt tuy có nhiều mặt, nhưng ăn uống vẫn là mặt quan trọng nhất. Cho nên thế nhân đối vởi vấn đề ẩm thực luôn luôn là nhu cầu, mong sao cho mỗi bữa đều phong phú món ăn, chính vì mỗi người đều nhu cầu như thế, nên một mai cầu không toại ý, bấy giờ các hành vi bất thiện sẽ bắt đầu hiện khởi, đưa đến nhiều vấn đề nghiêm trọng cho xã hội, thậm chí gây ra bạo động đấu tranh.

Tuy chúng ta học Phật, nhưng vẫn là người phàm, nên vẫn phải dựa vào ăn uống để sống, hầu tu học Phật Pháp. Ăn uống đã là mục đích nuôi thân học Đạo, nên chỉ cần đủ nuôi sống cho thân mạng này, sao cho sắc thân đủ sức khoẻ, là đã đạt được mục đích của sự ăn uống. Không cần phải chọn lựa hay phân biệt ngon dở, càng không như tục nhân quen thói không thịt ăn không no. Đối với điều này, trong **kinh Di Giáo** đức Phật chỉ bầy cho các vị Tỳ kheo thực hay :"*Các vị Tỳ kheo, coi chuyện ăn uống, như là uống thuốc, dù ngon dù dở, cũng không tăng giảm, chỉ để nuôi thân, cốt trừ đói khát, như ong hút nhụy, chỉ lấy vị hoa, không làm tổn sắc. Tỳ kheo cũng vậy, thọ người cúng dường, để trừ tự não, không được cầu nhiều, hoại mất thiện tâm. Thí như người trí, phải lượng sức bò, chịu được nhiều ít, không nên quá phần, làm kiệt sức nó*". Dưới mắt Đức Phật, ăn uống chỉ là thứ thuốc hay trị bệnh đói khát, dù ngon dù dở, ăn uống xong hễ thấy no đủ là được, tuyệt đối không như người tại gia ăn uống không ngại chế biến mất công, hay thấy ngon thì ăn thêm chút nữa,

nếu dở thì ít đi, mà quên cả Thánh đạo mình đang tu. Đức Phật chế Tỳ Kheo thác bát xin ăn, tín chúng cúng gì ăn nấy, có đâu mà lựa chọn ngon dở. Nhưng khi Phật Pháp truyền đến Trung Quốc, do vì chế độ thác bát chưa thể thực hành, Tăng Ni tại chùa chiền, tự lo ăn uống, nên không tránh khỏi chuyện lo chọn ngon dở, thậm chí tại các chùa miếu, làm món chay ngon hơn cả món mặn, nên cả ngày bỏ hết thời gian vào nhà bếp, dĩ nhiên vì vậy phải xa lìa Phật Pháp.

Đức Phật quy định các vị Tỳ Kheo đối với việc ăn uống không được để tâm đến chuyện ngon dở, cùng chế định giới không ăn phi thời cho Tăng chúng. Sở dĩ gọi là không ăn phi thời, là vì thời gian ăn đã được quy định rõ ràng, ngoài giờ quy định này nhất quyết không ăn. Vậy thời gian nào được quy định cho ăn ? **Kinh Tỳ La Tam Muội** nói : "*Sáng sớm giờ chư Thiên ăn, giữa trưa giờ chư Phật ăn, buổi chiều giờ Súc sinh ăn, buổi tối giờ Ngạ quỷ ăn. Như Lai muốn (chúng sinh) dứt trừ lục thú (8), khiến được nhập đạo, nên chế định (thọ trai) giờ (ăn) của chư Phật*". Điều này không khác gì bảo chúng ta, Tỳ kheo chỉ được ăn một bữa giữa trưa như chư Phật, ngoài ra đều không phải là giờ ăn. Trong Kinh tuy nói vậy, nhưng vẫn có giải thích về thời thực và phi thời thực như sau : Từ sáng sớm mặt trời mọc cho đến giữa trưa là giờ ăn được, bóng mặt trời quá giữa trưa một sợi tóc, cho đến sáng sớm ngày hôm sau, là giờ không được ăn, và gọi đó là giữ giới ăn ngọ hay quá ngọ không ăn. Ăn uống là sự ham muốn lớn của nhân sinh, không có loài nào thích thú ăn uống cho bằng loài người, đức Phật vì sao nghiêm cách hạn chế sự ăn uống của người xuất gia ? Phải biết ăn uống dù là chuyện cần

cho mỗi ngày, song có vẻ là chuyện không quan trọng, nhưng nó liên quan rất nhiều đến đạo nghiệp của chúng ta. Tục ngữ có câu :"ăn no sinh dâm dục", đủ biết ăn uống là duyên tăng thượng cho dục của nam nữ. Trong luật sở dĩ Đức Phật hạn chế nhiều về vấn đề ăn uống, mục đích lớn nhất và cũng quan trọng nhất, là để chữa trị dục vọng cho nhân sinh. Vì dục là kẻ địch đối đầu làm chướng ngại cho sự giải thoát, người cầu tìm giải thoát nếu muốn đối trị kẻ địch này, phương tiện hay nhất chính là sự giảm nhẹ vấn đề ăn uống.

Giới không ăn phi thời, chẳng riêng Tỳ kheo nên giữ, mà là giới chung cho hàng ngũ chúng xuất gia, và ngay đến hàng tại gia thọ bát quan trai giới, đức Phật cũng chế định phải giữ giới này, như vậy giới này rất quan trọng đối với Phật giáo. Nói ra thực tàm quý, các vị thọ bát trai giới, đúng theo luật chế quy định, phải đối trước chư Tăng trọn đời không ăn phi thời mà thọ giới, nhưng như chư Tăng ngày nay thì thực ít người giữ giới này. Lại phần đông những vị Tăng phát tâm giữ giới không ăn phi thời này, lúc giữ lúc bỏ, khó mà chắc giữ được suốt đời. Ngay đến tôi cũng chưa thể làm được, cho nên tuy vì các vị truyền thọ bát quan trai giới, nhưng trong lòng không khỏi hổ thẹn vô cùng. Có điều vì chư vị truyền giới rồi, các vị trong một ngày đêm, có thể như pháp thủ trì thanh tịnh, vẫn là một điều tốt vô cùng.

Biện biệt phân tách chi số của bát giới, chủ yếu biện biệt sự khai hợp của tam chi sau, còn năm giới đầu cùng Cận sự luật nghi không khác, bình thời giảng cũng đã nhiều. Ba chi sau đã có sự khai hợp và thứ lớp khác nhau, sau khi đã phân tách rõ, sẵn lược giải ba chi, để

quý vị hiểu biết chính xác về bát giới. Song tôi muốn nhắc quý vị giới bất tà dâm của ngũ giới, trong bát giới phải đổi lại là bất dâm dục. Trong xuất gia luật nghi quy định hoàn toàn đoạn dâm, các vị nay học đời sống xuất gia, nên phải giữ giới cả đời không dâm của chư Phật. Nếu không trừ sạch được dâm dục, không những khó sống đời xuất gia, mà còn ngăn trở chuyện giải thoát. Đó là điều chúng ta phải lưu ý.

Theo sự phân biệt chi số, Cận trụ luật nghi của chúng ta vừa đúng tám giới, đã không tăng thành chín chi được, cũng không giảm thành bảy chi. Nhưng vì sao chỉ có tám chi ? **Câu Xá Luận** nói :"*Bốn giới chi đầu thuộc về tính tội, để phòng tính tội phát sinh, nên phải chế giới này. Giới uống rượu thứ năm, thuộc về phóng dật, vì sợ thất niệm rồi vọng tạo bốn tính tội, nên phải chế chi thứ năm không uống rượu. Ba giới sau cùng, để phòng sự kiêu dật, nên Phật chế ba chi sau*". Do đó, giản lược bằng bài tụng :

Giới, bất dật, cấm ngăn,
Tứ, nhất, tam gồm tám
Để phòng các tính tội,
Thất niệm và kiêu dật".

(Giới, bất dật, cấm chi
Tứ, nhất, tam như thứ
Vị phòng chư tính tội
Thất niệm cập kiêu dật)

Chẳng những **Câu Xá Luận** giảng như vậy, **Thành Thật Luận** cũng nói : "*Trong đó, bốn giới đầu là thật ác, uống*

rượu là của các ác, còn ba giới sau là nhân duyên phóng dật, người nào lìa năm món ác là nhân duyên phúc, lìa ba món sau là nhân duyên đạo. Cư sĩ dầu yếu kém thiện pháp, nhưng có thể khởi nhân duyên đạo, nên thành tựu ngũ thừa bằng tám giới này". Ba giới sau của bát giới, có thể xả lìa nhân duyên, không còn bị trần cảnh bên ngoài lay chuyển nữa, cho nên (có thể) làm nhân duyên thù thắng cho chính đạo, cơ sở (căn bản) cho tam thừa thánh đạo, hoàn toàn xây dựng trên các giới này. Bởi vậy phát tâm thọ bát quan trai giới rồi, không nên coi thường các giới. Vì sao ? Ba giới sau, ngõ là bình thường, nếu không nghiêm chỉnh thọ trì, thì chắc chắn ta không có phần trong xuất thế tam thừa thánh đạo, như vậy sao dám coi thường ? Nói chung, bát giới tuy là giới cho hàng tại gia thọ, nhưng thành Phật phải do nhân duyên này mà thành tựu. Như **Kinh** nói :"*Ta nay thành Phật đạo, vốn từ bát giới mà ra*". Bát quan trai giới tu học Thánh đạo quan trọng như vậy, nên tôi hằng mong mỏi quý vị phát tâm thọ trì.

Chương IX

Vấn Đề Liệu Giản

Hôm nay là lần thứ chín quý vị thọ bát giới, trong các lần trước tôi đã trình bày nhiều vấn đề liên quan đến bát trai giới, hiện tại muốn cùng các vị liệu giản một số vấn đề, để các vị trong lòng không còn mối thắc mắc nào nữa về bát giới, an tâm phụng trì hàng tháng, không còn thối tâm. Nhờ vậy, các vị có thể dựa vào công đức này băng qua khổ hải, không còn đắm chìm trong sinh tử nữa.

Thuở giờ đệ tử Phật được chia làm bảy chúng, có giới pháp khác nhau, như hai chúng tại gia có ngũ giới, Tỳ kheo và Tỳ kheo ni có cụ túc giới, Sa di và Sa di ni có thập giới, Thức xoa ma na có sáu pháp giới, còn các vị thọ bát giới thuộc về chúng nào ? Trước hết phải biết bát giới là giới một ngày đêm, còn ngũ giới thuộc giới tận hình thọ (giới suốt đời). Nếu nói bát giới thuộc về hai chúng tại gia, thì bát giới không phải giới tận hình thọ, nên tọ hồ không thuộc về hai chúng tại gia. Như thế phải quyết định thế nào ?

Bát giới không phải là giới tận hình thọ, nên nếu bảo người thọ giới này thuộc Ưu Bà Tắc (Di) ắt không khỏi có vấn đề xảy ra. Bởi thông thường có giới tận hình thọ mới gọi là Ưu Bà Tắc (Di). Song người thọ bát giới, trên thân mang giới trọn ngày đêm, lại không có tên nào để chỉ, nhưng trong học phái Phật giáo có khi gọi

hạng người này là Trung gian nhân (người ở giữa), hay Mộc xoa bát giới, ngoài bảy chúng. Như **Tát Bà Đa Luận** nói :"*Người thọ bát giới, trong thất chúng, thuộc về chúng nào ? Tuy không có giới chung thân nhưng có giới một ngày đêm, nên gọi là Ưu Bà Tắc. Nếu gọi như vậy, lại không có giới chung thân, nếu không gọi như vậy, lại có giới một ngày đêm. Nên chỉ gọi là Trung gian nhân, tức ngoài thất chúng lại có Mộc Xoa Bát Giới*". Sự thật, người thọ bát giới cũng có thể gọi là Ưu Bà Tắc, song phải thêm hai chữ Tịnh Hạnh. Nên khi thọ giới pháp, danh xưng hợp nhất là Tịnh hạnh Ưu Bà Tắc (Di).

Phần trên đã nói người thọ bát giới nằm ngoài thất chúng, là do nơi sự phân biệt của các học giả Hữu bộ về giới tận hình thọ và giới nhật dạ. Nhưng từ các kinh Hữu bộ, thành lập một phái riêng gọi là Thành Thật Luận chủ, nói trong **Thành Thật Luận**, người hành bát giới không ngoài thất chúng, bởi vì bát giới thông suốt và thu nhiếp hai chúng tại gia. Lại xét lý do Phật chế bát giới, thì chính vì tại gia chúng, gần đây **Hoằng Nhất Luật sư** trong **"Phổ khuyến xuất gia nhân thường ưng thọ bát giới văn"** tuy dựa theo **Kinh Dược Sư** chứng minh người xuất gia cũng nên thường thọ bát trai giới, nhưng người phát tâm thọ bát trai giới, dĩ nhiên đa số vẫn là người tại gia. Đồng thời người thọ bát trai giới đa số đều đã thọ ngũ giới (không thọ ngũ giới vẫn có thể thọ bát giới). Hiện tại tuy chỉ thọ giới một ngày đêm, nhưng nhờ sự tuyệt dâm, nên thắng hơn ngũ giới không tà dâm, do vậy gọi là Tịnh hạnh Ưu Bà Tắc (Di).

Các vị đều đã rõ, nếu thọ trì được đủ năm giới thì thật lý tưởng, nhưng nếu cảm thấy không thể giữ nổi các giới tôn nghiêm này, đức Phật cũng từ bi phương tiện cho, hơn nữa cũng không quy định cứng ngắc, do người phát tâm tùy sức muốn thọ trì bao nhiêu giới thì thọ bấy nhiêu, nên có mãn phần, đa phần, bán phần, thiểu phần, nhất phần Ưu Bà Tắc (Di) khác nhau. Vấn đề hiện tại các vị thọ bát trai giới có phải thọ toàn bộ hay không ? Căn cứ theo **phẩm Bát Giới** của **Thành Thật Luận** : "*Điều này cũng không nhất định, tự lượng sức mình thọ được bao nhiêu thì thọ bấy nhiêu, tuyệt đối không nên miễn cưỡng, nếu cứng ngắc quy định phải thọ hết, giả như không thể nghiêm trì, há chẳng gây thêm tội sao ?*". Cho nên chúng ta thường nói : Đức Phật chế giới rất linh động, mục đích để giúp người giải thoát, không phải để làm khó người.

Khi thọ bát quan trai giới, phải thọ từ sáng sớm trong ngày là đúng pháp nhất, nếu để sau ngọ mới thọ thì không đắc giới. Nhưng trong **Bà Sa Luận** lại phương tiện nói :"*Người phát tâm thọ giới, giả sử nghĩ rằng ngày mai mình phải thọ giới, nhưng đến lúc đó, tự nhiên gặp chuyện phải lo, quên bén mất bát quan trai, cho đến khi xong việc về nhà dùng bữa mới chực nhớ lại, vội đến thọ bát quan trai giới cũng có thể được. Nhưng điều này không những không thể coi là đương nhiên, mà phải sinh tâm tàm quý, cho rằng mình quá lơ là, từ nay về sau không được làm thành lệ*". Nếu một lần như vậy, rồi từ đó trở đi cứ vậy mà làm, thì thực trái với pháp. Mong các vị lưu ý điều này cho.

Người thọ bát giới phải thọ nơi Truyền giới sư, dĩ nhiên Giới sư phải là người xuất gia, trong ngũ chúng xuất gia, chúng nào cũng làm Bát giới sư được, chỉ cần vị này thủ trì giới không ăn quá ngọ. Nhưng hiện tại lại phát sinh vấn đề, vạn nhất không có Tăng thì ta phải làm sao để thọ giới ? Có phương tiện nào đặc biệt cho chúng ta thọ giới không ? Có thể đối trước Phật, tự nguyện thọ hành bát giới, vẫn đắc giới như thường, lõ tượng Phật cũng không có, thì phải làm sao ? Vẫn có thể thọ giới, nhất tâm hướng về không trung, trong tâm tưởng và miệng nói như vầy :"*Con nay thọ trì bát quan trai giới*", như vậy cũng vẫn đắc giới. Bởi vì pháp thân chư Phật biến khắp hư không, hành giả cứ dụng tâm chí thành, tâm cung kính, tâm ân trọng, tâm thanh tịnh mà cầu tất sẽ cảm ứng và được đắc giới.

Thọ hành bát giới là chuyện đại công đức, nhiều người phát tâm thọ giới này, đó là điềm lành, vì như thế chả những chúng tỏ tâm người hướng nhiều về thiện, còn cho thấy Phật Pháp được phổ cập hơn. Nhưng thêm một vấn đề là phát tâm thọ một lúc nhiều người hay chỉ riêng một người thọ thôi ? **Hành Sự Sao** trích dẫn **Kinh Thiện Sinh** :"*Thọ bát giới không được đông, chỉ riêng mình thọ*". Sở dĩ trong kinh nói chỉ riêng một người thọ, vì để hành giả chuyên tâm nhất ý đến giới hạnh mình thọ, không để cho tâm niệm thuần khiết này bị các hỗn loạn khác làm động. Hiện tại các vị thọ bát quan trai giới đều là nhiều người cùng thọ, trên tình lý thì không có gì hại, những đối với giới luật thì không mỹ mãn, nhưng đó là biện pháp bất đắc dĩ, chỉ mong các vị bảo trì nghiêm túc, không nên gây ồn náo.

Thọ hành bát giới dĩ nhiên là nhiều công đức, song hiện tại nếu có người trước kia làm việc cho chính quyền, rồi vì nhiệm vụ mà từng giết hay đánh đập người khác, nay phát tâm học Phật, biết điều hay của Phật Pháp, muốn đến cầu thọ bát trai giới, thì có đắc giới hay không ? Đối với vấn đề này, có thể nói :"*Bất kể quá khứ họ ác như thế nào, tạo tội đến đâu đi nữa, nay phát tâm cầu thọ bát trai giới, chỉ cần chí thành khẩn thiết sám hối các nghiệp tội quá khứ, thì vẫn thành tựu giới pháp, nếu không chịu sự sám hối, thì do các nghiệp tội sâu dầy kia cản trở, nên có thọ giới cũng không thành tựu giới pháp*".

Ngay bản thân người thọ giới cũng vậy, giả sử như xưa nay thọ trì rất thanh tịnh, chưa từng động niệm phạm giới, nhưng gặp phải ác duyên đặc biệt, bức phải bỏ giới, thử hỏi nên phương tiện xả như thế nào ? Biện pháp lý tưởng và hay nhất đương nhiên là dùng vô số các phương tiện thiện xảo, trang nghiêm hộ trì, thà mất sinh mạng này, quyết không bỏ các giới đã thọ. Còn như trong tình cảnh bất đắc dĩ, không xả giới không xong, muốn hy sinh tính mạng cũng không được, lúc đó đành phải phương tiện xả giới pháp. Khi xả giới pháp, chỉ cần một người chứng, nói rõ nhân duyên bất đắc dĩ phải xả giới là xong, không cứ phải xả giới trước chư Tăng, vì đó là bị ác duyên phải xả giới, đâu phải là ý mình muốn.

Bị ác duyên bức phải xả hoặc hủy giới, tuy vẫn là nghiệp tội, song không nặng, vì không phải ý muốn của chính mình, nên khi thoát được ác duyên rồi, chí thành sám hối để trừ diệt tội lỗi, sao cho khi sám hối cảm được

điềm lành, lúc đó mới thỉnh cầu thọ lại giới, như vậy vẫn thành tựu giới pháp. Trường hợp có người không do ác duyên, mà do tự phiền não nơi mình xung động, khiến tâm ô nhiễm, hủy phạm giới pháp của Như Lai, tội người này nặng hơn người trước, khó lòng mà sám hối để được thọ giới lại. Vì vậy phải trang nghiêm hộ trì các giới đã thọ.

Người thọ giới phải thọ trì giới thanh tịnh không được hàm hồ. Nhưng ở thế gian này, chuyện gì nói cũng dễ, làm mới khó, nhất là tịnh giới của Phật Pháp, lại càng không đơn giản như ta tưởng tượng, nên **Ấn Thuận Luận Sư** nói : "*Thọ giới thì dễ, giữ mới khó*". Như thọ bát trai giới, chả những không được giết, mà ngay đến đánh đập chúng sinh cũng không được. Có nhiều người quen thói đánh mắng người, nghĩ rằng hôm nay thọ giới nên tạm thời không đánh mắng, mai xả giới rồi thì tha hồ đánh mắng, lối suy nghĩ này, tuy hôm nay không gây tội, nhưng không thể bảo là trì giới thanh tịnh. Hoặc gặp chuyện gì xúc phạm đến ý mình, liền nổi lôi đình, hoặc có chuyện phiền não gì của mình, mà gây thương hại đến tâm ý người khác, như vậy bề ngoài xem có vẻ không có gì phạm giới, nhưng trì giới kiểu này thực là bất tịnh.

Do vậy đủ biết muốn được giới hạnh trang nghiêm thanh tịnh, phải luôn luôn kiểm điểm ba nghiệp, thân khẩu không được làm mất oai nghi, ý không được vọng khởi tham sân si. Như vậy mới được gọi là trì giới thanh tịnh, cho nên tôi thiết tha mong các vị hộ trì tịnh giới như giữ tròng con mắt, để tránh được mọi tội ác. Người thọ bát trai giới nếu có điều vi phạm giới pháp, không

những không tăng tiến các giới khác, cũng không thể sinh trưởng các thiện pháp, vì vậy phải luôn cẩn thận như pháp trì giới.

Giảng đến đây, tôi muốn kể một câu chuyện để chứng minh chuyện được mất của trì và không trì giới.

Thuở Phật tại thế, một lần Ngài thuyết pháp tại Kỳ Viên tịnh xá, có đông đủ chư Bồ Tát và Thanh Văn chúng, xế chiều có hai vị thiên nhân đến trước Phật. Hai vị này do quá khứ từng thọ bát quan trai giới, nhờ công đức này được sinh cõi trời, thân phóng hào quang, nên khi họ tới, Kỳ Viên được hào quang chiếu sáng như ban ngày, khiến toàn Tịnh xá chiếu ánh sáng vàng như bảo quang. Đức Phật biết rõ lai lịch của họ, đợi họ phóng hào quang xong, Ngài tùy theo căn cơ mà thuyết pháp cho họ. Hai người này nghe diệu pháp của chư Phật, như uống nước cam lồ, tâm khai ý giải, đốn ngộ được đạo huyền, siêu xuất tam giới, nên đảnh lễ đức Phật, trở về cõi trời. Ngày hôm sau A Nan bạch Phật : "Hai vị tiên nhân hôm qua đến cầu pháp Thế Tôn, oai tướng kỳ đặc, tịnh quang diệu mục, hơn các ánh sáng thường thấy, không biết họ nhờ công đức gì mà được phúc báo thù thắng như vậy ? Cúi mong Thế Tôn từ bi khai thị". Đức Phật liền kể cho A Nan nghe :"Cách đây không lâu, vào thời kỳ mạt pháp của Đức Phật Ca Diếp, có hai vị đạo sĩ tu cầu sinh Phạm Thiên, không những sinh cùng ngày, ở cùng nơi, lại là bạn cùng chí hướng. Nghe được sự lợi ích của Phật Pháp, nhất là sự dễ tu tập của bát quan trai giới, và công đức thù thắng của pháp tu đó, nên hai vị tu sĩ tịnh hạnh này, vốn dòng Bà La Môn, nhưng vì phát tâm cầu bát trai giới, nên chẳng

ngần ngại tìm đến chư Tăng cầu thọ giới pháp. Chư Tăng thấy hai người chí thành cầu giới, nên như pháp truyền bát quan trai giới cho họ. Hai người tuy chí tâm cầu bát trai giới, song tâm nguyện mỗi người mỗi khác, Bà La Môn lớn muốn nương nhờ công đức bát trai giới để được sinh thiên hưởng phúc báo, Bà La Môn trẻ lại muốn nhờ công đức bát trai giới để kiếp sau trở lại thân người làm vua ở thế gian.

Sau khi thọ giới, ai trở về nhà nấy, nghiêm túc trì giới, nhất là giới quá ngọ không ăn. Nhờ công đức trì giới không phạm, anh Bà La Môn trẻ sau khi mạng chung, được như nguyện thác sinh về nhân gian làm vua một nước. Còn vị Bà La Môn lớn bị người vợ bức bách quấy rầy, nên phải chìu vợ ăn phi thời, phá hỏng giới không ăn quá ngọ, do ác duyên này, không những không thành tựu ý nguyện sinh thiên mà lại đọa lạc vào đường súc sinh làm rồng. Từ đó người và thú cách biệt, mỗi người chịu quả sướng khổ của riêng mình, không nhận ra nhau nữa.

Một hôm từ suối trôi vào một quả xoài, người làm vườn vớt được đem dâng cho người chủ vườn, chủ vườn lại dâng cho người khác, rồi đến tay vua, nhà vua thuở giờ chưa ăn xoài, nay thấy ngon miệng nên muốn ăn mỗi ngày, liền ra lệnh cho chủ vườn phải dâng xoài mỗi ngày, nếu trái lệnh sẽ bị tội hình. Chủ vườn về nhà sợ hãi ngồi khóc, tiếng khóc vang đến tai rồng ở con suối này, rồng liền hóa thành một ông lão đến hỏi chủ vườn vì sao lại khóc thảm như vậy ? Chủ vườn kể rõ câu chuyện. Ông lão an ủi :"Nhà ngươi đừng buồn, lão sẽ giúp nhà ngươi có xoài mỗi ngày, có điều khi dâng xoài

lên vua, ngươi phải chuyển lời lão đến vua, bảo nhà vua rằng, lão với nhà vua vốn xưa là bạn thân đồng tu bát quan trai giới. Nhà vua nhờ giữ giới thanh tịnh, lại cầu làm vua, nên được như nguyện, còn lão vì giữ giới không trọn, nên phải chịu thân rồng. Nay muốn thoát thân này, chỉ có cách tu trì bát trai giới, nên xin nhà vua vì lão mà tìm giùm pháp bát trai giới, để lão sớm thoát thân này". Chủ vườn hôm sau dâng xoài, và chuyển lời ông lão đến vua, nhà vua nghe xong kinh sợ, ngặt nỗi thuở ấy Tam Bảo đã không còn ở thế gian, hà huống bát quan trai pháp. Nhà vua vấn kế Trí thần. Trí thần tuy nhiều mưu trí, song cũng bó tay, người cha ông ta, thấy con có điều suy nghĩ, mới hỏi lý do. Trí thần tỏ bầy mọi sự, người cha bèn bảo đổi cột nhà xem có không, quả nhiên trong cột có kinh Thập Nhị Nhân Duyên và kinh Bát Quan Trai. Trí thần mừng rỡ đem kinh dâng vua, vua đem kinh đựng trong hộp vàng, đích thân đến giao cho rồng. Từ đó rồng tại Long cung phụng hành bát giới, chuyên tu không nghỉ. Vua tại cung điện cũng nỗ lực tu bát giới, đến khi quả trổ, cả đôi bạn này đều sinh thiên hưởng phúc báo. Hai vị này trượng thừa công đức bát giới tối qua đến Kỳ Viên Tịnh Xá, thỉnh ta thuyết pháp, nghe pháp xong, chứng được thánh quả, từ nay không còn chịu sinh tử trong tam giới nữa".

Câu chuyện trên cho ta thấy công đức của bát giới, cũng như quả báo của sự trì giới không hoàn hảo, nhất nhất đều có quả báo. Các vị thọ bát giới nay đã hiểu rõ, ắt chuyện sinh thiên hưởng phúc hay giải thoát sinh tử không còn là vấn đề nữa. Nên hãy chuyên tâm phụng hành như pháp. "*Không một sát na khởi tục niệm, hay giải đãi thân tâm, cần tu lục niệm, hộ trì bát chi, nghiệp*

phiền não tận, tự nhiên thiện nghiệp khai phát. Nhân xuất thế, do đây thành tựu".

Chương X

Lục Niệm Tu Pháp

Phần này nói về pháp tu bát quan trai giới. Thông thường thọ bất cứ giới gì, mọi người cũng chỉ tiêu cực không làm điều này, tránh gây điều kia là đủ, nhưng đệ tử Phật còn có cách tu trì các giới. Bát trai giới của chư Phật chỉ vỏn vẹn một ngày đêm, nên ngoài thời gian tác pháp thọ giới, nên lợi dụng tối đa thời gian còn lại vào việc tu trì giới pháp, không để một sát na nào trôi qua luống không, có vậy mới không uổng một ngày thọ giới, gieo duyên trọn vẹn với Phật Pháp, mới chân chính thọ dụng được Phật Pháp.

Trong bát quan trai giới hội này, chúng ta đã có nghi quy tu trì, ngoài hai thời công phu sớm chiều, còn tụng niệm kinh Kim Cương, xưng niệm hồng danh Đức Phật, tối cùng các vị bàn luận các vấn đề về bát quan trai giới, để mong sao các vị đạt đến trình độ hành giải tương ưng. Trong kinh Đức Phật dậy trong ngày thọ bát trai giới, phải nên tu tập ngũ niệm, đó là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thiên. Kinh A Hàm thêm niệm Thí, thành ra sáu niệm, có ý nghĩa như sau :

Thứ nhất niệm Phật : Phật là bậc Thánh ở thế gian, bậc chính giác viên mãn, rõ được thật tướng của chúng sinh. *"Chính giác của Thế Tôn, từ mình lan đến người, rồi trải khắp thế gian, triệt ngộ tự thân và cho người, trung đạo*

giữa tâm và vật. Do trí huệ quán chiếu khởi tâm từ bi đến mọi loài". Cho nên bậc chính giác, chẳng những đạt được cứu cánh giải thoát ngay tại thế gian này, còn cứu vớt được hết thảy chúng sinh, khiến đều được Chính giác như Ngài không khác, như vậy đủ thấy đức Phật có công đức thanh tịnh bất khả tư nghì. Niệm Phật không như người ta hay nghĩ, là dùng miệng xưng thánh hiệu, mà phải tư niệm công đức vô tận của đức Phật, như niệm tướng hảo của Phật, trừ được tính nóng giận, niệm thật tướng của chư Phật chứng được, diệt được mọi ác niệm, niệm các pháp môn của Phật, trừ được sự ngu si, niệm mười danh hiệu Phật, vừa tăng tiến công đức cho mình, vừa giúp người nghe diệt được tâm khinh mạn, sinh tâm kính ngưỡng chư Phật, không dám khởi niệm ác. Lại phải biết đức Phật là bậc đầy đủ trí huệ, chúng ta nếu thành tâm niệm Phật, ắt dẫn khởi được trí huệ sẵn có của ta, lúc đó tự nhiên sẽ khuynh hướng về chân lý mà chư Phật đã thể hiện. Trí huệ không những là điều cần thiết để thế ngộ chân lý, còn là lưỡi búa sắc để chặt mọi dây rợ phiền não. Niệm Phật có thể khai mở trí huệ, dễ như vậy sao ? Niệm Phật là một pháp môn trọng yếu, chả những các vị chuyên tông như Tịnh Độ khuyên người niệm Phật, ngay đến bên Nguyên Thủy cũng có pháp niệm Phật. Song đức Phật ban đầu chỉ bầy cho người niệm Phật là muốn cho họ niệm công đức thanh tịnh của chư Phật, không phải chỉ xưng danh suông.

Thứ hai niệm Pháp : Pháp là những lời dậy của chư Phật. Pháp của Phật không nói bằng trí tưởng tượng, mà nói theo sự thật chứng. Pháp thật chứng này không gì khác hơn chân lý của vũ trụ nhân sinh, cũng là quy

luật của Đạo. Phải tuân theo quy luật của Đạo, thể ngộ được chân lý của vũ trụ nhân sinh, mới thành Phật được. Đức Phật giác ngộ được chân lý, không như thế nhân hay dấu diếm, mà lập tức chỉ bầy cho đại chúng, giúp mọi người hiểu đâu là lẽ thật của các pháp, đâu là quy luật của Đạo, hầu đạp theo dấu vết của Đạo, tiến đến cung điện của chân lý. Pháp trên lập trường tu học, vô cùng trọng yếu, đừng nói chúng ta nếu không y Pháp, không sao thể ngộ được chân lý, đến chư Phật nếu không có Pháp cũng không thể thành chánh giác. Vậy Đạo cứu cánh là gì ? Ý chỉ đức hạnh trung đạo, sự thật tiến hành trì của thân tâm, đó là hướng thượng, hướng thiện, hướng giải thoát, nói đúng hơn đó chính là bát chính đạo mà mọi người đều biết. Người hướng thượng khéo hành Bát chính đạo, ắt "có tri kiến chính xác, tất đạt được mục đích", song trong sự thực tiến hành Bát chính đạo chính là chính hạnh, không tà cũng không lệch. Như vậy "Chính hạnh hướng thượng, hướng giải thoát, đạt được cứu cánh vô thượng, thực hiện được mục đích cứu cánh này cũng gọi là Pháp. Trong kinh gọi là Vô thượng pháp, Cứu cánh pháp, cũng gọi là Thắng nghĩa pháp". Nói theo chỗ chứng là Duyên khởi chính pháp. Duyên khởi chính pháp thấu suốt trong ngoài, biến khắp mọi nơi không đâu không có, người nào chứng được nó, ắt thể ngộ được chân lý, thành bậc tự giác, tự chứng giải thoát tự tại. Vì vậy Đức Phật muốn chúng ta thường tư niệm Pháp, để thân tâm thường hành theo chân lý của Pháp, ngõ hầu sớm được tự tại giải thoát.

Thứ ba niệm Tăng : Tăng là một trong Tam Bảo, cũng là nhân vật chủ yếu của trụ trì Tam Bảo, có địa vị đặc

thù trong Phật Pháp. Trong luật tuy nói có nhiều thứ Tăng khác nhau, nhưng niệm Tăng ở đây có nghĩa niệm Chân Thật Tăng, hay niệm Thanh Tịnh Tăng. Sao gọi là Thanh Tịnh Tăng ? Ý chỉ các vị Thánh Tăng hoặc các Phàm Phu Tăng trì giới. Các vị Tăng này ở thế gian thực khó kiếm, nơi thân tâm họ có đầy đủ các món công đức, có thể nhiếp hóa thế gian, làm phúc điền cho chúng sinh. Chúng ta nếu thường tư duy quán sát theo các vị này, hoặc lễ bái cúng dường, ắt được đủ phúc đức. Sao gọi là Chân Thật Tăng ? Đó là các vị Thánh Tăng chứng được tứ hướng, tứ quả (9). Họ đầy đủ trí đức và đoạn đức (10), đủ tư cách để gọi là Đại trượng phu, như xưa nay vẫn nói, tứ hướng và ba quả đầu, đã chứng phần nào ngũ phần pháp thân, riêng quả A La Hán thứ tư chứng đủ ngũ phần pháp thân. Ngũ phần pháp thân là Giới, Định, Huệ, Giải thoát và Giải thoát tri kiến. Đến địa vị quả Thánh, bất luận tính giới (11) hay già giới (12) , những giới đã thọ đều thủ trì rất thanh tịnh, giới thể của họ không sao hoại được, nên thành tựu được Giới thân. Đồng thời không còn hoặc loạn khi tu học Bát giải thoát (13) hoặc và Cửu thứ đệ định (14), nên thành tựu Định tâm. Do trí huệ vô lậu thấy suốt được chân lý tứ đế, nên thành tựu Huệ thân. Đạt được sự giải thoát nơi các hành hữu vi, nên thành tựu Giải thoát thân. Lại đối với sự phân biệt nhân quả giải thoát, không còn mảy may thác ngộ, nên thành tựu Giải thoát tri kiến thân. Chân thật Tăng thành tựu công đức ngũ phần pháp thân này, nếu chúng ta vận dụng tam nghiệp tinh cần lễ bái cúng dường, tư niệm các món công đức của họ, ắt cũng sẽ tăng trưởng công đức của mình, đó là niệm Tăng đúng pháp.

Thứ tư niệm Giới : Giới là quy luật của đạo đức, là đệ tử Phật, tất phải hành động suy nghĩ đều trong khuôn khổ của đạo đức, hễ thấy hợp với quy luật đạo đức thì mới làm. Có vậy thân tâm mới thanh tịnh. Đệ tử Phật do thân phận bất đồng, nên giới thọ cũng có khác, như hai chúng tại gia thọ năm giới, xuất gia Tăng ni thọ Cụ túc giới, Sa di, Sa di ni thọ mười giới, Thức xoa ma na thọ sáu pháp giới. Các giới thọ tuy có khác, nhưng thọ trì theo pháp thì không khác. Thọ trì cấm giới của Như Lai, đã được công đức thù thắng, lại thêm hành động được quy củ. Theo **Tỳ Ni Nghĩa Sao** : tại gia nhị chúng thọ tam quy ngũ giới, nghe Phật thuyết pháp, có thể chứng sơ và nhị quả, thọ bát quan trai giới, nghe Phật thuyết pháp, có thể chứng được tam và tứ quả. Các vị hiện tại thọ bát trai giới, tuy chỉ có một ngày đêm, nhưng công đức rất ư thù thắng. **Ngẫu Ích Đại sư** từng nói :"*Chỉ cần nhân duyên của một ngày đêm bát quan trai tất được đầy đủ kho báu hết thảy hằng hà sa số vô lượng công đức của Phật Pháp. Trai giới là pháp giới, nhất thiết pháp đều hướng đến trai giới ắt hướng đến sự không tạo lỗi lầm, đó gọi là niệm giới*". Trai giới chỉ một ngày đêm còn được công đức thù thắng như vậy, huống hồ là các giới như ngũ giới, thập giới, cụ túc giới thọ suốt đời. Hay như tam tụ tịnh giới thọ đến tận vị lai các kiếp, thì công đức không sao tính kể được. **Kinh Hoa Nghiêm** nói :"*Thọ trì đầy đủ các oai nghi giới pháp, khiến hạt giống Tam Bảo không bao giờ dứt*". Tịnh hạnh liên quan đến sự tồn tại của Tam Bảo, nên chớ coi thường giới luật. Như thường tư niệm công đức của giới hạnh, ắt không sao vi phạm tịnh giới.

Thứ năm niệm Thiên : Đệ tử Phật tư duy công đức của Tam Bảo, đó là lẽ tự nhiên, nhưng vì sao lại phải niệm Thiên ? Thông thường đối với Phật Pháp, không nên cầu sinh thiên, sinh thiên không phải cứu cánh của Phật tử, vậy niệm Thiên còn có ý nghĩa nào khác ? Quả thực, chư thiên không phải là cứu cánh, đức Phật vẫn căn dặn, sinh thiên không phải mục đích của học Phật. Nhưng khi chưa giải thoát, hãy còn trôi lăn trong lục thú, thì phúc lạc ở cõi trời vẫn hơn xa cõi người, nên vẫn là chỗ mong cầu của con người, song không phải cứ muốn sinh thiên là sinh, cũng phải có đủ nhân duyên sinh thiên, hoặc công đức sinh thiên. Nói đúng hơn niệm Thiên không có nghĩa cầu phúc lạc ở cõi thiên, mà chính là niệm công đức của chư Thiên, nghĩ đến vì sao họ được sinh thiên, rồi so sánh tự thân xem mình có đủ các công đức này không ? Trải qua sự tư niệm như vậy, mới thấy mình có công đức tin Tam Bảo, công đức trì tịnh giới, công đức nghe Phật Pháp, công đức thí cho kẻ nghèo, công đức có trí huệ phân biệt, chính nhờ mình có đủ các món công đức như vậy, mà tin rằng không những mình có đủ công đức sinh thiên hưởng phúc lạc, mà từ từ sẽ đến được thành Niết Bàn. Có được sức tự tin như vậy, càng dõng mãnh hành thiện pháp, không còn có thể đọa lạc được nữa, đó là niệm Thiên của Phật Pháp. Lại nữa, pháp môn niệm Thiên này, trong A Hàm và Trai kinh nói là niệm lục thiên ở Dục giới, vì niệm giới được sinh thiên. Hoa Nghiêm kinh nói niệm Thiên là công đức của Đại sĩ thuộc hàng Nhất sinh bổ xứ ở cung trời Đâu Suất. Niết Bàn kinh nói niệm Thiên là niệm Đệ nhất nghĩa thiên, đó là nói sâu hơn. Còn niệm Thiên theo chúng ta ở đây là niệm công đức lục thiên như kinh A Hàm.

Thứ sáu niệm Thí : Trong Kinh Phật thuyết trai không đề cập đến niệm Thí, song các Kinh khác đều nói đến lục niệm, niệm cuối cùng là niệm Thí. **Ngẫu Ích Đại sư** nói niệm Thí có thể được nhiếp trong niệm thiên, bởi lẽ Thí là một điều kiện để sinh thiên. Trong lục niệm pháp môn có nói đến niệm Thí. Bố thí là pháp thiện lợi tha, vì tại thế giới này, nhất là Ấn Độ từ xưa đến nay, người bần cùng luôn luôn đa số, Đức Phật xuất hiện tại Ấn, cũng có thể bảo là do vì muốn cứu tế kẻ bần cùng, cho nên trong kinh điển, đều luôn nhấn mạnh đến công đức bố thí. Vì thế các vị đệ tử tại gia giầu có của Phật, thường hay bố thí rộng lớn. Như trưởng giả Lê Tư Đạt Đa, được đức Phật cảm hóa, nên thường làm "từ nay về sau, cửa không khép chặt, cũng không xua đuổi chống lại các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di cho đến các người lõ đường". Lại còn có thể "bố thí khắp bốn cửa thành, bố thí cho người nghèo khổ ở thành lớn", cứu tế người bần cùng, xả thí vật sở hữu, công đức này rất lớn. Mỗi người nên tùy khả năng mà bố thí, không những giúp người thiếu ăn thiếu mặc được no đủ, còn giúp cho mình vun trồng thêm công đức thù thắng. Đệ tử Phật, nhất là hàng tại gia, nên dùng tiền của có dư vào việc trợ giúp cho người nghèo khổ được cùng hưởng phúc lợi, như vậy tất được quả báo thù thắng. Người ta sở dĩ không chịu bố thí, vì không biết bố thí có công đức lớn, nếu thường niệm Thí ắt thích hành thí.

Lục niệm pháp môn theo **Kinh A Hàm**, chủ yếu nói cho hàng học Phật tại gia. "*Đó là bởi vì lý trí của tín chúng bạc nhược, không thể dùng trí chế ngự tình cảm, bị các cảnh sinh tử biệt ly, cô quạnh lạnh lẽo não loạn,*

cho nên dậy họ niệm - quán tưởng - công đức Tam Bảo, niệm công đức trì giới và bố thí, niệm tất sẽ sinh thiên và được an lạc". Trong **Trai Kinh** cũng nói :"*Phụng trì bát giới, tập ngũ tư niệm, đó là Phật Pháp trai, quán công đức thiên, diệt trừ ác nghiệp, hưng khởi thiện pháp, sau được sinh thiên, cuối cùng được Niết Bàn*". Như thế lục niệm pháp môn tuy nói cho tín chúng tại gia và cho người phát tâm thọ bát giới tu trì, nhưng thật ra người học Phật nào cũng cần tu sáu pháp này, nhất là pháp môn niệm Phật, nhờ niệm Phật nhiếp tâm, mà được nhất tâm bất loạn.

Các vị phát tâm thọ bát trai giới, lại khéo tu trì lục niệm pháp môn, phải biết chỗ thọ dụng không thể hạn lượng. Bởi vì trai giới và lục niệm, như ngọc như ý thường sinh ra các món bảo khác, y phục ẩm thực, kim ngân thất bảo, tùy ý mà được, nên nếu thường tập niệm, chẳng những sinh thiên không thành vấn đề, cho đến thiện căn xuất thế của tam thừa cũng dư sức tăng tiến. Chỉ có điều y theo Phật Pháp, dù thọ giới hay tu pháp môn nào đi nữa, căn bản vẫn là thanh tịnh nội tâm. Nội tâm có thanh tịnh thì tu pháp môn nào cũng thành tựu, nếu nội tâm bất tịnh có tu cũng thành ma nghiệp. Chúng ta cần phải lưu ý điều này. Muốn nội tâm thanh tịnh, phải kiểm thúc thân tâm bằng giới hạnh, tam nghiệp thanh tịnh, đương nhiên sẽ được tự tại giải thoát.

Kết Luận

Thọ giới là bước đầu nhập đạo, phàm là đệ tử Phật tất phải thọ giới, và hễ thọ thì phải chuyên tâm nhất ý phụng trì, dù trong hoàn cảnh nào hay ở đâu đi nữa, cũng phải thường ghi nhớ các giới đã thọ, thậm chí ngay đến các việc thường nhật, như ăn cơm mặc áo, đi đứng nằm ngồi, nói năng động tĩnh cũng không một giây sao lãng thủ trì giới pháp, nếu không ức niệm, ắt lúc nào cũng có thể phạm giới, như vậy thọ giới mà không cố giữ thì vừa không có ích lợi, lại còn thêm nhiều tội. Điều này trong kinh luật vẫn thường nhắc nhở chúng ta.

Bất luận thọ ngũ giới hay bát giới, đều phải thủ trì đến độ có thể hy sinh mạng sống để bảo vệ giới cho thanh tịnh. Trong **Niết Bàn kinh** kể : *quá khứ có vị Bồ Tát dùng chiếc ván trôi qua biển, trôi đến giữa biển xuất hiện một La Sát, đòi chiếc ván của Bồ Tát, Bồ Tát bảo La Sát : "Nhà ngươi muốn gì cũng được, trừ tấm ván này, đừng nói cả tấm, một miếng nhỏ cũng không được"*. Tấm ván này như giới của chúng ta, nếu thiếu một mảnh cũng đủ hại mất huệ mạng, vì vậy các vị nên cố giữ gìn giới hạnh như giữ mạng sống.

Dịch xong tháng giêng năm Kỷ Tỵ.

Chú Thích

1) **Ba ác** : Tức tam ác đạo gồm Súc sinh, Ngạ quỷ và Địa ngục.

2) **Tám Nạn** : Tám sự chướng ngại việc gặp Phật nghe Pháp nên gọi là nạn, gồm :
- Địa ngục
- Ngạ quỷ
- Súc sinh
- Uất Đan Việt (còn gọi là Bắc Câu Lô Châu) : nơi đây thọ báo khoái lạc, không còn sự khổ.
- Trường thọ thiên : Chỉ Sắc giới và Vô sắc giới, nơi đó được an ổn trường thọ.
- Đui, điếc, câm, ngọng.
- Thế trí biện thông : trí thông minh của thế gian.
- Phật tiền, Phật hậu : sinh ra trước hay sau đời có Phật.

Phẩm **Phương Tiện Kinh Duy Ma Cật** nói : "*Khi Bồ Tát thành Phật, nơi quốc độ không có ba ác tám nạn*".
Tịnh Tâm Giới Quán Pháp nói : "*Gốc sinh 484 thứ bệnh do nơi ăn đêm, gốc sinh ba ác tám nạn do nơi nữ nhân*".

3) **Tàm quý** : Là hai thiện pháp đứng đầu trong mười một thiện pháp của tâm sở.
Tàm có nghĩa tự thẹn với mình.
Quý có nghĩa hổ thẹn với người.

4) **Thất pháp tài** : Gồm bảy tài bảo dùng làm pháp xuất thế, còn gọi là Thất Thánh Tài.

1) Tín Tài : Tin mới thọ trì chính pháp được, nên tín chính là tư lương (tài) để đến quả Phật.

2) Tiến Tài : Chưa thấy lý Chân đế, song nhất tâm tinh tiến cầu đạo xuất thế, nên là tư lương để thành Phật.

3) Giới tài : Giới là căn bản của đạo giải thoát, có công năng ngăn chận và phòng hộ các lỗi quấy nơi thân khẩu ý, nên là tư lương để thành đạo.

4) Tàm quý tài : Do tàm quý nên không tạo ác nghiệp, nên là tư lương để đến quả Phật.

5) *Văn Tài* : Văn đứng đầu trong tam huệ, nhờ Văn nên Tư, có Tư mới Tu, nếu được nghe Phật thuyết Pháp, ắt khai phát diệu giải, tu hành đúng pháp, nên là tư lương để thành đạo quả.

6) *Xả tài* : Xả tức Xả thí, nếu vận dụng được tâm bình đẳng, không tác ý thương ghét, tùy sự cầu xin mà ban cấp tài vật hay thân mạng, không chút luyến tiếc, nên là tư lương để thành đạo.

7) Định Huệ tài : Định Huệ là Chỉ Quán. Định nên nhiếp tâm không loạn, đình chỉ vọng niệm. Huệ nên quán chiếu các pháp, phá tan tà kiến, nên là tư lương để thành Phật quả.

5) **Tầm Tư** : Cựu dịch là Giác quán. Thô tư gọi Giác, tế tư gọi quán, hai thứ này phương hại đến định tâm, nên tùy theo có tầm tư hay không mà xét đoán định tâm sâu hay không.

6) **Tính Tội** : Bốn giới trọng Sát, Đạo Dâm, Vọng tự tính vốn ác, không cần phải đợi Phật chế, hễ phạm phải chịu quả báo, nên gọi là Tính Tội. Còn giới ẩm tửu tự tính chẳng phải ác, đức Phật vì bảo hộ các giới kia, nên cấm không cho phạm, nếu uống là phạm tội do Phật chế, do đó gọi là Già tội.

7) **Tam kết** : Sau khi tam quy, lập lại tam quy xong thêm chữ "rồi" vào là tam kết.

8) **Lục thú** : Còn gọi là lục đạo, gồm Thiên, Nhân, Tu La, Súc sinh, Ngạ quỷ và Địa ngục.

9) **Tứ Hướng Tứ Quả** :

a) *Tu Đà Hoàn* dịch là Nhập Lưu, có nghĩa vào dòng Thánh nhân. Vị này cần phải đoạn hết 88 món sử kiến hoặc ở Tam giới mới đắc được, khi chưa đoạn được hết họi là Hướng, đoạn hết gọi là Quả.

b) *Tư Đà Hàm* dịch là Nhất Lai, còn phải sinh vào Dục giới một lần nữa. Vị này cần trừ hết kiến hoặc ở Tam giới, và đoạn sáu phẩm đầu của Tư hoặc ở Dục giới mới đắc được, khi đoạn được từ một đến năm phẩm Tư hoặc gọi là Tư Đà Hàm hướng, đoạn hết sáu phẩm gọi là Tư Dà Hàm quả.

c) *A Na Hàm* dịch là Bất Lai, không còn sinh tử ở Dục giới nữa. Vị này đoạn hết kiến hoặc ở Tam giới, còn phải đoạn cửu phẩm tư hoặc ở Dục giới nữa mới đắc được. Khi đoạn được từ bảy đến tám phẩm tư hoặc gọi là Hướng, đoạn hết chín phẩm gọi là Quả.

d) *A La Hán* dịch là Vô Sinh, vĩnh nhập Niết Bàn, không còn chịu phần đoạn sinh tử. Vị này ngoài các kiết sử ở Tam giới, tư hoặc ở Dục giới, còn phải đoạn bát địa 72 phẩm tư hoặc ở Sắc và Vô sắc giới mới đắc được. Chưa đoạn được hết 72 phẩm của Sắc và Vô sắc giới gọi là Hướng, đoạn hết gọi là Quả.

10) **Nhị Đức** : Chúng sinh vốn sẵn đủ hai đức.
a) Trí đức : chiếu soi hết thấy sự lý (liễu nhân)
b) Đoạn đức : Đoạn sạch hết mọi vọng hoặc (duyên nhân). Trí đức tức Bồ Đề, Đoạn đức tức Niết Bàn.

11) **Tính giới** : bốn giới trọng Sát, Đạo, Dâm, Vọng tự tính đã là giới, không đợi Phật chế, hễ giữ được ắt có phúc, hễ phạm tất chịu họa, nên gọi là tính giới.

12) **Già giới** : Các giới như Ẩm tửu gọi là Già giới, bởi lẽ nếu phạm các giới này tất có thể phát sinh hủy phạm các giới khác, nên Đức Phật ngăn cấm không cho Ẩm tửu. ẩm tửu tự nó vốn chẳng phải tội vậy.

13) **Bát Giải thoát** :

Còn gọi là Bát Bối Xả, tám loại thiền định trừ diệt hết mọi trói buộc của phiền não ở Tam giới.

a) *Nội hữu sắc tưởng quán ngoại sắc giải thoát* : Có nghĩa nếu nội tâm nghĩ tưởng đến sắc (vật chất) (Nội hữu sắc tưởng), tất sẽ dẫn khởi tham tâm, vì vậy quán tưởng các pháp bên ngoài đầy dẫy bất tịnh, để tham tâm không thể phát sinh, nên gọi là giải thoát (quán ngoại sắc giải thoát). Giải thoát này nương định sơ thiền phát khởi, duyên với sắc của dục giới.

b) *Nội vô sắc tưởng quán ngoại sắc giải thoát* : Tức tuy nội tâm không nghĩ tưởng đến sắc (Nội vô sắc tưởng) song muốn cho tâm không tham thêm kiên cố, nên vẫn hằng quán tưởng các ngoại pháp đầy bất tịnh, để tham tâm vĩnh viễn không sinh khởi, nên gọi là giải thoát (quán ngoại sắc giải thoát), nương nhị thiền phát khởi, duyên với sắc của sơ thiền.

c) *Tịnh giải thoát thân tác chứng cụ túc trụ* : Nhất tâm quán tưởng các sắc quang minh, thanh tịnh, kỳ diệu gọi là Tịnh giải thoát. Khi quán tưởng tịnh sắc này, khiến tham tâm không thể sinh khởi, chứng minh tâm tính này đã giải thoát nơi thân nên gọi là Thân tác chứng. Lại sức quán tưởng này đã hoàn toàn viên mãn, đủ an trụ nơi định này nên gọi là Cụ Túc trụ. Giải thoát này nương tứ thiền sinh khởi, duyên với sắc của dục giới.

d) *Không vô biên xứ giải thoát*.

e) *Thức vô biên xứ giải thoát*.

f) *Vô Sở hữu xứ giải thoát*.

g) *Phi tưởng Phi phi tưởng xứ giải thoát* : Bốn thứ giải thoát (từ không vô biên đến phi tưởng) này nương vô sắc định sinh khởi, nơi định đắc được quán tưởng Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã, khiến tâm xả bỏ hết thảy, nên gọi là giải thoát.

h) *Diệt thọ tưởng định thân tác chứng cụ túc trụ giải thoát* : Diệt thọ tưởng định còn gọi là Diệt Tận Định. Đã có năm căn, nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, tất phải lãnh thọ năm trần : sắc, thanh, hương, vị, xúc, do vậy phát sinh đủ mọi vọng tưởng. Nếu đủ sức định diệt trừ được thọ tưởng, tất sẽ diệt trừ được hết mọi vọng tưởng, nên gọi là Diệt tận định.

14) **Cửu thứ đệ định** : Từ Sơ Thiền Thứ Đệ Định đến Tứ Thiền Thứ Đệ Định (trở lên gọi là Sắc Giới Tứ Thiền Thiên Căn Bổn Định). Không Xứ, Thức Xứ, Vô Sở Hữu Xứ và Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Thứ Đệ Định (trở lên là Vô Sắc Giới Căn Bản Định Cư Tứ Xứ) cùng Diệt Thọ Tưởng Thứ Đệ Định, tất cả gọi chung là Cửu thứ đệ định. **Trí Độ Luận** giải : Thế nào gọi là Cửu Thứ Đệ Định ? Đáp : Người tu thứ lớp vào Sơ Thiền, Nhị Thiền, Tam Thiền, Tứ Thiền, Không Vô Biên Xứ Định, Thức Vô Biên Xứ Định, Vô Sở Hữu Xứ Định, Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng Xứ Định dẫn đến vào Diệt Thọ Tưởng Định mà không để cho các tạp tâm xâm nhiễm. Tu lớp lang như vậy gọi là Cửu thứ đệ định.

Phụng Khuyến Tăng Tục
Nam Nữ Phổ Trì Bát
Quan Trai Giới Văn

Từ Hàng Lão Pháp Sư
Hưng Từ Lão Pháp Sư

Phụ Lục

Phụng Khuyến Tăng Tục Nam Nữ Phổ Trì Bát Quan Trai Giới Văn

TỪ HÀNG LÃO PHÁP SƯ DUYỆT CẢI HƯNG TỪ LÃO PHÁP SƯ GIÁM ĐỊNH

A- THUYẾT MINH Ý NGHĨA VÀ MỤC THỨ KHUYẾN TRÌ TRAI GIỚI.

Bát quan trai giới là cầu qua bờ sinh tử, là đèn soi sáng bóng đêm vô minh. Trong kinh **Bồ Tát Xử Thai** xưng tán bát quan trai giới là mẹ sinh chư Phật. Vì vậy bất luận Tăng tục nam nữ đều nên thọ trì, Ưu bà tắc và Ưu bà di tại gia cùng các thiện nam tín nữ tịnh tín đều nên thọ trì giới này để làm bậc thang xuất thế. Năm chúng xuất gia cũng nên thọ trì, bởi lẽ giới tướng của bát quan trai giới, tuy sẵn đủ trong Sa di và Cụ Túc giới, song vì để tăng trưởng công đức (lý do tăng trưởng công đức, xem câu vấn đáp thứ năm ở phần sau), chẳng ngại gì tái thọ giới này.

Bản văn này trước hết hiển bày công ích thọ trì bát giới, theo thứ tự phân làm mười hai điều, mỗi điều đều trích

dẫn kinh để chứng minh về nhân quả trì giới, mục đích giúp người đọc phát khởi tín tâm và vui thích hành theo. Sau đó chú thích danh nghĩa, trình bày thọ pháp, phân tích các điểm dị đồng trong phép Khai Già. Lập ra sáu câu vấn đáp để thuyết minh những điểm dễ hoài nghi nơi sự thọ trì bát giới, hầu giúp mọi người đều như pháp thọ trì, để hiểu rõ được giới quan hệ thế nào đến bản thân, và có thể hành trì theo đúng sự hiểu biết, hầu không còn thối tâm nữa. Sau cùng trích lời Phật dậy về mối họa hoạn của người xuất gia do vì không trì bát giới, để cảnh sách họ. Chỉ thẹn học thức thiển lậu, giới luật chưa được thấu đáo, không khỏi sai lầm, nhiều điều chưa biết, ngưỡng mong Đại Đức các nơi, chỉ dạy thêm cho, thực là bỏ đá thêm ngọc, được nhiều thực lợi, còn mong gì hơn.

B. CÔNG ÍCH DẪN CHỨNG.

Công ích thọ trì trai giới, chỉ Phật trí mới biết rõ, do lời Phật mới tin nổi. Nay phân làm mười hai việc, dẫn kinh Phật minh chứng.

1) Thoát ly bệnh khổ :

Phàm muốn giữ gìn thân thể luôn được mạnh khỏe, hoặc chán sợ bệnh khổ, muốn cầu mau thoát, không thể không trì.

Theo **kinh Cửu Hoành**, Phật dạy chín nguyên nhân đưa đến hoành tử, bốn thứ đầu đều do ăn uống bừa bãi, thứ năm do đường tiêu hóa không tốt, đủ thấy vấn

đề ăn uống liên quan mật thiết đến sức khỏe. Nếu y theo Phật dạy, sau ngọ không ăn, tất trong không túc thực (gây bội thực), ngoài không hạ phong, thân được an ổn không tật bệnh, tâm được dễ định lại ít hôn trầm (**Kinh** nói : *Sau ngọ không ăn được năm phúc : ít dâm ít ngủ, được nhất tâm, không hạ phong, thân được an ổn, hoặc giả không họa túc thực*). **Kinh Dược Sư** nói : "*Nếu có người bệnh muốn thoát bệnh khổ, hãy vì người này mà thọ trì bát trai giới trong bảy ngày đêm*".

2) Tiêu diệt tội chướng :

Phàm muốn sám hối tội chướng, không thể không trì.

Kinh Ưu Bà Tắc Giới nói :"*Thọ trì bát giới, ngoài năm tội nghịch, tất cả các tội khác đều được tiêu trừ*". **Kinh Niết Bàn** nói :"*Phật dậy xứ Ba La Nại có đồ tể tên Quảng Ngạch, mỗi ngày sát hại rất nhiều dê. Gặp được Xá Lợi Phất, thọ bát giới một ngày đêm, do nhân duyên này, mệnh chung sinh làm Thiên Vương Tỳ Sa Môn ở Bắc Phương*". Nghiệp sát nặng như đồ phu, còn trượng thừa công đức thọ trì trai giới một ngày đêm mà diệt trừ được, huống chi các tội khác nhẹ hơn.

3) Miễn trừ hoành họa :

Nếu muốn gia đình và thân thể được yên ổn, không bị các thứ tai họa bất ngờ, không thể không trì.

Kinh Tứ Thiên Vương nói :"*Chỗ nào có người trì giới này, quỷ dữ phải lánh xa, trụ xứ đó nhờ vậy yên lành, vì vậy trong sáu ngày trai, thọ trì trai giới, được phúc rất*

nhiều". Lại **Kinh Pháp Cú Thí Như** nói :"*Phu nhân vua Ưu Điền, vào ngày thọ trai, vua vời không đến, gọi đến ba lần, vì đang trì trai nên không tới, vua liền nổi giận, sai người lôi ra, khiến bắn cho chết, nhưng tên bay ngược lại vua, lần nào cũng vậy, khiến vua đâm sợ hỏi phu nhân có pháp thuật gì mà khiến được như vậy. Phu nhân đáp rằng : "do nơi phụng kính Như Lai, quy mạng Tam Tôn, phụng trì trai pháp, quá ngọ chẳng ăn, cùng hành tám giới, không gần các món trang sức, tất được Thế Tôn hộ trì như vậy". Vua liền theo phu nhân đến Phật nghe Pháp, tâm được tỏ ngộ.*

4) Viễn ly ác thú :

Nếu có người hạnh kiểm không tốt, sợ bị đọa ác đạo, không thể không trì.

Kinh Thập Thiện Giới nói :"*Người trì bát quan trai, thứ nhất không đọa địa ngục, thứ hai không đọa súc sinh, thứ ba không đọa ngạ quỷ, thứ tư không đọa Tu La, nên bát giới được gọi là Bát thắng pháp*".

5) Phúc báo ưu hậu :

Nếu có người sợ đời loạn lạc khan hiếm gạo thóc, chịu khổ đói khát, không thể không trì.

Phật Thuyết Hộ Tịnh Kinh nói :"*Một ngày trì trai, được sáu mươi vạn đời dư ăn*". **Luận Tát Bà Đa** dẫn kinh nói : "*Vua cõi Diêm Phù Đề được làm chủ hết thảy báu vật, không bằng một phần mười sáu công đức bát trai giới*". Kinh còn nói :"*Phật dạy vua Ba Tư Nặc, phúc của trai*

giới, tỏa rộng lan xa, thí như các món trân bảo, đầy cả mười sáu nước, đem bố thí không bằng một ngày đêm thọ trì Phật trai Pháp. Nếu so sánh phúc đức hai việc này khác nào Tu Di với hạt đậu".

6) Mau chóng thành tựu :

Như người tuổi cao sức kém, sợ không còn ở thế bao lâu, hoặc thân giam nơi lao ngục, tính mệnh khó toàn, muốn thành tựu hạnh thù thắng trong một thời gian cực ngắn, không thể không trì.

Bát quan trai trì pháp kỳ hạn trong một ngày đêm, thời gian cực ngắn song công đức rất thù thắng. Kinh kể : "*Phu nhân vua Ưu Đà Tư, tứ tướng hiện bầy, mạng sống chỉ trong bẩy ngày, nên muốn cầu xuất gia. Vua vì nặng tình mãi đến ngày thứ sáu mới thuận. Phu nhân liền xuất gia thọ bát trai giới, đến ngày thứ bẩy mạng chung được sinh cõi thiên*". Hay như trong **Kinh Phật Thuyết Vô Lượng Thọ** nói :"*Vua Tần Bà Ta La bị Thái tử A Xà Thế giam trong bẩy lớp ngục thất, từ xa hướng về Thế Tôn, lễ lậy cầu được Mục Kiền Liên truyền cho bát giới*". Phàm lúc sinh tử nguy cấp, thọ trì bát giới, do nhờ công đức của giới này dễ được thành tựu.

7) Đời sau được tôn quý :

Nếu muốn cầu đời sau làm vua trong thiên hạ, không thể không trì.

Phật thuyết Phổ Đạt Vương Kinh kể :"*Khi tiên vương tại thế, có đứa trẻ để chỏm, trai giới theo tiên vương một*

ngày đêm, phụng hành chính pháp, giữ ý thanh tịnh, sau này mạng chung, thác sinh làm vương tử, nay được tôn quý, đều do nhân đời trước thọ trì trai giới". **Kiền Đà Quốc Vương Kinh** nói :"*Phật dậy, thời Phật Câu Na Hàm Mâu Ni, Vua và Ngưu là anh em, cùng làm Ưu Bà Tắc trì trai giới một ngày đêm. Vua do tinh tiến giữ pháp, không dám lười mỏi, nay sinh làm Quốc Vương*". **Bách Dụ Kinh** kể :"*Phật dậy, thời Ca Diếp Phật, có hai Bà La Môn, cùng thọ trai pháp, một người cầu sinh thiên, một người cầu làm vua, thọ lãnh giới xong trở về trụ xứ, các Bà La Môn nài mời cùng ăn, người cầu sinh thiên, do phá trai không thành ước nguyện, người kia không ăn, được thành quốc vương*".

8) Được sinh thiên thượng :

Nếu muốn cầu đời sau sinh thiên, không thể không trì.

Kinh kể có một thiên nữ, dung mạo đoan nghi, vượt hơn mọi kẻ khác, chư Thiên hễ thấy, đều sinh tâm hy hữu. Thích Đề Hoàn Nhân hỏi do tạo nghiệp gì đời trước mà được phúc báo như vậy. Thiên nữ dùng kệ đáp : "*Xưa nơi Ca Diếp Phật, thọ trì bát trai giới, nay được sinh thiên thượng, được phúc báo đoan chính*". Phật tại Xá Vệ Quốc, có năm trăm Thiên tử, quang minh biến chiếu Kỳ Hoàn Lâm, cùng đến lễ Phật. A Nan thưa hỏi nhân duyên của chư Thiên tử. Phật kể xưa có năm trăm Long tử, phụng tu trai pháp, sau khi mệnh chung, sinh Đao Lợi Thiên. Năm trăm Long tử, nay là năm trăm Thiên tử.

9) Trợ duyên vãng sinh :

Như muốn cầu sinh Tịnh Độ, không thể không trì.

Kinh nói :"*Trung phẩm thượng sinh, là nếu có chúng sinh, thọ trì năm giới hoặc bát trai giới, tu các thiện giới không tạo ngũ nghịch, không làm các lỗi, dùng thiện căn này hồi hướng , nguyện cầu sinh về Tây Phương Cực Lạc thế giới*". Lại nói :"*Trung phẩm trung sinh, là nếu có chúng sinh, hoặc một ngày đêm trì Bát trai giới, hoặc một ngày đêm trì Sa Di giới, hoặc một ngày đêm trì Cụ Túc giới, oai nghi không khuyết, do công đức này hồi hướng, nguyện sinh Cực Lạc thế giới*". Như Kinh dẫn chúng, đủ biết muốn cầu vãng sinh Cực Lạc thế giới, không thể không trì trai giới. Nên **Viên Trung Lang** nói : "*Điều cấp bách phải phát sinh giới, nguyện người niệm Phật cùng tôi ghi nhớ lời này*".

10) Lâm chung hoan lạc :

Nếu công phu niệm Phật chưa đạt tới mức nhất tâm bất loạn, sợ sau khi mạng chung không chắc được vãng sinh, không thể không trì.

Dược Sư Kinh :"*Nếu có thể thọ trì bát phần trai giới, hoặc một năm, hoặc ba tháng, do thiện căn này, cầu sinh Tịnh Độ, nhưng chưa nắm chắc được, nếu nghe thấy danh hiệu Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, lúc mạng chung, có tám vị Bồ Tát (Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát, Đắc Đại Thế Chí Bồ Tát, Vô Tận*

Ý Bồ Tát, Bảo Đàn Hoa Bồ Tát, Dược Vương Bồ Tát, Dược Thượng Bồ Tát và Di Lặc Bồ Tát) dùng thần thông đến, hướng dẫn chỉ bày, được hóa sinh nơi thế giới Vô Lượng Tạp Sắc Chúng Bảo Hoa". Vì vậy người thường hay nghiêm trì trai giới, dù công phu niệm Phật hãy còn khiếm khuyết, khi mạng chung chưa thấy được Phật A Di Đà tiếp đón, song nhờ công đức trì trai có tám vị Đại Bồ Tát dẫn đạo vãng sinh Cực Lạc. Phật không luống dối, quyết chẳng gạt người. Hành giả tín niệm vững chắc lời này, ắt không bối rối, không sợ sệt lúc quỷ vô thường hiện đến, Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai mở bầy phương tiện này, không ngoài mục đích giúp người niệm Phật vào giờ phút nguy biến của sinh tử, được bảo đảm vãng sinh. Nên **Pháp Hải Quán Lan** nói : "*Nếu khi mạng chung gân cốt đau nhức, bao nhiêu quyến thuộc sắp phải xa lìa. Hãy nhớ rằng ta có thanh tịnh giới, giúp cho thân tâm an lạc không còn sợ lo*". Nguyện người niệm Phật cùng tôi, nghiêm tịnh trai giới, để nắm chắc được hoan lạc trong giây phút cuối cùng.

11) Được thân đủ tướng hảo :

Nếu thấy Phật tướng hảo, tâm sinh hoan hỉ, muốn trong đời sau tu được thân này, không thể không trì.

Kinh Trường Trảo Phạn Chí Thỉnh Vấn kể :"*Có Bà La Môn hỏi Phật tạo nghiệp gì đời trước, được thân đủ mọi tướng hảo. Phật mỗi mỗi đáp do nghiệp lực gì đời trước, được quả như vậy*". Lược kể như sau :
Hỏi : Làm sao được thân Kim Cương bất hoại ?
Đáp : Do đời trước xa lìa nghiệp sát hại hữu tình.

Hỏi : Làm sao được tướng có màng mỏng giữa các ngón tay ?
Đáp : Do đời trước xa lìa nghiệp trộm cắp của người.
Hỏi : Làm sao đạt được đầy đủ sắc lực, các căn viên mãn ?
Đáp : Do đời trước xa lìa dục nhiễm nam nữ.
Hỏi : Làm sao đạt được tướng lưỡi dài rộng che hết mặt ?
Đáp : Do đời trước xa lìa lời dối trá gạt người.
Hỏi : Làm sao được tướng oai nghi từ tường như sư tử đi ?
Đáp : Do đời trước xa lìa các chỗ rượu chè buông lung.
Hỏi : Làm sao đạt được vi diệu tướng hảo trang nghiêm thân này ?
Đáp : Do đời trước xa lìa các thứ ca múa phô sắc.
Hỏi : Làm sao đạt được hương thơm thượng diệu tỏa ra nơi thân ?
Đáp : Do đời trước xa lìa các món trang sức hương hoa anh lạc.
Hỏi : Làm sao đạt được toà Kim Cương thắng diệu ?
Đáp : Do đời trước xa lìa các thứ giường kiêu xa cao rộng.
Hỏi : Làm sao đạt được tướng bốn mươi răng trắng sạch đều dặn ?
Đáp : Do đời trước xa lìa các bữa ăn phi thời.
Hỏi : Làm sao đạt được nhục kế viên mãn trên đỉnh ?
Đáp : Do đời trước nơi chốn đáng cung kính, năm vóc sát đất, không chút mạn tâm chí thành đảnh lễ.

Bấy giờ Bà La Môn thấy Phật nói nhân quả không sai dối, liền bạch rằng :"*Phúc này gọi là gì ? Làm sao để thọ trì ?*". Phật đáp :"*Đây gọi là bát chi tịnh giới, nếu có thể một ngày một đêm hoặc thường theo Chư Tăng thọ trì, được quả như vậy*".

12) Duyên thành Phật đạo :

Nếu muốn mau thành Phật đạo, không thể không trì.

Kinh A Hàm nói :"*Trì bát trai được hết lậu hoặc, vào thành Niết Bàn*". Lại nói :"*Muốn thành Thanh Văn, Duyên Giác, Phật thừa, đều được như nguyện*". **Long Vương Kệ Duyên** trong **Kinh Tạp Bảo Tạng** nói :"*Phật tại Vương Xá Thành, Đề Bà Đạt Đa đến chỗ Phật, dùng lời ác hủy báng. A Nan nghe thấy, sinh tâm giận dữ đuổi Đề Bà Đạt Đa đi. Phật kể lại nhân duyên đời trước : Xưa tại Ca Thi Quốc, có hai anh em Long Vương, tên Đại Đạt và Ưu Bà Đại Đạt thường thọ trì bát trai giới vào các ngày trai, do Quốc Vương hay phạm giới sát, khuyên mãi không thay đổi, nên bỏ đi nơi khác, gặp ác Tiểu Long, Tiểu Long biết mình không bằng, sinh lòng ghen ghét mắng nhiếc. Ưu Bà Đại Đạt muốn diệt Tiểu Long, Đại Đạt khuyên ngăn, trở về chốn cũ. Tam Long đó chính là Như Lai, A Nan và Đề Bà Đạt Đa.*"

C- LƯỢC THÍCH DANH NGHĨA :

Bát quan trai giới trong các kinh hoặc gọi Bát phần trai giới, hoặc Bát giới trai, hoặc Bát chi tịnh giới, hoặc Bát chi trai pháp, hoặc gọi tắt Bát giới. Tên tuy có khác nhưng thực đồng là một. Theo **Câu Xá Luận**, một là sát sinh, hai không cho mà lấy, ba phi phạn hạnh (khác với tà dâm trong ngũ giới), bốn là hư dối, năm là uống rượu, sáu là trang sức hương hoa đờn ca múa hát, cố ý xem nghe, bảy là ngồi nằm giường cao rộng kiêu xỉ, tám là ăn phi thời. Lìa tám phi pháp này gọi là Bát giới. Giới

thứ tám phi thời thực là trai pháp, nên gọi chung là Bát trai giới. Theo **Tát Bà Đa, Thành Thật Luận, Trí Độ Luận** phân thoa sức hương hoa và múa hát xem nghe làm hai giới, tổng cộng chín giới. Tám thứ đầu là giới, thứ cuối là trai, gọi chung Bát trai giới. Nếu phân giải nghĩa của trai và giới, thì trong sạch tâm ô nhiễm là trai (trai là ngay ngắn, ngay lại tâm này, hoặc nói là trong sạch, tĩnh nhiếp ý nghi. Nhàn thất ở ngoài đời cũng gọi là trai). Cấm ngăn các lỗi của thân là giới. Quan có nghĩa do phụng trì trai giới này đóng được cửa tam ác đạo.

Thực (ăn) trong luật chia làm thời và phi thời, từ minh tướng xuất hiện cho đến nhật trung (đúng ngọ, mặt trời đứng bóng) là thời. Từ nhật trung cho đến minh tướng (bình minh) xuất hiện là phi thời. Thời nên ăn, phi thời không nên ăn. Trai chỉ cho thời thực. Thời và phi thời nghĩa như thế nào ? **Luận Tát Bà Đa nói :**"*Từ sáng sớm đến nhật trung, thế nhân làm việc, buôn bán, ăn uống, nên gọi là thời. Từ ngọ đến giữa đêm, tiệc tùng vui chơi, tìm thú hưởng lạc, Tỳ kheo du hành ắt có chỗ phạm, nên gọi phi thời*". Lại vì Phật muốn chúng sinh đoạn trừ nhân lục thú, nên dậy chúng sinh ăn như chư Phật. Sáng sớm là giờ chư Thiên ăn, nhật trung là giờ chư Phật ăn, mặt trời hướng tây là giờ Súc sinh ăn, mặt trời lặn là giờ Quỷ thần ăn. Tỳ kheo học Phật, ăn lúc nhật trung, đó là nghĩa của thời.

D - PHƯƠNG PHÁP THỌ TRÌ :

Nếu thọ từ chư Tăng, ắt có nghi quy, nên văn này lược bớt (nghi đó). Như trước mắt không có Tăng, trong

Luật Nam Sơn cho phép được tự thệ thọ giới trước Phật, còn như thọ dài hay ngắn, hoặc một ngày đêm, hoặc mỗi tháng sáu ngày trai, hoặc mỗi năm ba tháng, hoặc một năm, hoặc tận hình thọ, tùy theo chí nguyện hoặc sức mỗi người mà tự quyết định. Thời gian thọ giới nên vào sáng sớm hoặc vào mỗi ngày trai nhật, thọ trước Phật tượng, cho dù tận hình thọ cũng chỉ cần thọ một lần, tùy theo ý mình. Một ngày một đêm là do vì trì pháp của giới này từ nhật trung đến sáng sớm minh tướng xuất hiện là viên mãn. (Nguyên văn : Tự nhật trung chí lập thần minh tướng xuất hiện, tức vi viên mãn). Nếu trời chưa sáng, đốt đuốc lên ăn, kể như là phá trai, phải chú ý điều này. Mỗi tháng sáu ngày trai, **Trí Độ Luận** nói : "*Ngày tám Thiên vương sứ giả hạ thế, mười tư Thái tử hạ thế, mười lăm Thiên vương tự hạ, quan sát thiện ác chúng sinh. Hai mươi ba, hai mươi chín, ba mươi cũng vậy, tháng thiếu thì vào ngày hai mươi tám, hai mươi chín*". Ba tháng trai là tháng giêng, năm và chín, gương nghiệp ở minh giới quay chiếu Nam Châu, mọi việc thiện ác đều hiện nơi gương, vì vậy cần phải tu thiện. Theo **Dược Sư Kinh**, thọ trì một năm cho đến tận hình thọ là bổn phận của người xuất gia nên làm.

E - KHAI GIÀ DỊ ĐỒNG.

Đồng một sự việc hoặc khai hoặc già, hoặc khoan hoặc nghiêm tùy theo mỗi luật. Về vấn đề "thực" trong luật văn sao trích sau đây, phân làm ba loại. Thứ nhất trì pháp tối nghiêm, thứ hai ít nghiêm hơn, thứ ba ít nghiêm hơn nữa, để giúp người trì trai ai cũng có thể

hành theo sức kham năng của mình, còn như bẩy giới kia, pháp khai già nên nghiên cứu theo Luật, nơi văn này lược bớt không đề cập đến.

1) Khai già thứ nhất :

Tăng Kỳ Luật :"*Nơi chính trung (chính ngọ) gọi là thời phi thời, nếu ăn cũng bị tội nhẹ. thời quá trong một nháy mắt một cọng tóc, ăn là chính phạm*". Chính trung còn phạm, vì vậy nên phải ăn trước nhật trung ; thực thời trong Kinh thường là thìn ty, Cổ Đức giữ mão trai, giữ trai như vậy là điều cấp bách, đó gọi là thời thực. Như **Sớ Sao** đối với các thứ đậu, cốc, lạc (bơ) bánh quả cơm rau, hay nước gạo (cơm), nước bột, thánh giáo cho phép dùng nên gọi là thời thực, vào phi thời không được dùng bừa. Còn như nước trong của hoa trái cùng mật, và các vị thuốc mặn đắng cay ngọt không phải thức ăn, như hồ thục, hoàng kỳ, ba loại này không phải thời thực. Nếu có bệnh hòa với nước, phi thời phải tác pháp mới được phép dùng. **Nội Pháp Truyện** nói :"*Trong răng còn dính đồ ăn, nơi lưỡi còn vị nồng, không dùng nước trong súc miệng, nếu nước bọt có tiết ra phải nhổ đi, để quá thời là phạm phi thời*".

2) Khai già thứ nhì :

Tỳ Ni Quan Yếu nói :"*Nếu có người bệnh nôn thuốc trở ra, khi cháo nấu chín, đã quá nhật trung, nên nấu lúa tẻ không cho vỡ vỏ, lấy nước mà uống, nếu ọ ra nơi cổ, nuốt lại không phạm*". **Sự Sao** nói :"*Tăng kỳ cho dùng nước các thứ cốc đậu gạo, không được cho vỡ đầu*". **Tư**

Trì Thích giải :"*Các loại đậu đều không vỏ, nếu vỏ phi thời không được uống*".

3) Khai già thứ ba :

Ngũ Phần ghi :"*Khi làm thạch mật giã gạo bỏ vỏ. Bổn thảo nói xứ Tây Qua dùng nước sữa bò, bột gạo hòa với đường rang luyện làm thành thạch mật. Phật dậy thạch mật được phép dùng phi thời, tác pháp nên vậy*". **Căn Bổn Yết Ma** nói *Tây Quốc làm đường đều để mạt gạo, như làm thạch mật để sữa và dầu, Phật cho phép phi thời được nhai ăn, song phải phòng thô tướng, để trưởng đạo tư thân.* Lời tự **Tỳ Ni** ghi :"*Bệnh dùng thuốc, sau ngọ tâm muộn, Phật khiến uống nước bông lúa rang, song vẫn không bớt. Phật cho dùng nước măng, bệnh vẫn không dứt. Phật cho chắt nước cháo dùng, bệnh nếu không khỏi, Phật cho đến chỗ kín đáo dùng cháo*". **Căn Bản Ni Đà Na** dậy :"*Bí Só có bệnh, được dùng nước hòa bột ăn phi thời để trị bệnh*". Lại Phật dạy, người bệnh cho uống bột, hoặc đặc hoặc viên, tùy ý mà uống, nhưng cần phải tác pháp.

4) Khai già kết luận :

Phật ngôn :"*Phàm có việc cần, ta cho bệnh nhân được phép phi thời, nếu bệnh khỏi rồi, không được dùng nữa*" (xem **Căn Bản Ni Đà Na**). **Như Thích** ghi :"*Những việc này, đều do Phật đại bi, thương xót đệ tử bệnh nặng, tùy bệnh cho thuốc, cho phép được dùng, nên nếu chẳng phải bệnh chí mạng, quyết không nên nhân chút bệnh hoạn, lợi dụng Thánh ý, như vậy không khỏi đã phạm lỗi phi thời, lại thêm tội dối Phật trái phép*". Xem như

Đông Lâm Huệ Viễn Đại Sư ở Lô Sơn, bệnh ngủ mới dậy, đệ tử dâng bát mật lên, Ngài cản lại bảo xem luật có cho phép không ? Bởi ngoại trừ bệnh ra, đều không được phép dùng. Ngài quả là mô phạm cho hàng hậu nhân trì giới.

F - GIẢI ĐÁP NGHI VẤN

Việc thọ trì bát quan trai giới như trên đã thuật, còn như lý do tất yếu phải thọ trì, nếu không hiểu biết rõ ràng, vẫn dễ bị ngoại duyên lôi kéo, nên sau khi thọ trì khó giữ được tâm không lui sụt. Vì vậy nơi các điểm dễ sinh hoài nghi, phương tiện lập nên sáu điều vấn đáp để giải thích cho rõ.

1) Nghi vấn một :

Hỏi : Tất cả luật văn đều do Phật dậy, vậy sao đồng một sự việc, hoặc khai hoặc già mỗi luật có khác. Chỉ e trải qua nhiều đời, sự truyền thọ từ người này qua người khác, chư Tăng khó tránh được thiên ý, nên chưa chắc đã hoàn toàn phù hợp Phật ý.

Đáp : Từ kim khẩu tuyên thuyết, Ưu Ba Ly tụng lời dậy của Như Lai, vừa đủ 80 lời, gọi là Bát thập tụng luật, từ Ca Diếp đảnh thọ truyền đến Ưu Bà Quật Đa khoảng hơn trăm mười năm, chưa từng khác nghĩa. Đến vua A Dục hội Tăng kết tập, người nào cũng dẫn lời Thầy họ, có khác có đồng, nên phân làm hai bộ Tăng Kỳ và Thượng Tọa. Sau đó khoảng hai trăm năm, lại chia ra mười tám bộ, nhưng chỉ có bốn bộ truyền

vào xứ Chấn Đán (Trung Quốc). Trong đó khinh trọng khai già tuy có bất đồng, nhưng đều từ Phật nói ra. Phật cũng từng tiên đoán bằng bài kệ : "*Mười tám cùng nhị bổn, tất từ Đại thừa ra, không thị cũng không phi, nơi vị lai phát sinh*". Kệ này làm chúng không còn hoài nghi gì nữa. Do căn tính chúng sinh thích dục, mỗi người mỗi khác, Như Lai tùy nghi thuyết pháp, phổ ứng quần cơ, giúp cho ai cũng thọ trì được, và thấm nhuần pháp ích. Như thầy thuốc theo bệnh cho thuốc, há lại có thể chỉ dùng một phương thôi sao ? Người sau ai theo thầy nấy do thấy biết không rộng, mỗi người chấp theo một lời, song chắc chắn vô nghi đều do từ kim khẩu Phật tuyên thuyết.

2) Nghi vấn hai :

Hỏi : Công đức trì trai chắc chắn như vậy, song chỉ một ngày một đêm, mà đạt được đủ mọi phúc báo như trên đã nói, thật ngoài sức tưởng tượng của tâm lượng kẻ phàm phu, nên thật khó sinh tín tâm.

Đáp : Kinh nói :"*Chúng sinh nghiệp lực không thể nghĩ bàn, quả báo cũng không thể nghĩ bàn*". Chúng ta đương nhiên chỉ có thể từ tín mới vào được thâm nghĩa này, trí phần của ta không thể hiểu được, nhưng theo công dụng giới mà nói, khi thọ giới đem thiện pháp này nạp vào thân tâm, do tâm nghiệp lực kết thành giới thể, khởi đại công dụng dẫn thành hậu tập, nơi các điều lối, có thể nhớ giới, có thể trì nên có thể phòng được. Tâm vô biên nên giới cũng vô biên, tâm vô tận nên giới cũng vô tận, như thọ một giới bất dâm, liền nơi tận hư không, biến pháp giới, hiện tại vị lai hết thảy nam nữ, sinh tâm

không xâm phạm cùng sinh công đức giới. Thọ giới bất sát liền nơi tận hư không biến pháp giới, quá hiện vị lai hết thảy Thánh phàm, sinh tâm không não hại cùng sinh công đức giới. Các giới khác cũng vậy. Mỗi một giới lượng chư pháp giới, nên trì một giới phúc đồng hư không. Kinh nói :"*Trì giới một ngày đêm, công đức không cùng tận*". Do nhân như vậy, được quả như vậy. Sự đã phải đến vậy, lý tất đương nhiên, suy rộng ra, một ngày đêm rồi lại một ngày đêm, ắt một tức một của nhiều. Vậy trí giả phải cố gắng.

3) Nghi vấn ba :

Hỏi : Bẩy giới đầu trong bát giới, không có gì để thắc mắc, chỉ có giới thứ tám, không ăn quá ngọ. Ngày nay sắc lực chúng sinh không như cổ nhân, nếu không suy xét cẩn thận, vội vã hành động, chỉ e chưa kịp được phúc, thân đã bị hại. Hơn nữa Phật quở ngoại đạo nhịn ăn, sao riêng giới này lại không bị chê ?

Đáp : **Kinh Bảo Tích** nói :"*Bồ Tát nếu tư duy như vầy, pháp này sâu xa, pháp kia không sâu, pháp này là tịnh, pháp kia không tịnh, pháp này nên làm, pháp kia không nên, gọi đó là tăng thượng mạn*". Chúng sinh do ăn mà sống, bị ăn uống làm phiền, không sao rời được, nên đến lui trong lục đạo, Ngã Phật thương xót người si mê, dậy họ huân tu bằng trai pháp, dần dà thú hướng đến giải thoát, ước định quá ngọ không ăn. Đó chính là Phật xử trung đạo, không rơi vào nhị biên, chẳng giống phàm phu chịu khổ bởi lòng tham ăn uống vô độ, cũng khác ngoại đạo do mê muội chịu đói vô ích. **Kinh Tăng Nhất A Hàm** nói :"*Ăn uống không tiết chế gây nhiều khổ*

hoạn, ăn uống thiếu kém không đủ khí lực suy, nay dùng pháp ăn thời thực, như cán cân không cao thấp". Phúc duyên nào chúng ta gặp được thắng pháp này, nên phải khởi tâm khó được, mà phấn chấn hành trì, sao lại khởi tâm cao ngạo, phát sinh tà kiến, phạm vào điều chê trách của Bảo Tích Kinh, gây mối tự hại tự nghi như vậy.

Lại từng thấy nhiều Phật tử, mỗi khi được người khác khuyên tu trì bát trai giới, là tự cho mình sức khỏe yếu kém, sợ giảm ăn uống, dinh dưỡng không đủ, lại sợ nửa đêm bụng đói khó chịu đựng nổi, đủ thứ suy tưởng, tự gây nhân duyên chướng đạo, nào hay ăn chiều chỉ là một thói quen, cứ đến giờ là muốn ăn, chẳng phải đói thật, nếu đói thật ắt nửa đêm đói phải gắt hơn vào lúc ăn chiều, cho đến sáng hôm sau ắt phải chịu hết nổi, nhưng sự thật lại chẳng phải vậy, ban sơ mới tập ăn ngọ, thói quen bụng đói vào giờ ăn chiều vẫn xảy ra, sau đó cho đến sáng không còn thấy đói, đủ thấy cái đói chiều qua chỉ là tác dụng của tâm ý, thử tập vài lần sẽ thấy quả đúng như vậy. Còn sợ dinh dưỡng không đủ, là vì bảo trọng thân này quá đáng mà tưởng như vậy. Phải biết tham ăn không chán, là lý do chính yếu đưa tới bệnh hoạn, nếu bảo do không ăn chiều mà bệnh, nhất định không phải. Phật là bậc nhất thiết trí, giáo pháp của Ngài để bảo hộ chúng sinh, lìa khổ được vui, và còn hơn nữa, tuyệt đối có lợi vô hại. Phật là bậc đại từ đại bi, coi chúng sinh như con cái, nên thương xót chăm lo không hở mảy may. Hễ có bệnh đều khai mở cho phép, như đã trình bày, há lại không chu đáo bằng chúng ta đang lo sao ! Nếu thường nghĩ như vậy, là tăng thượng mạn như trong Kinh Bảo Tích đã chê

trách. Nguyện cùng mọi người, nơi lời Phật sinh tín, không còn hoài nghi.

Nghi vấn bốn :

Hỏi : Bát giới vốn chế cho người tại gia, chẳng qua thông với giới của Tăng chúng xuất gia, đâu phải hết thảy mọi người đều phải thọ trì. Nay chư Tăng phần đông không thọ giới này, lại khuyên người phổ trì, nghĩa đó thế nào ?

Đáp : **Kiên Lao La Hán** có bài kệ :"*Sinh tử không đoạn tuyệt, do ưa nếm các vị, nuôi oán vào mộ phần, phải chịu bao tân khổ*". Đủ thấy ăn uống kiêu xỉ phóng dật là nhân trói buộc sinh tử, Phật chế trì trai pháp, có công năng tiềm di mặc hóa (đổi ngầm thay dần), tự lìa được khổ tham thực dục hồi nào không hay, chúng sinh vốn đồng một bệnh, nên cần cùng uống thuốc này. Đó là ý khuyên nên phụng trì giới này. Còn như hiện thời chư Tăng, hoặc cũng có người không để tâm đến điều này, đó chỉ là do nơi mỗi người hoặc xét về nhân, hoặc xét về trí, mà đặt nặng các pháp khác nhau. Ngã Phật khi còn tại thế, hàng đại đệ tử đã chứng A La Hán, mỗi người còn có riêng mỗi túc tập, huống hồ phàm phu Tăng ngày nay làm sao hành trì nhất chí được. Trì trai là pháp của ba đời chư Phật cùng hành. Nguyện người trí giả, giữ lời giáo huấn, y pháp bất y nhân, mà nỗ lực phụng hành.

Nghi vấn năm :

Hỏi : Người xuất gia trì Sa di giới và Cụ túc giới, tất bao quát bát giới bên trong, lẽ ra đã được hết mọi công đức có được của bát trai giới, có sao lại phải tái thọ, há chẳng phải là làm chuyện giường nặng thêm ván sao ? Nay lại bảo tái thọ để công đức tăng trưởng, nghĩa đó thế nào ?

Đáp : Điều này phân làm ba bậc.

Thứ nhất : theo nghĩa tác pháp thọ giới, khi nạp thiện pháp này vào trong tạng thức người thọ, khiến kết thành giới thể, song mỗi người tâm có sáng tỏ mê mờ, học có tinh thô, chưa hẳn một lần có thể thâm nhập được trọn vẹn, vì vậy Phật cho phép tái thọ. **Tư Trì** nói : "*Thọ lại có ý giúp hành giả thẩm xét lại giới đã thọ, để cầu tăng trưởng và thù thắng*". Đó là ý nghĩa tái thọ.

Người xuất gia tuy đã hành trì giới tướng của bát giới, nhưng trước kia nếu chưa chính thọ, thì không ngại gì tái thọ, để được thêm một phen cảnh sách, chuyển thành thượng phẩm. (Kinh nói :"*Giới là duyên cảnh ý*".) **Chi Phạm** nói :"*Thọ lần đầu chỉ phát trung hay hạ phẩm. Phật cho phép thọ lại để tăng trưởng, chuyển thành thượng phẩm*". Đó là ý nghĩa tăng thượng công đức.

Thứ hai : Người xuất gia nếu tái thọ bát giới, theo Kinh Dược Sư dậy, chỉ cần một năm hoặc ba tháng, trong khoảng thời gian ngắn này được đại lợi ích. Đó là nghĩa tăng thượng công đức.

Thứ ba : Nếu không đúng pháp thọ bát giới, quyết không được các công ích của bát trai giới như trong kinh nói, cho dẫu trì Cụ túc giới, luận theo công đức trì giới cũng chỉ đủ đời sau sinh thiên. Nếu y pháp tái thọ, ắt được lợi ích có đại Bồ Tát tiếp dẫn vãng sinh. Đây là nghĩa tăng trưởng công đức.

Nghi vấn sáu :

Hỏi : Ba giới sau cùng của bát giới, chỉ là việc nhỏ, không làm hại người, cần gì Phật phải răn cấm. Cho dù không phạm các điều đó, cũng chỉ là thiện nhỏ nhặt, đâu thể xếp cùng với các giới sát đạo dâm ?

Đáp : Ba giới sau có thể nhiếp năm trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc), sự tuy nhỏ nhưng đủ ngũ dục. Cái hại của ngũ dục ban đầu nhỏ sau thành to, như chỉ đốm lửa nhỏ đốt sạch cánh đồng, nước từng giọt không ngừng đủ thành sông lớn. Lửa sân khuể và nước tham ái cũng vậy, trị chúng phải ngay từ lúc ban sơ còn yếu, ắt dụng công ít mà dễ được hiệu quả, nếu đợi lửa nước đã thịnh, tất không còn kịp. **Cổ Đức** nói :"*Không làm cái nhỏ, ắt tốn sức lớn*". Phật vì phòng trừ cái nhỏ, ngăn cái dần dà (phòng vi đỗ tiệm), nên xếp những thứ này vào giới. Thế nên người chân thật biện đạo, ngay những việc nhỏ trong đời sống hằng ngày, đều dụng công khắc trị, tuy phạm ác nhỏ cũng vẫn sợ sệt, phải chận đứng nguồn ác thô trọng. Nếu ngay đến ác nhỏ còn không chận được, nói gì đến sự lớn lao, nếu nói suông chỉ là hí luận, lượm lặt cái thừa của người. Phải biết trì hay phạm, công hay lỗi đều do nơi tự tâm, nào phải do sự tướng lớn nhỏ mà luận được sao ? Phật dậy :"*Một chút*

thiện nhỏ, tuy là hữu vi, song trợ Bồ Đề, cho đến thành Phật không dám hủy hoại". Lại **Bảo Vũ Kinh** nói :"*Uống nhiều độc dược, uống ít độc dược đều làm người chết. Nếu hay phạm tội, hoặc phạm tội nhỏ cũng đều sinh ác thú*". Thế Nho cũng có câu "*Đừng cho thiện nhỏ mà không làm, đừng ngỡ ác nhỏ mà cứ làm*". Phật chế ba giới này, vì chê trách ngũ dục, để chận nguồn ác, ý chỉ thâm sâu, không ngờ gì nữa.

G - PHẬT CHỈ BẦY NỖI HỌA HOẠN CỦA NGƯỜI XUẤT GIA KHÔNG TRÌ BÁT GIỚI :

Kinh Xá Lợi Phất Vấn nói :"*Phật dậy, người ăn phi thời là người phá giới, là kẻ phạm trộm cắp. Cho phi thời cũng là phá giới, cũng phạm trộm cắp. Trộm của đàn việt, chẳng phải ý thí chủ, ắt thí chủ vô phúc, vì giống như mất của vậy*".

Lại nói :"*Trộm và nhận của trộm, dù một nắm, một bó, hột muối, chút dầu, chết đọa tiêu trường địa ngục (đốt ruột), nuốt hòn sắt nóng, từ địa ngục ra, sinh làm heo chó, ăn toàn đồ dơ, lại sinh ác điểu, bị người chán ghét tiếng kêu của chúng, sau sinh ngạ quỷ lai vãng nơi chốn già lam, ẩn nơi nhà xí, ăn toàn phẩn uế, đến cả ngàn vạn năm, sinh trở lại làm người, nghèo nàn hạ tiện, có nói điều gì cũng chẳng ai tin. Trộm của một người tội hãy còn nhẹ, tội cắt đoạt phúc điền của nhiều người, phải chịu quả đoạn xuất thế đạo*".

Nghi Thọ

Bát Quan Trai Giới

Tại Gia

Nghi thức thọ bát quan trai giới tại gia

Niệm hương

Nguyện thử diệu hương vân
Biến mãn thập phương giới
Cúng dường nhất thế Phật
Tôn Pháp, Chư Bồ Tát
Vô biên Thanh văn chúng
Cập nhất thế Thánh hiền
Duyên khởi quang minh đài
Xứng tánh tác Phật sự
Phổ huân chư chúng sinh
Giai phát Bồ Đề tâm
Viễn ly chư vọng nghiệp
Viên thành vô thượng đạo

Tán Phật

Pháp vương vô thượng tôn
Tam giới vô luân thất
Thiên nhân chi Đạo sư
Tứ sanh chi Từ phụ
Ư nhất niệm quy y
Năng diệt tam kỳ nghiệp
Xưng dương nhược tán thán
Ức kiếp mạc năng tận

Quán tưởng

Năng lễ sở lễ tánh không tịch
Cảm ứng đạo giao nan tư nghì
Ngã thử đạo tràng như đế châu
Thập phương chư Phật ảnh hiện trung
Ngã thân ảnh hiện chư Phật tiền
Đầu diện tiếp túc quy mạng lễ

Chí tâm đảnh lễ :

Nam mô tận hư không biến pháp giới quá, hiện, vị lai Thập Phương Chư Phật, Tôn Pháp, Hiền Thánh Tăng thường trú Tam Bảo *(1 lậy)*.

Chí tâm đảnh lễ :

Nam mô Ta Bà Giáo Chủ Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Đương lai Hạ Sinh Di Lặc Tôn Phật, Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát, Hộ Pháp Chư Tôn Bồ Tát, Linh Sơn Hội Thượng Phật Bồ Tát *(1 lậy)*.

Chí tâm đảnh lễ :

Nam mô Tây phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật, Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Đại nguyện Địa Tạng Vương Bồ Tát, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát *(1 lậy)*.

Cử Hương Tán

Lư hương sạ nhiệt
Pháp giới mông huân
Chư Phật hải hội tất diêu văn
Tùy xứ kiết tường vân
Thành ý phương ân
Chư Phật hiện toàn thân

Nam Mô Hương Vân Cái Bồ Tát Ma Ha Tát *(3 lần)*.

Chú Đại Bi

Nam mô Đại Bi Hội Thượng Phật Bồ Tát *(3 lần)*.

Thiên Thủ Thiên Nhãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni

Nam mô hắc ra đát na đá ra dạ da. Nam mô A lị gia bà lô kiết đế thước bát ra da, bồ đề tát đỏa bà gia, ma ha tát đỏa bà gia, ma ha ca lô ni ca da. Án tát bàn ra phạt duệ số đát na đát tỏa. Nam mô tất kiết lật đỏa, y mông a lị gia bà lô kiết đế thất Phật ra lăng đà bà.
Nam mô na ra cẩn trì hê rị, ma ha bàn đa sa mế, tát bà a tha đậu du bằng, a thệ dựng, tát bà tát đa, na ma bà dà ma phạt đạt đậu đát điệt tha. Án, a bà lô hê, lô ca đế, ca ra đế, di hê lị, ma ha bồ đề tát đỏa, tát bà tát bà, ma ra ma ra, ma hê ma hê, rị đà dựng, cu lô cu lô kiết mông đồ lô đồ lô, phạt xà da đế, ma ha phạt xà da đế, đà la đà la, địa rị ni, thất Phật ra da, dá ra dá ra. Mạ

mạ phạt ma ra, mục đế lệ, y hê y hê, thất na thất na, a ra sâm Phật ra xá lợi, phạt sa phạt sâm, Phật ra xá da, hô lô hô lô ma ra, hô lô hô lô hê rị, ta ra ta ra, tất rị tất rị, tô rô tô rô, bồ đề dạ bồ đề dạ, bồ đà dạ bồ đà dạ, di đế rị dạ, na ra cẩn trì địa rị sắt ni na, ba dạ ma na ta bà ha. Tất đà dạ ta bà ha, ma ha tất đà dạ ta bà ha. Tất đà du nghệ thất bàn ra dạ ta bà ha. Na ra cẩn trì ta bà ha. Ma ra na ra ta bà ha. Tất ra tăng a mục khư da, ta bà ha. Ta bà ma ha a tất đà dạ ta bà ha. Giả kiết ra a tất đà dạ ta bà ha. Ba đà ma yết tất đà dạ ta bà ha. Na ra cẩn trì bàn đà ra dạ ta bà ha. Ma bà rị thắng kiết ra dạ, ta bà ha. Nam mô hắc ra đát na đá ra dạ da. Nam mô a lỵ da bà lô kiết đế thước bàn ra dạ, ta bà ha.

Án, tất điện đô mạn đà ra bạt đà dạ ta bà ha *(3 lần)*.

Nam Mô Thập Phương Thường Trú Tam Bảo *(3 lần)*

Kệ Tán Pháp

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật *(3 lần)*.

Vô thượng thậm thâm vi diệu Pháp
Bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ
Ngã kim kiến văn đắc thọ trì
Nguyện giải Như Lai Tỳ Ni nghĩa

Nam Mô Khai Bảo Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát *(3 lần)*

Thỉnh Phật Chứng Minh :

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.
Đệ tử pháp danh là ..... một lòng phụng thỉnh Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, mười phương ba đời tất cả chư Phật, chư Tôn Pháp, chư Bồ Tát, chư Hiền Thánh Tăng, cúi xin Tam Bảo rũ lòng từ bi lân mẫn, lai lâm chứng giám. Con nhờ sức từ của Tam Bảo được thọ Bát Quan Trai Giới, xin thương xót cho con. *(Ba lần thỉnh ba lần lậy)*

Sám hối

Đệ tử pháp danh là ..... chí tâm sám hối. Vì trước đã tạo bao ác nghiệp, đều do vô thủy tham sân si, từ thân, miệng, ý phát sinh ra, đệ tử thảy đều xin sám hối.

Tam quy

Đệ tử pháp danh là ..... quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, một ngày một đêm tu Bát Quan Trai Giới thanh tịnh.

Tam kết

Đệ tử pháp danh là ..... quy y Phật rồi, quy y Pháp rồi, quy y Tăng rồi, một ngày một đêm tu Bát Quan Trai Giới thanh tịnh rồi.
(*Các câu trên đều đọc ba lần, mỗi lần lậy một lậy*)

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.
Con nay nguyện thọ Bát Quan Trai Giới đối trước chư Phật xin phát nguyện :

Tuyên giới tướng

Như Chư Phật trọn đời không sát hại chúng sinh, con nay một ngày một đêm nguyện không sát hại chúng sinh.

Như Chư Phật trọn đời không trộm cắp, con nay một ngày một đêm nguyện không trộm cắp.

Như Chư Phật trọn đời không dâm dục, con nay một ngày một đêm nguyện không dâm dục.

Như Chư Phật trọn đời không nói dối, con nay một ngày một đêm nguyện không nói dối.

Như Chư Phật trọn đời không uống rượu, con nay một ngày một đêm nguyện không uống rượu.

Như Chư Phật trọn đời không trang điểm, không đeo chuỗi anh lạc và xoa ướp dầu thơm, con nay một ngày một đêm nguyện không trang điểm, không đeo chuỗi anh lạc và xoa ướp dầu thơm.

Như Chư Phật trọn đời không nằm ngồi giường cao tốt đẹp, không làm trò ca múa và cố ý xem nghe, con nay một ngày một đêm nguyện không nằm ngồi giường cao tốt đẹp, không làm trò ca múa và cố ý xem nghe.

Như Chư Phật trọn đời không ăn phi thời, con nay một ngày một đêm nguyện không ăn phi thời.

(*Mỗi câu lậy một lậy*).

Phát Nguyện Hồi Hướng

Con nay nhờ công đức thọ Bát Quan Trai Giới, khỏi đọa vào ác thú, bát nạn, biên địa, nguyện đem công đức này hồi hướng cho hết tất cả chúng sinh đều trọn thành Vô thượng Chính giác và tương lai đều sinh về Tịnh Độ.

Nhất tâm đảnh lễ thập phương tam thế nhất thiết thường trụ Tam Bảo.

(Ba lần phát nguyện ba lần lậy)

Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh

Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời chiếu kiến ngũ uẩn giai không độ nhất thế khổ ách.

Xá Lợi Tử, sắc bất dị Không, Không bất dị sắc, sắc túc thị Không, Không túc thị sắc, thọ tưởng hành thức diệc phục như thị. Xá Lợi Tử, thị chư pháp Không tướng, bất sinh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm. Thị cố Không trung, vô sắc vô thọ tưởng hành thức, vô nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý, vô sắc thanh hương vị xúc pháp, vô nhãn giới nãi chí vô ý thức giới, vô vô-minh diệc vô vô-minh tận, nãi chí vô lão tử diệc vô lão tử tận,

vô khổ tập diệt đạo, vô trí diệc vô đắc. Dĩ vô sở đắc cố, Bồ Đề Tát Đỏa y Bát Nhã Ba La Mật Đa cố, tâm vô quái ngại, vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng cứu cánh Niết Bàn. Tam thế chư Phật, y Bát Nhã Ba La Mật Đa cố, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

Cố tri Bát Nhã Ba La Mật Đa, thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhất thế khổ, chân thật bất hư. Cố thuyết Bát Nhã Ba La Mật Đa chú, tức thuyết chú viết : Yết đế yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, Bồ Đề Tát Bà Ha *(3 lần)*

Hồi Hướng

Thọ giới công đức thù thắng hạnh
Vô biên thắng phước giai hồi hướng
Phổ nguyện pháp giới chư chúng sinh
Tốc vãng vô lượng quang Phật sát
Nguyện tiêu tam chướng trừ phiền não
Nguyện đắc trí huệ chân minh liễu
Phổ nguyện tội chướng tất tiêu trừ
Thế thế thường hành Bồ Tát đạo
Nguyện sinh Tây phương Tịnh Độ trung
Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu
Hoa khai kiến Phật ngộ vô sinh
Bất thối Bồ Tát vi bạn lữ
Nguyện dĩ thử công đức
Phổ cập ư nhất thiết
Ngã đẳng dữ chúng sinh
Giai cộng thành Phật đạo.

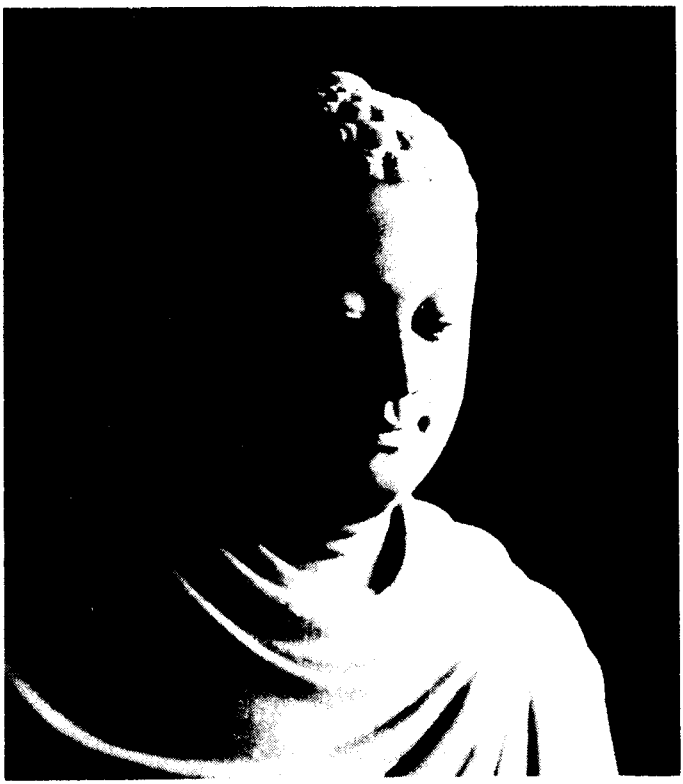

Nghi thức xả giới

Niệm hương.

Nguyện thử diệu hương vân
Biến mãn thập phương giới
Cúng dường nhất thế Phật
Tôn Pháp, chư Bồ Tát
Vô biên Thanh văn chúng
Cập nhất thế Thánh hiền
Duyên khởi quang minh đài
Xứng tánh tác Phật sự
Phổ huân chư chúng sinh
Giai phát Bồ Đề tâm
Viễn ly chư vọng nghiệp
Viên thành vô thượng đạo

Tán Phật

Pháp vương Vô Thượng Tôn
Tam giới vô luân thất
Thiên nhân chi Đạo sư
Tứ sanh chi Từ phụ
Ư nhất niệm quy y
Năng diệt tam kỳ nghiệp
Xưng dương nhược tán thán
Ức kiếp mạc năng tận

Quán tưởng

Năng lễ sở lễ tánh không tịch
Cảm ứng đạo giao nan tư nghì
Ngã thử đạo tràng như đế châu
Thập phương chư Phật ảnh hiện trung
Ngã thân ảnh hiện chư Phật tiền
Đầu diện tiếp túc quy mạng lễ

Chí tâm đảnh lễ :

Nam mô tận hư không biến pháp giới quá, hiện, vị lai Thập Phương Chư Phật, Tôn Pháp, Hiền Thánh Tăng Thường Trú Tam Bảo *(1 lậy)*.

Chí tâm đảnh lễ :

Nam mô Ta Bà Giáo Chủ Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Đương lai hạ sanh Di Lặc Tôn Phật, Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát, Hộ Pháp chư Tôn Bồ Tát, Linh Sơn Hội Thượng Phật Bồ Tát *(1 lậy)* .

Chí tâm đảnh lễ :

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật, Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Đại nguyện Địa Tạng Vương Bồ Tát, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát *(1 lậy)*.

Cử Hương Tán

Lư hương sạ nhiệt
Pháp giới mông huân
Chư Phật hải hội tất diêu văn
Tùy xứ kiết tường vân
Thành ý phương ân
Chư Phật hiện toàn thân

Nam Mô Hương Vân Cái Bồ Tát Ma Ha Tát *(3 lần)*.

Chú Đại Bi

Nam mô Đại Bi Hội Thượng Phật Bồ Tát *(3 lần)*.

Thiên Thủ Thiên Nhãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni.

Nam mô hắc ra đát na đá ra dạ da. Nam mô A lị gia bà lô kiết đế thước bát ra da, bồ đề tát đỏa bà gia, ma ha tát đỏa bà gia, ma ha ca lô ni ca da. Án tát bàn ra phạt duệ số đát na đát tỏa. Nam mô tất kiết lật đỏa, y mông a lị gia bà lô kiết đế thất Phật ra lăng đà bà.

Nam mô na ra cẩn trì hê rị, ma ha bàn đa sa mế, tát bà a tha đậu du bằng, a thệ dựng, tát bà tát đa, na ma bà dà ma phạt đạt đậu đát điệt tha. Án, a bà lô hê, lô ca đế, ca ra đế, di hê lị, ma ha bồ đề tát đỏa, tát bà tát bà, ma ra ma ra, ma hê ma hê, rị đà dựng, cu lô cu lô kiết mông đồ lô đồ lô, phạt xà da đế, ma ha phạt xà da đế, đà la đà la, địa rị ni, thất Phật ra da, dá ra dá ra. Mạ

mạ phạt ma ra, mục đế lệ, y hê y hê, thất na thất na, a ra sâm Phật ra xá lợi, phạt sa phạt sâm, Phật ra xá da, hô lô hô lô ma ra, hô lô hô lô hê rị, ta ra ta ra, tất rị tất rị, tô rô tô rô, bồ đề dạ bồ đề dạ, bồ đà dạ bồ đà dạ, di đế rị dạ, na ra cẩn trì địa rị sắt ni na, ba dạ ma na ta bà ha. Tất đà dạ ta bà ha, ma ha tất đà dạ ta bà ha. Tất đà du nghệ thất bàn ra dạ ta bà ha. Na ra cẩn trì ta bà ha. Ma ra na ra ta bà ha. Tất ra tăng a mục khư da, ta bà ha. Ta bà ma ha a tất đà dạ ta bà ha. Giả kiết ra a tất đà dạ ta bà ha. Ba đà ma yết tất đà dạ ta bà ha. Na ra cẩn trì bàn đà ra dạ ta bà ha. Ma bà rị thắng kiết ra dạ, ta bà ha. Nam mô hắc ra đát na đá ra dạ da. Nam mô a lỵ da bà lô kiết đế thước bàn ra dạ, ta bà ha.

Án, tất điện đô mạn đà ra bạt đà dạ ta bà ha *(3 lần)*.

Nam Mô Thập Phương Thường Trú Tam Bảo *(3 lần)*.

Bạch Phật Xả Giới

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Đệ tử pháp danh là ..... đã thọ Bát Quan Trai Giới giữ trọn một ngày một đêm, nay đối trước Tam Bảo (Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Tây Phương Giáo Chủ A Di Đà Phật, Đại Từ Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát, Đương Lai Hạ Sinh Di Lặc Tôn Phật (*cùng danh hiệu tất cả những tượng ảnh Phật Bồ Tát đang thờ ở nhà*), cúi xin Tam Bảo từ bi lai lâm chứng giám, rũ lòng lân mẫn chứng minh cho con xin xả giới.

Nguỡng nguyện đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, chư Tôn Pháp, chư Hiền Thánh Tăng từ bi chứng minh cho con được trượng thừa công đức.

Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh

Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời chiếu kiến ngũ uẩn giai không độ nhất thế khổ ách.

Xá Lợi Tử, sắc bất dị Không, Không bất dị sắc, sắc tức thị Không, Không tức thị sắc, thọ tưởng hành thức diệc phục như thị. Xá Lợi Tử, thị chư pháp Không tướng, bất sinh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm. Thị cố Không trung, vô sắc vô thọ tưởng hành thức, vô nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý, vô sắc thanh hương vị xúc pháp, vô nhãn giới nãi chí vô ý thức giới, vô vô-minh diệc vô vô-minh tận, nãi chí vô lão tử diệc vô lão tử tận, vô khổ tập diệt đạo, vô trí diệc vô đắc. Dĩ vô sở đắc cố, Bồ Đề Tát Đỏa y Bát Nhã Ba La Mật Đa cố, tâm vô quái ngại, vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng cứu cánh Niết Bàn. Tam thế chư Phật, y Bát Nhã Ba La Mật Đa cố, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

Cố tri Bát Nhã Ba La Mật Đa, thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhất thế khổ, chân thật bất hư. Cố thuyết Bát Nhã Ba La Mật Đa chú, tức thuyết chú viết : Yết đế yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, Bồ Đề Tát Bà Ha *(3 lần)*.

Hồi Hướng.

Tu trai viên mãn thù thắng hạnh
Vô biên thắng phước giai hồi hướng
Phổ nguyện pháp giới chư chúng sinh
Tốc vãng vô lượng quang Phật sát
Nguyện tiêu tam chướng trừ phiền não
Nguyện đắc trí huệ chân minh liễu
Phổ nguyện tội chướng tất tiêu trừ
Thế thế thường hành Bồ Tát đạo
Nguyện sinh Tây phương Tịnh Độ trung
Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu
Hoa khai kiến Phật ngộ vô sinh
Bất thối Bồ Tát vi bạn lữ
Nguyện dĩ thử công đức
Phổ cập ư nhất thiết
Ngã đẳng dữ chúng sinh
Giai cộng thành Phật đạo.

Tam Quy Y

Tự quy y Phật, đương nguyện chúng sinh, thể giải đại đạo, phát vô thượng tâm *(1 lậy)*.

Tự quy y Pháp, đương nguyện chúng sinh, thâm nhập kinh tạng, trí huệ như hải *(1 lậy)*.

Tự quy y Tăng, đương nguyện chúng sinh, thống lý đại chúng, nhất thiết vô ngại *(1 lậy)*.

Tiếng Lòng

TRONG ĐÊM KHUYA.

Dìu hiu gió sương khuya rơi lác-đác,
Ánh sương mờ xóa nhạt khắp không gian
Tiếng suối đờn rỉ-rả cuối thôn làng
Giọng réo rắc than van đàn dế lạnh.

Trong tịnh thất nổi lòng người phạm hạnh
Thỏa thích đời hiu quạnh mãi trầm tư.
Thả tâm hồn buả khắp cõi thái-hư,
Để thực nghiệm Đạo-Tư cơ tối diệu.

Khi xả định còn ngồi trên mảnh chiếu
Lòng hân hoan trổi điệu nhạc du dương
Sống hoà vui trong cảnh giới chơn thường
Ôi! hạnh phúc miên trường ai biết nhỉ?

Nhìn qúa khứ quay ngược dòng suy nghĩ
Tiền căn mình tích lũy phước duyên lành
Nên giờ đây trong lúc tuổi còn xanh,
Gặp được Ánh Quang-Minh dìu thoát tục.

Rồi liếc mắt qua bến đời mê đục,
Thấy nhân sinh trôi hụp biển trần duyên
Chịu đau thương thất vọng khổ triền miên
Gẫy oan trái, oan khiên không kể xiết

Thế nhân hỡi nghe chăng lời tha thiết
Của tình thương bất diệt đáy lòng ta
Mãy về đây giải-thoát khỏi ái-hà
Tựa bên gối Phật Đà vô lượng thọ.

Cõi Cực-lạc là Huỳnh y rạng rỡ
Liên Hoa đài sáng tỏ Ánh Quang Minh
Đức Di-Đà an-toạ thuyết chơn kinh
Trong pháp tánh phàm tình không thấu đạt

Mỗi nhân thế ráng khai thông trực giác
Lò ngủ hương xông ngát cõi tam thiên
Mãy về đi, đây rộng mở cửa Thiền
Theo gót ngọc Tăng hiền đang trôi bước

Nhưng khuyên mãi mấy ai đồng nguyện ước
Phải chăng ta thiếu phước kém tu hành
Bởi mê mờ chưa đắc quả vô-sanh,
Nên pháp lý không thành cơ hóa độ.

Thôi thì quyết thu hình trong một xó,
Vui cái đời vất bỏ của phế-nhân
Vui làm câm, vui làm điếc ngu đần,
Vui lặng lẽ thanh bần trong mái lá

Ta như một cái thây ma rục-rã
Lịm trong hòm chôn dưới mả tù lâu
Mặc thế nhân, hoặc vui sướng lo rầu
Ta cứ mãi chìm sâu trong vắng lặng

Dành một chuỗi thời gian dài đằng đẵng
Để đi vào rừng thẳm của tâm trung
Ngày tương lai chân lý đạo sáng bừng
Sẽ rọi khắp đường trần âu chẳng muộn

Ta không phải bi quan người đã tưởng
Không chán đời để muốn cảnh nâu sồng
Không thất tình tìm khuây khoả tất lòng
Không tiêu cực cũng không là ích kỷ.

Bởi suy niệm trước bao người tận tụy
Theo tiếng lòng cao quý của tình thương
Mãi xông pha lao khổ gội nắng sương
Nhưng rốt cuộc khôn đường đời thinh sắc

Ôi! phát nguyện độ đời, đời vướng mắc
Bao con tim héo hắc xót gan vàng
Đôi mắt mờ lệ mãi đọng hoà chan
Hậu cô nghiệp Thành Thang dòng nước cuộn

Trước thảm trạng sương mù mây gió cuốn
Bã rừng cây lý tưởng rạp theo chiều.
Gây phong trào thời chuyển biết bao nhiêu
Khiến ta phải đâm chiêu tình thương hại

Ai kia hỡi ráng ngắn lòng tê-tái
Đây bàn tay bác ái nhẹ nâng đưa
Vuốt vết thương hàn gắng vẹn nguyện xưa
Để nối lại dây vàng vừa đứt đoạn

Ôi! vẳng tiếng chuông chùa rơi nhẹ thoảng
Trên không gian nhấp nhoáng điểm sao mê
Tiếng ó...o... gà gáy vọng xa đưa,
Ta hy-vọng tương lai đời cực-lạc.

PHƯƠNG DANH PHẬT TỬ ẤN TỐNG BÁT QUAN TRAI THẬP GIẢNG

●●●●●●●

Trần Bích Trân. 50
Trương Quả Khanh. 20
Ngô Kiến Háo. 20
Ngô Quốc Tài. 20
Ngô Vĩ Vân 20
Ngô My Vân 20
Trương Huệ Khanh. 40
Trần Hán So 40
Trần Chí Dũng. 30
Trần Chí Cường. 30
Trương Khiêm Châu. 20
Huỳnh Thị Hễn. 20
Trương Peggy. 5
Trương Roland. 5
Lý Thải. 5
Trương Huey 100
Trương Eric. 20
Trương Chí Kiết. 5
Thiếm Hùng. 20
Thanh Ngọc. 20
Cô Dung. 10
Thái Lệ Phương. 50
Lý Thiêm Thủy. 50
Trinh An Ngại. 20
Diệu Linh. 20
Tô Chu Sên. 20
Trương Thạnh Ngân. 20
Trương Tú Đào. 140
Lưu Đông. 140
Lưu Jammy. 100
Lưu Jason. 100
Mã Diệp. 20
Trương Huệ Ngọc. 20
Ngọc Thấm. 10
Diệu Nhàn. 10
Thị Tốt. 10
Mã Loan. 20
Tô Thị Ủi. 20
Tô Nguyệt. 10
Tô Yến. 10
Của Chúng. 90

Hồi hướng công đức:

Nam Mô A Di Đà Phật

Nguyện đem công đức nầy hồi hướng Tây Phương Trang Nghiêm Tịnh Độ. Nguyện Cửu Huyền Thất Tổ quá vãng siêu sanh, Phụ Mẫu tại tiền Phước Thọ Tăng Long, Phụ Mẫu quá thế vãng sanh Tịnh Độ.

Âm siêu dương thới hải yến hà thanh, khắp cùng pháp giới chúng sanh, đồng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới đồng thành Phật đạo.

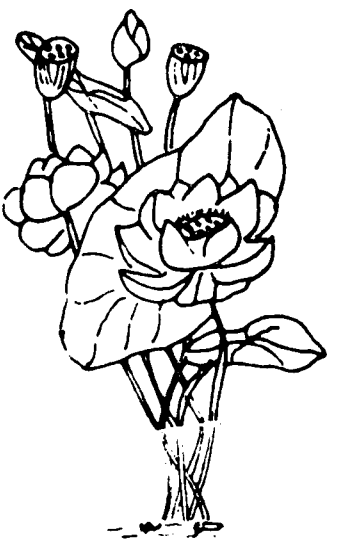

Tái Bản Ấn Tống
Bính Tý
1996
Tại California